

**NIỆM PHẬT ĐẠT BÁT NIỆM TỰ NIỆM
BẢO ĐẢM VĨNG SANH**

THÍCH MINH TUỆ

THÍCH MINH TUỆ

**NIỆM PHẬT
ĐẠT BẤT NIỆM
TỰ NIỆM
BẢO ĐẢM VĨNG SANH**

Sách Biếu, Không Bán

Phật Lịch 2555 - Tây Lịch 2011

Tịnh Luật Tùng Thư

1- Kinh A Di Đà *Thích Tịnh Trí dịch*

2- Kinh Dược Sư *Thích Tịnh Trí dịch*

3- Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh

Pháp sư Tịnh Không biên soạn,

Nguyễn Trùng dịch.

4- Kệ niệm Phật *Hoà thượng Thích Trí Tịnh soạn*

5- Niệm Phật Đạt Bất Niệm Tự Niệm Bảo

Đảm Vãng Sanh Thích Minh Tuệ biên soạn,

6- Tuyền Hư Lão Nhân Tịnh Độ Tuyền Tập

Cư sĩ Lý Bình Nam

7- Tuyền Trạch Bồn Nguyên Niệm Phật Tập

Pháp Nhiên Thượng Nhân biên soạn

Thích Tịnh Nghiêm dịch - 2006

Niệm Phật Tông Yếu *Pháp Nhiên Thượng Nhân soạn*

Nguyễn Văn Nhân dịch - 1997

Niệm Phật Thành Phật



Niệm Phật Đạt Bất Niệm Tự Niệm Bảo Đảm Vãng Sanh
Thích Minh Tuệ



Chữ ký của Hòa Thượng Thích Trí Tịnh
sau khi hiệu đính.

Lời giới thiệu

Tham Mộ Bốn Vị Thích Ca Như
Đức Phật

Tham Mộ A Di Đà Phật

Rất hân hạnh được Thầy
Minh Tuệ tử Mỹ Quốc gửi
về quyển "Thiền Phật Đạt Bất
Thiền Từ Thiền Bảo Dảm
Vãng Sanh" nhờ tôi kính trình
lên Đức Hòa Thượng thường
Trí ha Tịnh, viên chủ chùa Vạn
Đức, nhờ Ngài hiệu đính.

Ngài Hòa Thượng rất học
hi và đọc quyển sách đến hai
lần, Ngài rất hài lòng cho
rằng: "Quyển Thiền Phật Đạt
Bất Thiền Từ Thiền Bảo Dảm
Vãng Sanh" này rất hay, toàn
lời, ý đều là của chủ Cổ, chủ cũ
Đức, Ngài không còn ý kiến nào
để bổ sung thêm được nữa". Nên
Ngài chỉ ký tên để chứng minh,
thay lời hiệu đính của Ngài.

Hình thừa quý bạn đồng tu,
Cùng tu Pháp Môn Kinh Độ Trì
Danh Giới Môn Phật, trước sự yêu cầu
thiết tha của Thầy Thích Huệ, tôi
dành phải viết đôi lời giới thiệu thô
nêch này. Đọc đi đọc lại tôi ba lần,
tôi nhận thấy quyển sách này rất
hay, rất cần thiết, rất quý cho tất
cả Phật tử tu Pháp môn Giới Môn Phật.

Thường tiến trình về "Phường
Pháp Hành Trì" và "Giới Môn
Phật" Bao Đỡ Bảo Đảm Vãng Sanh
rất chặt chẽ, chi tiết, tỉ mỉ, căn
xê, dễ hiểu, dễ hành, thêm những
điều cảm say, chứng tỏ tác giả là
một hành giả dày dạn kinh
nghiệm đã từng vượt qua bao
khó khăn, chướng duyên với ý
chí vững bền mới đạt được kết
quả "Bát Giới Môn Phật" này.

Duyên "Giới Môn Phật Đạt Bát
Giới Môn Phật Bao Đảm Vãng
Sanh" này xuất phát từ sự tu
tử trẻ chứng của tác giả.

Tôi xin thành tâm giới thiệu

Hòa Thượng Thích Thiện Huệ

Thiền Huệ

LỜI NGỎ

Nam Mô A Di Đà Phật.

Minh Tuệ tôi là một tiểu tăng rất dốt chữ nghĩa và giáo lý, lại thêm tuổi già sức yếu không có khả năng tụng kinh, tọa thiền, chỉ dốc một lòng niệm Phật A Di Đà cầu vãng sanh Cực Lạc để thành Phật độ chúng sanh. Sau nhiều năm nhập thất tịnh tu, vâng lệnh Thầy Trụ trì và Thầy Giáo thọ, tôi ra thất chia xẻ kinh nghiệm niệm Phật cầu vãng sanh cho Phật tử chùa Tịnh Luật từ tháng ba năm 2009. Sau một năm làm Phật sự, có một số Phật tử trong và ngoài tiểu bang Texas thiết tha yêu cầu tôi viết lại kinh nghiệm tu tập của mình để làm kim chỉ nam cho hành giả Tịnh Độ. Tôi đã nhiều lần từ chối, hôm nọ bỗng dưng tôi chợt nhớ lại lời chư Tổ, chư Cổ đức dạy: “Tỳ kheo là phải tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự và dù phải bỏ thân mạng để hoằng dương Tịnh độ, vẫn phải làm”, nên tôi mạnh dạn nhận lời viết quyển “Niệm Phật Đạt Bất Niệm Tự Niệm Bảo Đám Vãng Sanh” này.

Từ đó, hằng ngày sau thời khóa niệm Phật, tôi thường cầu Đức từ phụ A Di Đà và chư Phật mười phương gia bị cho tôi viết quyển sách này **đúng như pháp**. Sau nhiều tháng đọc qua sách vở, tôi sưu tập những lời dạy của Đức Thế Tôn, chư Tổ, chư Cổ đức, rút gọn lại những kinh nghiệm hành trì, cộng thêm sự khích lệ và giúp đỡ quý báu của quý Thầy, quý liên hữu gần xa, tôi hoàn thành được quyển sách nhỏ bé này.

Nhân đây, chúng tôi thành kính tri ân: Hòa thượng Thượng Trí Hạ Tịnh, (viện chủ Chùa Vạn Đức), Hòa thượng Thượng Thiện Hạ Huệ, Đại đức Thích Tịnh Trí (Trụ trì chùa Tịnh Luật), Đại đức Thích Pháp Quang (Giáo Thọ chùa Tịnh Luật), Đại đức Thích Chân Văn (FL) cùng chư liên hữu: Minh Chí (MI), Diệu Âm (Ngọc Minh, Austin), Phạm Khanh (KT

Printing), Hoàng Minh, Hoàng Huệ, Tịnh Ngọc (Houston), Bảo Nghiêm (PA), Diệu Thanh (CA), Quảng Âm (CA), Minh Trung (CA), Phương Đoan (VA), Huệ Tâm (CA), Quảng Diên, Thiện Bảo, Không Trì, cô Uyên Đình, cô Tâm Lý, cô Ngọc Tâm và nhiều liên hữu khác đã khuyến khích, tận tâm giúp đỡ tôi hoàn thành quyển sách này.

Chúng tôi ước mong quyển sách này được phổ biến rộng rãi, những ai có duyên được đọc, áp dụng đúng lời chỉ dẫn chắc chắn sẽ thỏa chí nguyện là đạt Bất Niệm Tự Niệm Bảo Đảm Vãng Sanh Cực Lạc thành Phật độ chúng sanh.

Tự thiết nghĩ đức trí hạ liệt, với kinh nghiệm nhỏ nhoi hạn hẹp, không sao tránh khỏi những lỗi lầm sai sót. Chúng con thành tâm kính đê đầu đánh lễ ngưỡng mong các bậc Tôn Túc từ bi hoan hỉ chỉ dạy cho.

Chúng tôi cũng hết lòng cầu mong các liên hữu gần xa tự nguyện hoan hỉ góp ý xây dựng, để tài liệu này ngày càng phong phú hơn hầu thật sự đem lại nhiều lợi ích cho hành giả Tịnh độ.

Việc làm này nếu có chút ít công đức, con nguyện hồi hướng cho tất cả chúng sanh trong mười phương pháp giới đồng phát khởi, trưởng dưỡng, thành tựu **Tín, Nguyện, Hạnh** để cùng con đồng vãng sanh Cực Lạc, thành Phật độ chúng sanh.

Nam Mô A Di Đà Phật

Mùa An cư kiết hạ 2010

Tu viện Tịnh Luật

Thích Minh Tuệ kính ghi

LỜI TRI ÂN

Nam Mô A Di Đà Phật,

Chúng con thành kính đê đầu đánh lễ tri ân:

- Hòa thượng Thượng Trí Hạ Tịnh đã ký tên ấn chứng tác phẩm được viết đúng như pháp.
- Hòa thượng Thượng Thiện Hạ Huệ đã nêu lên những đặc điểm của sách, thật sự hữu ích lớn cho hành giả Tịnh độ.
- Thầy Minh Tuệ đã chỉ dạy rành rẽ, rõ ràng, chi tiết, tỉ mỉ một phương pháp hành trì rất đơn giản, thực tế, dụng công ít mà thành quả cao, tự bảo đảm vãng sanh.

Y cứ vào những điều nói trên chúng con vững niềm tin, chăm chỉ đọc sách, đồng mãnh tinh tấn thực hành đúng theo lời chỉ dạy nên có một số người chỉ niệm Phật trong vài ba hôm được nhập tâm. Chúng con được biết hiện nay đã có trên năm mươi (50) vị (xuất gia và tại gia) niệm Phật nhập tâm, đạt Bất niệm tự niệm tự bảo đảm được vãng sanh Cực Lạc, bất luận tình huống nào.

Quả thật đây là chân diệu pháp, là pháp môn hợp thời cơ, dễ tu, dễ chứng, là con đường tắt nhất trong con đường tắt, chỉ trong một đời thành Phật, không như những pháp môn khác phải tu đến ba đại a tăng kỳ kiếp.

Thời mạt pháp này mà được Thầy Minh Tuệ trải qua nhiều năm nhập thất tịnh tu, thu thập, rút tía nhiều kinh nghiệm quý báu rồi trao truyền lại cho chúng con tu tập mang lại kết quả như ý, thật là một điều hy hữu, đập tan mọi lo lắng, nghi ngờ nặng mang trong nhiều năm mò mẫm hành trì.

Đây là cánh cửa lớn rộng mở cho hành giả Tịnh độ được Vãng sanh Cực Lạc như ý nguyện.

Chúng con nhiệt liệt tán thán công đức vĩ đại của quý Thầy, thành kính tri ân quý Thầy, đồng thời nguyện noi gương quý Thầy (hành Bồ Tát hạnh) chia sẻ kinh nghiệm tu trì, đồng thời bằng mọi cách giúp đỡ mọi liên hữu có duyên hầu cùng nhau vãng sanh Cực Lạc thành Phật độ chúng sanh.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nam Mô A Di Đà Phật.

*Tu viện Tịnh Luật mùa thu 2010
Một nhóm Phật tử ở Texas (USA)*

Tự Tâm Niệm Phật,

Tự Tâm Thành Phật



Tổ Sư Pháp Nhiên Thượng Nhân dạy:

Không cần để ý đến vọng niệm, tán loạn... mà chỉ chuyên cần xưng danh hiệu.

Nếu thường xưng danh hiệu thì do công đức của Phật danh, vọng niệm tự dừng, tán loạn tự yên, tam nghiệp (thân, khẩu, ý) tự điều hòa, nguyện tâm tự phát.

Bởi thế:

- Khi nguyện tâm còn yếu cũng **Nam Mô A Di Đà Phật.**
- Khi tâm tán loạn nhiều cũng **Nam Mô A Di Đà Phật.**
- Khi vọng niệm sinh khởi cũng **Nam Mô A Di Đà Phật.**
- Khi thiện tâm phát sanh cũng **Nam Mô A Di Đà Phật.**
- Khi bất tịnh cũng **Nam Mô A Di Đà Phật.**
- Khi thanh tịnh cũng **Nam Mô A Di Đà Phật.**
- Khi tam tâm còn yếu cũng **Nam Mô A Di Đà Phật.**
- Khi tam tâm đầy đủ cũng **Nam Mô A Di Đà Phật.**
- Khi tam tâm hiện khởi cũng **Nam Mô A Di Đà Phật.**
- Khi tam tâm thành tựu cũng **Nam Mô A Di Đà Phật.**

Đây là yếu quyết đưa đến nhập tâm, đạt Bất niệm tự niệm Bảo đãm vãng sanh, xin ghi khắc vào tâm can chớ quên.

Nam Mô A Di Đà Phật

Lời Phật dạy:

Đức Thế Tôn nói:

“Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”.

Chư Tổ nói:

“Chúng sanh vốn dĩ là Phật”.

Do vậy Tổ Liên Trì đại sư nói:

“-Sát sanh là giết hại Phật vị lai, **tội lớn nhất** (cực ác).

-Phóng sanh là cứu mạng sống Phật vị lai là **phước lớn nhất** (cực thiện)”.

Tổ Sư Pháp Nhiên dạy:

Phàm muốn xa lìa sanh tử, cần phải bỏ Thánh Đạo môn mà vào Tịnh Độ môn. Trong Tịnh Độ môn nên bỏ tạp hạnh mà tu Chánh hạnh. Trong Chánh hạnh cần phải gác qua Trợ nghiệp mà chọn lấy Chánh Định nghiệp. Chánh Định nghiệp tức là xưng danh hiệu Phật. Hễ xưng danh liền được vãng sanh, vì nhờ sức bản nguyện của Phật.

***Trên đường Trời Người, tu phước làm đầu,
Trong biển sinh tử, niệm Phật bậc nhất.***

Nam Mô A Di Đà Phật

MỤC LỤC

PHẦN I

LÒNG TIN LÀ GỐC VÀO ĐẠO

1. Hợp thời cơ.....2
2. Dễ tu2
3. Dễ chứng3

PHẦN II

TƯ LƯƠNG TỊNH ĐỘ

1. Tín9
2. Nguyện 12
3. Hạnh 14

PHẦN III

TIÊU CHUẨN VĨNG SANH

1. Điều kiện vãng sanh 21
2. Lý do không vãng sanh 23

PHẦN IV

PHƯƠNG PHÁP HÀNH TRÌ

1. Lợi ích của sự niệm Phật..... 27

2. Công đức niệm Phật.....	34
3. Bốn môn niệm Phật.....	37
4. Thực hành.....	44

PHẦN V

NIỆM PHẬT THỂ NÀO ĐỂ BẢO ĐẢM VÃNG SANH

1. Tiến trình tu tịnh nghiệp.....	68
2. Những yếu quyết niệm Phật được nhất tâm.....	69
3. Chuyên tu chánh hạnh.....	75
4. Nhập tâm.....	77
5. Bất niệm tự niệm.....	83
6. Bảo đảm vãng sanh.....	87

PHẦN VI

KHUYẾN TẤN HƯỚNG THƯỢNG

1. Khuyến tu giải thoát.....	89
2. Khuyến tu tịnh độ.....	90
3. Khuyến vãng sanh ở phẩm vị cao.....	92
4. Thời gian.....	93
5. Công phu.....	96

PHẦN VII

TỔNG KẾT

1. Vấn đáp.....97
2. Kết luận 172

CHÚ THÍCH 175

TÀI LIỆU THAM KHẢO 179

PHƯƠNG DANH PHẬT TỬ ÁN TỔNG..... 181

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC ĐỂ THỈNH SÁCH 187

Nam Mô A Di Đà Phật



Lời Phật dạy:

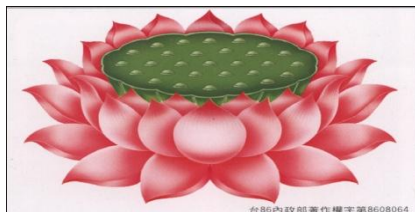
-Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ, đức tướng Như Lai, nhưng vì bị **vọng tưởng, phân biệt, chấp trước** che lấp nên Phật tánh không thể hiện bày”.

-Kinh Viên Giác dạy: “**Đứt Vọng, Hoàn Chơn**”.

-Chư Tổ dạy: “Một câu Phật hiệu dẹp trừ muôn vọng niệm”.

Vậy, **niệm Phật** là con đường dễ đi, thẳng tắt nhất, mau chóng dẹp trừ vọng niệm, vọng tưởng để **thành Phật**.

Niệm Phật Thành Phật



台86內設部業作權字號8608064

PHẦN I

LÒNG TIN LÀ GỐC VÀO ĐẠO

Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Lòng tin là gốc vào đạo, là mẹ đẻ mọi công đức. Lòng tin hay nuôi lớn các căn lành. Lòng tin có thể vượt qua các đường ma. Lòng tin có thể được vào định. Lòng tin có thể thoát biển sinh tử luân hồi. Lòng tin có thể thành tựu đạo Giác ngộ của Phật”.

Kinh Hoa Nghiêm lấy Thập tín ⁽¹⁾ làm điểm khởi đầu của sự thành Phật. *Kinh Pháp Hoa* lấy Chánh tín làm cửa để vào Đạo. Trong Ngũ căn ⁽²⁾ lấy Tín căn làm đầu. Ngũ lực lấy Tín lực làm trước. *Kinh A Di Đà* cũng lấy Tín làm khởi điểm.

Vì thế, chư Phật trong ba đời, chư Đại Bồ Tát, lịch đại Tổ Sư tu tập các công hạnh, đầy đủ đại nguyện lực, vào cảnh giới Phật, thành tựu Bồ Đề, thấy đều từ nơi chữ Tín này mà bước vào. Lòng tin quan yếu như vậy nên hôm nay tôi phát tâm cố gắng đem hết tâm lực để trình bày những hiểu biết nông cạn của mình, mong quý vị cũng cố thêm lòng tin Tịnh Độ. Tôi rất mong được chia sẻ tất cả những kinh nghiệm nhỏ nhoi về hành trì niệm Phật trong nhiều năm tịnh tu vừa qua. Đồng thời rất hoan hỷ học hỏi ở quý vị những kinh nghiệm hành trì mà quý vị đã gặt hái được, để rồi cùng nhau công phu đắc lực hơn, ngõ hầu chúng ta đồng vãng sanh Cực Lạc thành Phật độ chúng sanh.

Cổ đức dạy: “Pháp môn niệm Phật là pháp môn hợp thời cơ, dễ tu, dễ chứng”.

1. Hợp Thời Cơ

Tượng Pháp Quyết Nghi Kinh dạy: “Sau khi Phật diệt độ là thời **chánh pháp** trong năm trăm năm **trì giới** kiên cố. Thời **tượng pháp** một ngàn năm kế tiếp **thiền định** kiên cố. Thời **mạt pháp** một muôn năm **niệm Phật** kiên cố”. Kiên cố nghĩa là thành tựu.

a. Đức Thế Tôn nhập Niết Bàn nay đã hơn hai ngàn năm trăm năm mươi bốn năm (2554). Như vậy, hiện ta đi vào thời mạt pháp hơn một ngàn năm rồi, mà càng đi sâu vào thời mạt pháp thì đức trí chúng sanh càng hạ liệt.

b. *Kinh Đại Tập* dạy: “Đời mạt pháp ức ức người tu hành hiếm có một người đắc đạo. Chỉ có nương vào niệm Phật mới thoát khỏi sanh tử”.

c. Tổ thứ mười ba Ấn Quang đại sư dạy: “Cửu pháp giới chúng sanh lìa pháp môn này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp môn này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh”.

2. Dễ Tu

a. Tất cả mọi người: Ai ai cũng niệm Phật được, bất luận tăng tục, ngu trí, vua quan, dân, nam nữ, già trẻ, giàu nghèo, sang hèn, sĩ, nông, công, thương, binh, kẻ cả những người đau ốm bệnh tật đều niệm Phật được cả.

b. Khắp mọi nơi: Ở đâu cũng niệm Phật được, như ở chùa, ở nhà, bệnh viện, sở làm, công xưởng, rừng sâu, núi thẳm, trời cao, bề cả thậm chí ở nhà vệ sinh, nhà tắm, nhà bếp đều niệm Phật được cả.

c. Vào mọi lúc: Sáng, trưa, chiều, tối, ngủ cũng niệm Phật được.

d. Trong mọi động tác: Đi, đứng, nằm, ngồi, bò, leo, chạy nhảy đều niệm Phật được.

e. Bằng mọi cách: Niệm lớn tiếng, niệm nhỏ tiếng, niệm thầm, niệm bằng ý, niệm lần chuỗi, niệm theo hơi thở, niệm theo tiếng khánh... niệm cách nào cũng được miễn sao không xen tạp, không gián đoạn là được.

g. Trong mọi hoàn cảnh: Mọi tình huống đều niệm Phật được, như rảnh rang, bận rộn, vui buồn, hờn giận, ồn ào hay yên lặng... đều niệm Phật được cả.

h. Vì giản dị mà bao trùm các pháp, hiệu quả cao. Chỉ cần niệm sáu hay bốn chữ mà giải thoát sanh tử luân hồi, thành Phật.

Tổ Liên Trì dạy: “Một câu A Di Đà Phật gồm hết tám giáo, nhiếp cả năm tông”.

Tổ Trí Húc dạy: “Niệm A Di Đà Phật được thuần thực, thời tam tạng⁽³⁾ giáo lý gồm trong đó, một nghìn bảy trăm công án cơ quan hướng thượng cũng ở trong đó, ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, tam tụ tịnh giới⁽⁴⁾ cũng không ra ngoài câu Phật hiệu”.

3. Dễ chứng

a. Tự lực cộng tha lực: Hành giả niệm Phật thuần thực thì trước giờ lâm chung được Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc. Nguyên thứ mười tám trong Kinh Vô Lượng Thọ: “Lúc tôi thành Phật, chúng sanh nghe danh hiệu tôi, chí tâm tin ưa, tất cả thiện căn tâm tâm hồi

hướng nguyện sanh cõi tôi, dầu chỉ mười niệm nếu chẳng được sanh thì chẳng lấy Chánh giác, chỉ trừ kẻ ngu nghịch, phỉ báng chánh pháp”.

b. Dễ vãng sanh: Chỉ cần khởi ý muốn vãng sanh là được vãng sanh (Kinh *Pháp Cỗ*). Cỗ đức dạy: “Nhất cú Di Đà vô biệt niệm, bất lao đàn chỉ đạo Tây Phương”. Tam dịch là: “Một câu Di Đà không niệm gì khác, không nhọc, khảy tay đến Phương Tây (Thế giới Cực Lạc)”.

c. Dễ đắc: Một khi được vãng sanh thì chỉ cần một đời là thành Phật. Kinh *Niệm Phật Ba la Mật* dạy: “Vãng sanh đồng ý nghĩa với thành Phật, vì vãng sanh tức là thành Phật”.

Vì vãng sanh Cực Lạc dễ thành Phật, nên trên có những Đại Bồ Tát, chư Tổ, dưới thì chúng sanh đều đồng nguyện vãng sanh. Sau đây, tôi xin lược sơ qua một số vị này.

Trên thì có:

- Đại Bồ Tát: Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Giác Minh Diệu Hạnh.

- Chư Tổ tông phái khác: Mã Minh - Tổ Thiên tông thứ mười hai, Long Thọ - Tổ Thiên tông thứ mười bốn, Trí Giả - Tổ Thiên Thai Tông, Hoằng Nhất - Tổ Sư Luật Tông...

- Thanh Văn: Xá Lợi Phất, A Nan.

- Chư Tăng Trung Hoa: Trí Nghi, Đàm Loan, Đạo Xước, Quán Đánh, Đạo Ngạn (chư Thiên cõi trời Đâu xuất đến rước Ngài không đi, sau chư Thánh Cực Lạc đến

đón Ngài mới chịu đi), Huệ Quang (như Ngài Đạo Ngạn), Phi Tích, Hoài Ngọc (Bồ Tát bung đai bạc đến rước Ngài không đi, sau bung đai vàng đến Ngài mới chịu đi), Tri Huyền (Ngộ Đạt Quốc Sư), Hùng Tuấn (Ngài bị Diêm Vương kể tội phá trai, phạm giới, Ngài khiêu nại, Diêm Vương tha và cho sống lại. Ngài chí tâm niệm Phật, được vãng sanh Cực Lạc), Duy Cung (sư ăn thịt uống rượu, nhờ sám hối, niệm Phật được vãng sanh), Tuân Thúc (Tử Vân sám chủ), Ưu Đàm (tác giả Liên Tông Bửu Giám), Hám Sơn (để lại nhục thân).

- Chư tăng Việt Nam: Hòa thượng Thích Thiên Tâm, Hòa thượng Thích Giác Lập, Hòa thượng Thích Thiên Định, Hòa thượng Thích Hồng Đạo, Thượng tọa Thích Thiện Tường, Sa Di Thích Minh Đạt...

- Chư Ni Việt Nam: Huệ Mộc, Pháp Thanh, Tịnh Chơn, Pháp Tạng, Sư Bà Thích Nữ Đàm Lựu.

- Cư sĩ Ấn Độ và Trung Hoa: Hoàng Thái Hậu Vi Đề Hi, con gái của Ngụy Thế Tử (thấy cha và các anh dù còn sống nhưng đã được ghi danh ở ao thất bảo), Việt Quốc phu nhân (chuyên tu Tịnh độ, khuyên người thiếp niệm Phật cầu vãng sanh, mộng du Cực Lạc, vãng sanh Thượng Phẩm Thượng Sanh), Viên Hoằng Đạo (tác giả Tây Phương Hiệp Luận, sanh Biên Địa), Vương Nhựt Hưu (tác giả Long Thư Tịnh Độ), Chung Húc và Thiện Hòa (làm nghề giết gà và bò, trước khi chết tướng ba đường ác hiện ra, vâng lời chư tăng niệm Phật, vãng sanh).

- Cư sĩ trên khắp thế giới: Bà Diệu Âm Huỳnh Ngọc Tuyết, Bà Diệu Hưng, Bà Quảng Khánh, Chúc Quý Lư Nhiên Phú, Thiện Bửu Nguyễn Văn Trí, Bà Diệu Âm Tô Vân Liên, Cụ bà Diệu Chi Tăng Kim Lang, Đồng Hưng Lê Văn Hiếu, Bà Diệu Chánh, Bà Triệu Vinh Phương, Bà Quảng Cảnh Phạm Thị Tý, Bà Diệu Hoa Lê Thị Sen, Bà Lê Thị Cúc, Bà Nhật Trâm Phan Thị Diệu Anh, Bà Nguyên Hoa Đoàn Thị Minh Hương, Cụ Bà Huệ Chơn Lê Thị Mau, Cụ Nguyễn Thị Khương, Cụ Minh Đài Lưu Lô, Tuệ Minh Trần Nguyên Hạnh, Cụ Hồ Thị Lan, Cụ Bà Trần Thị Kiêm, Cụ Bà Nguyễn Thị Sáu, Phan Văn Anh, Cụ Ông Đoàn Quang Trung, Cụ Nguyễn Minh Công, Cụ Trương Thị Nương, Cô Trần Thị Kim Phượng, cư sĩ Trương Biệt.

Trên đây chỉ liệt kê một số vị tiêu biểu vì thật ra số lượng vãng sanh quá nhiều.

Hiện đời dễ thành tựu tịnh nghiệp: Tu Bồ Tát hạnh phải trải qua ba đại A tăng kỳ kiếp (vô lượng kiếp) mới thành tựu đạo quả Bồ Đề. Còn tu Tịnh Độ chỉ cần một đời là thành Phật.

Cổ đức ví dụ tu các pháp môn khác khó khăn và lâu dài như con mối từ gốc tre, muốn thoát khỏi cây tre phải đục từng mắt, từng mắt lên ngọn tre (gọi là thụ xuất). Còn tu Tịnh độ như con mối đục ngang thân tre mà ra (gọi là hoành xuất), nhanh chóng, nhẹ nhàng.

Điển hình, trong vòng hai năm nay đã có quý Thầy, Sư cô dự định về chùa Tịnh Luật nhập Phật Thất dài hạn... nào ngờ, do quyết tâm hạ thủ công phu, mới hai

ngày đã nhập tâm. Lại nữa, có những cư sĩ nhập Phật thất mới bốn ngày liền được nhập tâm, những cư sĩ tại gia khác dù bận đi làm (ca một, ca hai), chỉ về chùa Tịnh Luật, dù niệm Phật vào ngày cuối tuần, thứ bảy, chủ nhật thôi, thế mà vài tuần lễ cũng đã nhập tâm.

Cho đến ngày nay, qua nhiều lần dự ngày Niệm Phật và Phật thất tại chùa Tịnh Luật, tính chung tiểu bang Texas và mười tiểu bang khác (trong liên bang Hoa Kỳ) hiện có trên bảy mươi (70) vị tại gia (có người niệm Phật nhiều năm nhưng chưa thọ Tam quy, Ngũ giới) được nhập tâm (bước đầu của Bất Niệm Tự Niệm). Khi đạt được Bất Niệm Tự Niệm **hoàn toàn** (không dụng công tác ý niệm Phật, mà tự nhiên nghe tiếng niệm Phật liên tục không gián đoạn suốt thời gian còn thức) thì bảo đảm vãng sanh, mà **vãng sanh tức thành Phật** như nói trên.

Còn người xuất gia, có rất nhiều, rất nhiều nhưng quý Thầy, Sư cô khiêm nhường, cẩn thận vì mật hạnh nên không nói ra mà thôi.

Riêng Minh Tuệ tôi bắt đắ dĩ lắm phải nói ra để quý vị có niềm tin mà tu. Nay niềm tin đã có, kết quả đã có, nên việc nói ra có thể không còn cần thiết nữa.

Nam Mô A Di Đà Phật

Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát dạy:

Có miệng tựa hồ câm,
Có tai làm như điếc,
Chẳng lẫn lộn với đời,
Mới là sùng đạo nghiệp.

Cổ đức dạy:

Như mù mắt không nhìn ngoại cảnh,
Như điếc tai không thính mây may,
Càng không dao động càng hay,
Người ngồi tịnh tọa việc ngoài xem không.

Thấy sắc không mê sắc,
Nghe tiếng chẳng nhiễm tiếng,
Sắc tiếng đều không ngại,
Mới đến pháp vương thành.

Lưỡi vương vị ngon, tai vương tiếng,
Mắt theo hình sắc, mũi theo hương,
Lênh đênh làm khách phong trần mãi,
Ngày hết quê xa vạn dặm đường.

Nam Mô A Di Đà Phật

PHẦN II

TƯ LƯƠNG TỊNH ĐỘ

Muốn thành tựu tịnh nghiệp, vãng sanh Cực Lạc hành giả phải có đủ ba món tư lương là: *Tín*, *Nguyện* và *Hạnh*.

1. Tín

Tín là lòng tin. Tín những gì? Có sáu thứ tín: *tín tự*, *tín tha*, *tín nhân*, *tín quả*, *tín sự* và *tín lý*.

Tín tự là tin mình có Phật tánh, mình có khả năng thành Phật.

Tín tha là tin Phật Thích Ca không nói dối, tin Phật A Di Đà không nguyên suông.

Tín nhân là tin rằng trong đời quá khứ mình đã có gieo nhân Bồ đề (tu Tịnh độ) ngày nay mình mới gặp pháp môn Tịnh độ, tin sâu tiếng niệm Phật là hạt giống, là cái nhân để mình được vãng sanh Cực Lạc thành Phật trong tương lai.

Tín quả là tin những vị thượng thiện nhân đang tụ hội ở Cực Lạc là nhờ niệm Phật mà được đến đó, cũng như ngày hôm nay mình niệm Phật là nhân sẽ nở hoa kết quả vãng sanh Cực Lạc trong tương lai, giống như người trồng nhân dưa được quả dưa, trồng nhân đậu được quả đậu. Cũng giống như bóng phải theo hình, âm vang phải theo tiếng.

Quyết không nghi ngờ gì cả.

Tín sự là tin hễ có cái này là có cái kia. Có nước Việt Nam thì có nước Mỹ, nước Pháp. Có thế giới Ta Bà thì có thế giới Cực Lạc. Có Phật Thích Ca thì nhất định có Phật Di Đà.

Tin đức Phật A Di Đà có nhân duyên với chúng ta rất lớn, Ngài nhất định trợ giúp chúng ta, chúng ta quyết định sẽ sanh về Cực Lạc để thành Phật độ chúng sanh.

Tín lý là tin rằng: “Nhất thiết duy tâm tạo” tâm đã tạo ra Ta Bà thì tâm cũng tạo ra Cực Lạc.

Tin tâm ta tức là Tịnh độ, tánh ta tức là Di Đà.

Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát dạy: “Mười phương chư Phật là tâm chúng sanh, mười phương chúng sanh là tâm chư Phật”.

Tin Phật A Di Đà cũng chính là tất cả chúng sanh, tất cả chúng sanh cũng chính là Phật A Di Đà. A Di Đà Phật là niệm Phật thành A Di Đà Phật, chúng ta cùng với tất cả chúng sanh tinh tấn niệm Phật, cũng sẽ thành Phật A Di Đà.

Liên tông thập Tổ Hành Sách đại sư dạy: “Người niệm Phật phải đầy đủ ba lòng tin sau đây:

- Phải tin Tâm, Phật, chúng sanh, cả ba không sai biệt. Ta là Phật chưa thành. A Di Đà là Phật đã thành.

Tánh giác không hai: Tâm giác là Phật, Tâm mê là chúng sanh.

- Phải tin ta là Phật lý tánh, Phật danh tự. A Di Đà là Phật cứu cánh.

Tánh tuy không hai nhưng ngôi vị cách xa như trời với vực. Nếu không chuyên niệm đức Phật ấy cầu sanh về cõi Tịnh, ắt theo nghiệp lưu chuyên chịu khổ vô cùng.

- Phải tin ta dù nghiệp sâu chướng nặng, sống lâu trong cảnh khổ, ta vẫn là chúng sanh trong tâm Phật A Di Đà. Phật A Di Đà tuy muôn đức trang nghiêm ở xa ngoài mười muôn ức cõi Phật, cũng là đức Phật trong tâm chúng ta. Đã là tâm tánh không hai nên tự nhiên cảm ứng. Sự thiết tha của ta ắt có thể cảm lòng từ bi của Phật, ắt có thể ứng, như đá nam châm hút sắt, việc này không thể nghi ngờ.

Ưu Đàm đại sư⁽⁵⁾ dạy: “Tin nghĩa là tin theo, như trong kinh nói:

- Tin niệm Phật nhất định vãng sanh Tịnh độ.
- Tin niệm Phật nhất định diệt trừ mọi tội lỗi.
- Tin niệm Phật nhất định được Phật hộ trì.
- Tin niệm Phật nhất định được Phật chứng minh.
- Tin niệm Phật, đến lúc mạng chung, nhất định được Phật tiếp dẫn.
- Tin niệm Phật, bất luận là chúng sanh nào, hễ có cùng lòng tin đều được vãng sanh.
- Tin niệm Phật vãng sanh Tịnh độ nhất định được vào bất thoái chuyển.
- Tin vãng sanh Tịnh độ nhất định không còn rơi vào ba đường Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh”.

Phải tin sâu: giá như tất cả chúng sanh trong mười phương thành bậc A La Hán, thành Bồ Tát đồng khuyến

ta bỏ Tịnh Độ, thậm chí Đức Phật Thích Ca hiện thân bảo ta bỏ pháp môn niệm Phật cầu sanh Cực Lạc, để quý Ngài chỉ dạy ta pháp khác vi diệu hơn, ta vẫn bái lạy quý Ngài mà thưa rằng: “Bạch đức Thế Tôn, Bạch quý Ngài từ trước đến nay con vẫn tin lời dạy trước đây của Thế tôn, niệm Phật A Di Đà cầu nguyện vãng sanh Cực Lạc, nay con không thể trái lại với bản nguyện này”.

2. Nguyện

Nguyện là nguyện, là thề, là nói lên lòng khát khao ao ước của mình, muốn sanh về Tịnh Độ, muốn thấy Phật A Di Đà.

Cổ đức dạy: “Cho dù mỗi ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu, chẳng phát nguyện thì hết cho bề cuống họng cũng uổng công mà thôi”.

Từ Chiếu đại sư nói: “Luôn luôn phát nguyện ưa thích vãng sanh, ngày ngày nguyện cầu chớ cho thối thất. Nếu không có tâm phát nguyện thì căn lành chìm mất”. Kinh *Hoa Nghiêm* nói: “Không phát đại nguyện, đó là việc làm của ma”. “Nguyện rộng thì hành sâu, hư không chẳng lớn, tâm vương mới lớn. Kim cương chẳng cứng, nguyện lực cứng nhất”.

Muốn có nguyện thiết tha, chúng ta hãy tự quán xét lại chính mình, tìm đối tượng mình nhằm chán ghét bỏ ; Hoặc mình đang tha thiết mong muốn sự gì, việc gì, khía cạnh nào đó, bất như ý, ở Ta Bà này không thực hiện được mà ở Cực Lạc được ưa thích, thỏa mãn được lòng mong muốn ấy, thì lấy đối tượng, sự việc ấy làm động cơ thúc đẩy ta, thiết tha phát nguyện vãng sanh.

Thí dụ:

- Thật sự nhàm chán, ghét bỏ sự hiểm nguy của sanh tử luân hồi.

- Nhận rõ, ghê sợ nỗi khổ đau của ba đường ác.

- Người mắc bệnh nan y, chờ chết. Cục Lạc thì không bệnh, không già, không chết, sống lâu vô hạn.

- Người có con ngỗ nghịch, xì ke ma túy... mình khuyên lơn, nhắc nhở không được, sợ họ bị sa địa ngục cần cứu độ.

- Hoặc cần báo đáp tứ trọng ân v.v... và v.v...

Nếu ta còn ở Ta Bà sẽ bị đau khổ dài dài, phải bó tay, không cứu độ được mọi người như ý. Vậy chỉ còn cách vãng sanh Cục Lạc để tránh khổ đau, được an vui, hoặc để rồi trở về Ta Bà cứu độ thân nhân. Tùy mỗi người, mỗi hoàn cảnh, mỗi vấn đề, mỗi đối tượng khác nhau, có ý nguyện khác nhau, lấy đó làm động cơ thúc đẩy ta phát nguyện. Lời phát nguyện này phải xuất phát tận đáy lòng, chân thành mong muốn, ao ước thì lời phát nguyện mới thật sự thiết tha được.

Chư Tổ dạy: “Nguyện bất thiết, bất sanh Cục Lạc”.

Tổ thứ chín, Ngẫu Ích đại sư dạy: “Vãng sanh hay không là do có Tín, Nguyện hay không? Còn phẩm vị cao hay thấp là do công phu sâu hay cạn”. Lời nguyện phải chân thật, chí thành khẩn thiết, không phải trả bài thuộc lòng, càng không phải là việc làm lấy lệ.

Dù cho biển cạn, núi tan, thời gian cùng tận, nguyện vãng sanh này quyết không hề thối thất.

3. Hạnh

Liên Tông Thập Nhị Tổ Triệt Ngô đại sư dạy: “Thật vì sanh tử, phát lòng Bồ Đề, lấy Tín Nguyên sâu, trì danh hiệu Phật”. Lòng Bồ Đề là lòng trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh (Thượng cầu Hạ hoá).

Kinh dạy:

“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành”.

Ngài Từ Chiếu đại sư sợ mọi người vướng mắc vào sự không rõ lý, nên mới nói:

“Tự tánh chúng sanh thệ nguyện độ,
Tự tánh phiền não thệ nguyện đoạn,
Tự tánh pháp môn thệ nguyện học,
Tự tánh Phật đạo thệ nguyện thành”.

Bốn câu này nói lên **lý** chân thật rõ ràng, để khiến cho tất cả mọi người độ hết thấy **chúng sanh (vọng niệm)** ở **trong tự tâm**. Nghĩa là, do những tâm niệm tà mê, tạp tướng, tham lam, si mê, tật đố, sân hận, ác độc nên khiến họ phát thệ nguyện lớn tự tánh tự độ.

Lại ở trong tự tánh đoạn trừ tất cả phiền não là **tu tướng tà, ý niệm tà, trần lao nghiệp thức**, như mây mù che lấp tự tánh nên ánh sáng chẳng hiện. Vì thế, khiến họ phát nguyện lớn, tự đoạn trừ khiến chúng mãi mãi không dậy khởi.

Lại ở trong tự tánh tu học tất cả các pháp môn, nghĩa là Niệm Phật Tam Muội, bi trí, hạnh nguyện, vô lượng pháp môn. Cho nên khiến họ phát thệ nguyện lớn, tự ngộ tự tu, thường không thôi thất, tiến thẳng đến Bồ Đề, chẳng để họ được chút ít mà cho là đầy đủ.

Lại ở trong tự tánh tin có Phật, phát thệ nguyện lớn, thường tự soi xét, tự nguyện thành tựu đạo giác ngộ của Phật.

Phải có tâm nhằm chán Ta Bà, ưa thích Cực Lạc.

Phật dạy: “Ta Bà là cõi khổ”. Cõi khổ có vô lượng. Tam chia có Tam khổ và Bát khổ.

Tam khổ: là khổ khổ, hoại khổ và hành khổ. Khổ khổ là khổ chồng thêm khổ, như các thứ bệnh tật, đói khát... liên tiếp nối nhau làm ta khổ mãi. Hoại khổ là các pháp vô thường hủy hoại nên khổ. Hành khổ là các pháp dòi dôi vô thường mà sinh khổ não.

Bát khổ: là sinh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ, oán tắng hội khổ, ngũ âm xí thanh khổ. Ái biệt ly khổ là thương yêu xa lìa nên khổ. Cầu bất đắc khổ là mong muốn mà không được nên khổ. Oán tắng hội khổ là những kẻ ta oán ghét mà gặp gỡ nên khổ. Ngũ âm xí thanh khổ là năm âm vận hành lấy lưng nên khổ.

Cõi Cực Lạc từ khổ còn không có, làm sao có cảnh khổ. Cõi này toàn là những sự an vui, hạnh phúc cùng cực. Ăn, mặc, ở đều được như ý, muốn gì được nấy (tùy tâm sở hiện), chung sống với thượng thiện nhơn, làm bạn với Bồ Tát (Bồ Tát vì bạn lữ), gần Phật A Di Đà, ngày

đêm được nghe diệu pháp, không già, không bệnh, không chết, sống mãi (vô lượng thọ) cho đến khi thành Phật.

Bậc cao đức ngày xưa vì thấy chúng sanh mãi mê lầm, không thấu suốt nguyên nhân có đau khổ và an vui, nên mới so sánh Ta Bà và Cực Lạc như sau:

- Ở cõi Ta Bà, loài người bầm thọt thân hình máu thịt, có sinh là có khổ. Cõi Cực Lạc chúng hữu tình đều hóa sanh nơi hoa sen, không có sự khổ về sinh.

- Ở cõi Ta Bà, thời tiết đổi dời, con người lần lần đi vào cảnh già yếu. Cõi Cực Lạc không có sự thay đổi nóng lạnh, chúng sanh không bị khổ suy già.

- Ở cõi Ta Bà, con người mang thân hữu lậu sinh nhiều bệnh hoạn. Cõi Cực Lạc chúng sanh thân thể phước báo thanh tịnh, không có sự khổ về đau yếu.

- Ở cõi Ta Bà ít ai sống đến bảy mươi tuổi, con vô thường mau chóng. Cõi Cực Lạc chúng sanh mạng sống đến kiếp vô lượng vô biên, không có sự khổ về chết.

- Ở cõi Ta Bà, con người bị sợi dây thân tình, ái luyến ràng buộc, chịu nổi khổ chia lìa. Cõi Cực Lạc chúng sanh đều là quyến thuộc Bồ Đề, nên không bị khổ về ân tình chia cách.

- Ở cõi Ta Bà có nhiều sự ganh ghét, oán thù nên khi gặp gỡ tất phải chịu nhiều nỗi phiền não khổ đau. Cõi Cực Lạc toàn bậc thượng thiện nhân nên không có sự khổ về oan gia hội ngộ.

- Ở cõi Ta Bà, con người phần nhiều nghèo khổ, thiếu kém, tham cầu không thấy đủ. Cõi Cực Lạc, sự thọ

dụng về ăn, mặc, ở, các thứ trên báu đều được hóa hiện tự nhiên theo ý muốn.

- Ở cõi Ta Bà, con người hình thể xấu xa, các căn không đủ. Cõi Cực Lạc, chúng sanh tướng hảo trang nghiêm, thân sắc vàng ròng có ánh sáng xinh đẹp.

- Ở cõi Ta Bà, chúng sanh xoay vần trong vòng sanh tử luân hồi. Cõi Cực Lạc, bậc thượng thiện nhân đều chúng Vô sanh pháp nhẫn (lý thể chân như thật tướng xa lìa sanh diệt).

- Ở cõi Ta Bà nhiều ma chướng tu hành khó thành đạo quả. Cõi Cực Lạc, mọi người đều được Bất thoái chuyển.

- Ở cõi Ta Bà nhiều gò nông hang hố, rừng rậm chông gai, đầy đầy các thứ như ác. Cõi Cực Lạc vàng ròng làm đất, cây báu ngút trời, lầu chọi trên châu, hoa khoe bốn sắc.

- Ở cõi Ta Bà, rừng Ta La Song Thọ đã khuất bóng đức Phật, hội Long Hoa của Bồ Tát Di Lạc còn xa diệu vợi. Cõi Cực Lạc, Di Đà Thế Tôn hiện đang thuyết pháp.

- Ở cõi Ta Bà chỉ mền danh lành của Bồ Tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí. Cõi Cực Lạc chúng sanh thường làm bạn với các Ngài.

- Ở cõi Ta Bà, bọn tà ma cùng ngoại đạo làm não loạn người tu hành chân chánh. Cõi Cực Lạc chỉ thuần là sự giáo hóa của Phật, tà ma không còn dấu vết.

- Ở cõi Ta Bà, tài sắc, âm thanh, danh lợi khiến người tu mê hoặc. Cõi Cực Lạc sáu căn thanh triệt, có y

báo và chánh báo thanh tịnh, hoàn toàn không có bóng người nữ.

- Ở cõi Ta Bà, ác thú, ma quái, gào thét rùng rợn. Cõi Cực Lạc, chim nước, cây rừng thường nói Pháp màu.

So sánh hai cõi, cảnh duyên hơn kém nhau rất xa. Sự thù thắng của cõi Cực Lạc thật không sao kể hết.

Có thật sự nhàm chán cảnh khổ đau cùng cực ở Ta Bà, ham thích cảnh vui tốt bậc miền Cực Lạc, mới đồng mãnh phát tâm niệm Phật, thiết tha cầu vãng sanh Cực Lạc.

Hạnh chính là phần hành trì thực tế để làm sao đạt được sự nhập tâm (bước đầu của Bất Niệm Tự Niệm). Đó cũng chính là trọng tâm của sách này.

Hạnh có hai: Chánh hạnh (nội công) và trợ hạnh (ngoại công). Chánh hạnh là niệm Phật, lễ Phật A Di Đà là chuyên tu (xin xem mục chuyên tu chánh hạnh trang 75).

Trợ hạnh có rất nhiều, chủ yếu là đoạn ác tu thiện là giữ giới, không sát sanh (ăn chay) và phóng sanh.

Nếu chúng ta giữ trọn vẹn năm giới thì tương lai nhất định không bị đọa ba đường ác, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, ít nhất trở lại làm người, dùng công đức này hồi hướng sẽ được vãng sanh ở phẩm vị cao.

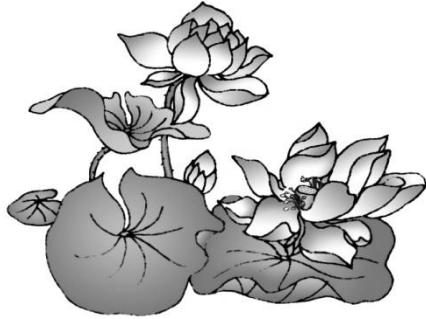
Liên Tông Bát Tổ Liên trì đại sư dạy: “ăn mặn, ăn thịt, cá, ăn thịt chúng sanh là ăn thịt cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp của mình, là ăn thịt chư Phật vị lai (**cực ác**)”, “chuyện mạng phóng sanh, cứu mạng chúng sanh là cứu

mạng cha mẹ nhiều đời nhiều kiếp của mình, là cứu mạng chư Phật vị lai (**cực thiện**)”.

Tuy là trợ hạnh nhưng ba hạnh này tích cực đóng góp vào sự thành tựu tịnh nghiệp của hành giả Tịnh độ. Ba việc này không ngoài tầm tay, không ngoài khả năng của mọi người. Điều quan trọng là chúng ta có quyết tâm thực hiện hay không mà thôi. Chúng tôi thiết nghĩ là Phật tử chúng ta luôn luôn y giáo phụng hành.

Niệm Phật Thành Phật

Nam Mô A Di Đà Phật



- Chuyên Tu Chánh định nghiệp, tức là xưng Phật danh, xưng danh tức vãng sanh, bởi do Phật bốn nguyện.

- Sống thì Niệm Phật tích lũy công đức

Chết thì vãng sanh Tây Phương Cực Lạc.

- Người Niệm Phật dù không có chút thiện căn gì khác đi nữa, vẫn chắc chắn vãng sanh.

- Niệm Phật quyết định vãng sanh là bốn tôn của tôi. Thâm áo của Phật pháp chỉ là *Nam Mô A Di Đà Phật*.

Tổ sư **Pháp Nhiên thượng nhân**

PHẦN III

TIÊU CHUẨN VÃNG SANH

1. Điều kiện vãng sanh

Kinh *A Di Đà* dạy: “Xá Lợi Phất này! Nếu có thiện nam tử hay thiện nữ nhân mà được nghe nói Phật A Di Đà, rồi nhớ ngay danh hiệu của Ngài, niệm trong một ngày, hay là hai ngày, hay là ba ngày, hay là bốn ngày, hay là năm ngày, hay là sáu ngày, hay là bảy ngày, niệm kỳ cho thành người **nhất tâm**, không còn loạn tưởng, thế là người ấy khi nào lâm chung, Phật A Di Đà cùng chư Thánh chúng hiện ra trước mặt. Người ấy lúc chết, tâm không điên đảo, tức được sanh sang nước Cực Lạc của Phật A Di Đà”.

Niệm Phật bảy ngày được một lòng không loạn (nhất tâm bất loạn) là nói với bậc thượng căn thượng trí được vãng sanh thượng phẩm. Hàng phàm phu sát đất như chúng ta “nhập tâm” còn chưa có phần. Đạt bất niệm tự niệm tức được bảo đảm vãng sanh là quý lắm rồi.

Kinh Xung *Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ* dạy: “Lại này Xá Lợi Tử! Nếu có các thiện nam tử hoặc thiện nữ nhân lòng tin trong sạch được nghe danh hiệu vô lượng vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật Vô Lượng Thọ và thế giới Cực Lạc công đức trang nghiêm như vậy, nghe xong **tư duy**: hoặc một ngày một đêm, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, hoặc năm, hoặc sáu, hoặc bảy ngày, **hệ niệm** chẳng loạn thì các thiện nam tử, hoặc thiện nữ nhân đó lúc lâm chung được Phật Vô Lượng Thọ và vô lượng Thanh Văn đệ tử, Bồ Tát chúng của Ngài vây quanh trước

sau, đến đứng trước mặt, từ bi **gia hựu**⁽⁶⁾ khiến tâm chẳng loạn. Xả mạng xong, người này theo Phật chúng hội vào thế giới Cực Lạc, cõi Phật thanh tịnh của Phật Vô Lượng Thọ”.

Kinh *Vô Lượng Thọ*, Nguyên thứ mười tám: “Lúc tôi thành Phật, chúng sanh nghe danh hiệu tôi, chí tâm tin ưa, tất cả thiện căn tâm tâm hồi hướng nguyện sanh cõi tôi đều chỉ **mười niệm**, nếu chẳng được sanh thì chẳng lấy chánh giác, chỉ trừ kẻ ngu nghịch, phỉ báng chánh pháp”.

Kinh *Quán Vô Lượng Thọ* nói: “Bậc trí thức lại bảo phải chấp tay niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”, do đương nhơn thành tâm xưng danh hiệu Phật, nên tiêu trừ tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử”. Ngay lúc ấy Đức Vô Lượng Thọ Như Lai cảm biết, liền sai Hóa Phật, Hóa Quan Âm và Hóa Thế Chí hiện đến trước hành giả khen rằng: “Lành thay thiện nhơn! Người đã xưng danh hiệu Phật, nên các tội tiêu diệt, ta đến đây để rước ngươi”.

Nói gọn, chỉ cần niệm Phật **một câu** cũng được Phật tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc.

Kinh *Pháp Cở* còn nói một cách đơn giản hơn: chỉ cần khởi lên ý muốn vãng sanh Cực Lạc là được Phật tiếp dẫn về Cực Lạc.

Quán Kinh nói: “Vô Lượng Thọ Như Lai có tám muôn bốn ngàn tướng. Mỗi tướng có tám muôn bốn ngàn vẻ đẹp tùy hình. Mỗi vẻ đẹp tùy hình lại có tám muôn bốn ngàn tia sáng. Những **tia sáng** ấy soi khắp các cõi ở mười phương, **thâu nhiếp tất cả chúng sanh niệm Phật**”.

Khi chúng ta niệm Phật (miệng niệm hay ý niệm) từ nơi ta phát ra Tâm thanh (âm thanh phát xuất từ tâm). Mà A Di Đà Phật Pháp thân ở khắp mọi nơi, Phật quang (như đã nói ở trên) chiếu thấu mọi nơi. Lúc đó, Tâm thanh hòa nhập với Phật quang, Phật quang lại nhập vào Tâm thanh, Phật quang và Tâm thanh dung thông nhau. Đó chính là cách thức Phật nhận ra người niệm Phật và tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc.

2. Lý do không vãng sanh

Mới nghe qua tưởng chừng việc vãng sanh rất dễ. Nhưng thực tế muốn vãng sanh phải đạt được điều kiện tối thiểu của việc này.

Ngài Lý Bình Nam (Thầy của Hòa thượng Tịnh Không) nói: “Qua hai mươi chín năm hướng dẫn Phật thất, Ngài được biết có khoảng hai ngàn người chết. Thế mà có triệu chứng vãng sanh chỉ khoảng mười người thôi”.

Vậy là vãng sanh chỉ có năm phần ngàn (5/1000). Nên người xưa nói rằng người niệm Phật cầu vãng sanh nhiều như bông xoài, trứng cá, lông trâu, mà người được vãng sanh ít như sừng lân. Tại sao vậy? Vì chúng ta không đạt được tiêu chuẩn (điều kiện) vãng sanh.

Vì sao không đạt được? Sau đây là một số lý do:

a. Ý thức

- Hôn mê, bất tỉnh (stroke, coma) trước khi chết, lúc ấy ý thức không còn hoạt động nữa lấy ai chỉ đạo niệm

Phật hay khởi ý muốn vãng sanh. Do vậy, mất phần vãng sanh.

- Cuồng loạn mất trí (điên) nên không thể chú tâm tưởng niệm.

- Trúng phong cứng họng không thể xưng danh hiệu Phật.

- Bị thú dữ, cọp, sói, giặc cướp làm kinh hoàng, hốt hoảng.

- **Bất đắc kỳ tử** (hoạnh tử), chết đột ngột như chiến sĩ ở chiến trường, các tai nạn như xe đụng, máy bay rớt, tàu chìm, bom đạn, lửa cháy, nước trôi, v.v... tinh thần hốt hoảng, tán loạn, ý thức đâu kịp niệm Phật hay muốn vãng sanh?

- **Bệnh khổ** bức bách thân thể như ung thư gan, v.v... hoặc vì tứ đại phân ly. Sự đau nhức cùng cực như con cua bị bỏ vào nước sôi, hay con rùa bị lột mai vậy.

- Tham sống sợ chết, **luyến ái** gia đình, vợ chồng con cháu, thân bằng quyến thuộc, tài sản...

- Không gặp bạn lành khai thị và trợ niệm mà gặp bạn ác phá hoại lòng tin.

Chư tổ dạy: “Tâm vô nhị dụng” nghĩa là tâm không thể làm hai việc cùng một lúc. Ba trường hợp sau ở trên, tâm thần **rối loạn, điên đảo, luyến ái** đủ thứ, tâm quá **bận rộn** nên ý thức không thể nhớ mà niệm Phật hay khởi ý muốn vãng sanh được, nên mất phần vãng sanh.

b. Không tương ứng và nghi

Mặt khác, hành giả không rơi vào những trường hợp trên, nhưng như đại sư Tĩnh Thể dạy: “Hàng ngày hành giả niệm Phật rơi vào ba loại không tương ứng sau:

- Tâm tánh **không thuần**, lúc còn lúc mất, khi niệm Phật lơ mờ, tâm có khi trụ, có khi không trụ, không dùng hết sức mình do đó không cảm ứng.

- Tâm tánh **chẳng chuyên nhất, không quyết định**. Niệm Phật không có tâm quyết định, cũng chẳng được cảm ứng.

- Tâm tánh **chẳng tiếp nối** (tương tục). Khi niệm Phật chẳng thể tiếp nối, niệm Phật giây lát, giây lát lại làm việc khác, cũng không được cảm ứng.

Ba điều lần lượt tạo nên, do tâm tánh chẳng thuần nên không có tâm quyết định, do tâm không quyết định nên tâm tánh chẳng tiếp nối. Ba việc này trái với lời Phật dạy. Do đó, niệm Phật chẳng được cảm ứng.

Tóm lại, niệm Phật còn **bị xen tạp** và **bị gián đoạn**, nên chẳng được tương ứng.

Trong Tịnh Độ Nhập Môn, Tông chủ Từ Chiếu dạy rằng: “Người niệm Phật lúc sắp lâm chung nếu có **nghi ngờ** ba điều thì không được vãng sanh Tịnh độ.

- Nghi từ lúc sinh ra đến giờ tạo nghiệp rất nặng, còn việc tu hành lại rất ít, e không được vãng sanh.

- Nghi tôi còn thiếu nợ người, hoặc có tâm nguyện chưa làm xong; tham, sân, si chưa dứt, e không được vãng sanh.

- Nghi tụy niệm A Di Đà, nhưng lúc lâm chung e Phật không đến tiếp dẫn.

Có ba điều nghi này, do vì nghi ngờ nên tự tạo thành chướng ngại, làm mất chánh niệm, không được vãng sanh”.

c. Nói chung

Nói chung người tu Tịnh độ còn có mười (10) điều làm chướng ngại không vãng sanh.

- Tin không hết lòng.
- Làm không hết sức.
- Phát nguyện không tha thiết.
- Niệm không đúng cách.
- Tâm còn duyên quá nhiều việc đời.
- Chẳng nhàm chán Ta Bà, chẳng ưa thích Tịnh Độ.
- Ham học rộng hiểu nhiều về đời và đạo.
- Thích ngâm nga phân tâm (thích ca nhạc, ngâm thơ)
- Tán ngẫu, nói chuyện phím (thị phi).
- Không chuyên tu (không được nhất tâm).

Nam Mô A Di Đà Phật

PHẦN IV

PHƯƠNG PHÁP HÀNH TRÌ

Phần bốn (Phương Pháp Hành Trì) và Phần năm (Niệm Phật Thế Nào Để Bảo Đảm Vãng Sanh) là nội dung căn bản của sách này nhằm trình bày từ lý thuyết đến thực hành một phương thức cụ thể bảo đảm vãng sanh, bất kể tình huống nào xảy ra lúc lâm chung.

1. Lợi ích của sự niệm Phật

Kinh nói: “ Ái hà thiên xích lãng,
Khổ hải vạn trùng ba,
Dục thoát luân hồi khổ,
Tảo cấp niệm Di Đà”.

Tạm dịch: “Sông ái rộng ngàn thước,
Biển khổ muôn trùng sóng,
Muốn thoát khổ luân hồi,
Hãy mau niệm Di Đà”.

Lợi ích niệm Phật có bảy điều thù thắng. Cam Lộ Sớ nói:

1- Từ ngữ ít nên dễ thực hành: vì chỉ xưng một câu A Di Đà Phật nên tất cả mọi người đều có thể niệm.

2- Niệm duyên theo cảnh Phật: vì nhất tâm niệm duyên nơi tướng hảo của Phật, lấy cõi thanh tịnh làm cảnh giới.

3- Lìa tai nạn được an vui: vì được chư Phật và Bồ Tát gia hộ nên người niệm Phật không có các hoạn nạn, được vui vẻ tốt lành.

4- Xung danh diệt tội: vì niệm Phật một câu, diệt trừ tội nặng của sự sinh tử trong tám mươi ức kiếp.

5- Trì niệm được phước: vì xưng một câu Phật hiệu được phước hơn bảy loại báu trong tứ thiên hạ cúng dường Phật và A La Hán.

6- Quả báo cảm được thấy Phật: vì chúng sanh niệm Phật, nên nhất định thấy Phật.

7- Đích thân Phật đón rước vãng sanh: Hóa Phật và Bồ Tát phóng quang tiếp đón hành giả vãng sanh cõi Phật.

Kinh nói: “Người nào chí tâm thọ trì danh hiệu Phật, hiện đời sẽ được mười điều thắng lợi:

1- Ngày đêm thường được tất cả chư thiên đại lực thần tướng và hàng sa quyền thuộc ủng hộ.

2- Thường được hai mươi lăm⁽⁷⁾ vị Đại Bồ Tát như đức Quán Thế Âm và nhiều vị Bồ Tát theo thủ hộ mình.

3- Hằng được chư Phật ngày đêm hộ niệm, Đức Phật A Di Đà thường phóng ánh sáng nhiếp thọ người ấy.

4- Tất cả ác quỷ như Dạ Xoa, La Sát đều không thể làm hại. Tất cả rồng độc, rắn độc và thuốc độc đều không thể xâm phạm.

5 - Không bị những tai nạn như nước trôi, lửa cháy, giặc oán, đao tên, gông xiềng, tù ngục, hoạn tử.

6- Những nghiệp ác về trước lần lần tiêu diệt. Những oan mạng bị mình giết, nhờ công đức niệm Phật đều được giải thoát, không còn theo báo phục.

7- Đêm nằm nghỉ yên ổn, hoặc mơ thấy điềm lành hay thấy sắc thân thắng diệu của Phật A Di Đà.

8- Tâm thường an vui, nhan sắc sáng nhuận, khí lực đầy đủ, việc làm có kết quả tốt.

9- Thường được mọi người kính trọng giúp đỡ, hoặc hoan hỷ lễ bái cũng như kính Phật.

10- Khi lâm chung tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện ra, được thấy Phật A Di Đà và các thánh chúng tay bung đài vàng tiếp dẫn vãng sanh về Cực Lạc, cùng tận kiếp vị lai hưởng thọ sự vui nhiệm mầu”.

Niệm Phật Kính Luận của nhị Tổ Thiện Đạo đại sư nói: “Các kinh *Niệm Phật vãng sanh* nói niệm Phật có **ba chục lợi ích**, cả ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai.

a- Quá khứ:

Diệt trừ các tội. Niệm một câu Phật hiệu diệt tám mươi ức kiếp trọng tội sanh tử (Kinh *Quán Vô Lượng Thọ*).

b- Hiện tại:

1) Diệt trừ các tội. Niệm một câu Phật hiệu diệt tám mươi ức kiếp trọng tội sanh tử.

2) Công đức vô biên. Niệm một câu Phật hiệu được tám mươi ức kiếp công đức vi diệu.

3) Được pháp thù thắng của chư Phật.

4) Chư Phật đồng chứng minh.

- 5) Chư Phật đồng hộ niệm.
- 6) Mười phương chư Phật đồng khuyến tin niệm.
- 7) Nếu có họa hoạn, niệm Phật liền trừ.
- 8) Khi lâm chung lòng không điên đảo (Kinh *Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ*).
- 9) Niệm Phật một pháp nhiếp nhiều pháp.
- 10) Pháp môn Tịnh Độ bao gồm năm Tông, tám Giáo. Một câu A Di Đà Phật niệm được thuần thực ba Tạng, mười hai bộ kinh⁽⁸⁾, những giáo lý cực tất đều ở trong đó. Một ngàn bảy trăm công án, đường lối hướng thượng đều ở trong đó. Ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, ba tụ tịnh giới cùng ở trong đó.
- 11) Khi lâm chung Phật tự đến rước (Kinh *Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ*).
- 12) Dùng ít công đức mau sanh Tịnh Độ (Kinh *Pháp Cở*).
- 13) Thọ mạng lâu dài. Tăng long phước thọ, kéo dài mạng sống, Phật hiệu là thuốc trường sinh của bậc Đại giác.

c - Vị lai.

- 14) Hóa sanh trong đài hoa. Thân màu vàng ròng. Kinh: “Hoa sen chín phẩm là cha mẹ mình”.
- 15) Sống lâu không chết. Sống cho đến ngày thành Phật.
- 16) Thân có ánh sáng.
- 17) Đủ ba mươi hai tướng.
- 18) Được sáu thứ thần thông: Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Túc mạng, Thần túc, Tha tâm, Lưu tận thông.
- 19) Được Vô sanh pháp nhẫn.

- 20) Thường thấy chư Phật.
- 21) Cùng với Bồ Tát làm bạn. Kinh nói rằng: “Bồ Tát vi bạn hữu”.
- 22) Hương hoa, âm nhạc sáu thời cúng dường.
- 23) Com áo tự nhiên nhiều kiếp không hết.
- 24) Tự do tiến đạo thẳng đến Bồ đề.
- 25) Thường tươi trẻ, không có tướng già.
- 26) Thường được khỏe mạnh, không có bệnh tật.
- 27) Không bị đọa ba ác đạo.
- 28) Thọ sanh tự tại.
- 29) Ngày đêm sáu thời thường nghe diệu pháp.
- 30) Ở địa vị Bất thối.

Tịnh Độ Quán Nghi Luận của đại sư Hoài Cảm nói:
“Người sanh về Tây Phương có ba chục điều lợi ích:

- 1) Vãng sanh cõi Phật.
- 2) Được niềm vui pháp lớn.
- 3) Thân cận chư Phật.
- 4) Trải qua mười phương cúng dường Phật.
- 5) Tận tai nghe Phật thuyết pháp.
- 6) Tư lương phước huệ nhanh chóng tròn đầy.
- 7) Mau chứng Bồ Đề.
- 8) Các trời, người cùng tụ hội một nơi.
- 9) Không thối chuyển.
- 10) Vô lượng hạnh nguyện tăng tiến.
- 11) Chim Anh vũ, Xá lợi tuyên dương pháp âm.
- 12) Gió thổi hàng cây tấu diễn thiên nhạc.
- 13) Nước xoáy châu Ma ni diễn thuyết pháp khổ không.
- 14) Tiếng nhạc tấu diễn âm thanh vi diệu.

- 15) Bốn mươi tám nguyện của Phật nhiếp thọ.
- 16) Thân sắc vàng ròng.
- 17) Thân không xấu xa thấp hèn.
- 18) Đầy đủ sáu thứ thân thông.
- 19) Thường ở nơi chánh định tự.
- 20) Không có các điều bất thiện.
- 21) Thọ mạng lâu dài.
- 22) Y phục và ẩm thực tự nhiên hóa hiện.
- 23) Chỉ thọ hưởng những điều vui.
- 24) Được ba mươi hai tướng tốt.
- 25) Thật không có người nữ.
- 26) Không có tiểu thừa.
- 27) Lìa khỏi tám nạn.
- 28) Được ba pháp nhẫn.
- 29) Thân thường có ánh sáng.
- 30) Thân được sức mạnh kiên cố như kim cương”.

Liên Tông Cửu Tổ Ngẫu Ích đại sư nói: “Niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật thuần thực, thì tất cả tinh hoa của tam tạng kinh điển đều ở trong ấy. Một ngàn bảy trăm công án, các cơ quan hướng thượng cũng ở bên trong, ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, tam tụ tịnh giới cũng ở trong ấy”. Một danh hiệu Phật đầy đủ cả thiên, giáo, mật chú và tất cả phương pháp tu hành. Một danh hiệu Phật đầy đủ cả Giới, Định, Huệ.

Người đạt Bất Niệm Tự Niệm sâu, vọng niệm ít khởi. Tỉnh thoảng vẫn có khởi nhưng vừa khởi lên liền “tự dứt”. Đây là điều vi diệu độc đáo nhất của pháp môn.

Người xưa nói: “Một niệm lành, niệm mãi trong tâm, tâm sẽ trọn lành”“. Nhất cú Di Đà vô biệt niệm. Bất

lao đàn chỉ đạo Tây Phương” Nghĩ là niệm một câu Di Đà không niệm gì khác (không xen tạp). chẳng nhọc, khoảnh khắc đến Phương Tây (Cực Lạc).

Kinh nói: “Niệm Phật một câu phước đức vô lượng”. Nay ngày đêm chúng ta niệm ba ngàn, năm ngàn, một vạn, mười vạn, ba mươi vạn câu. Vậy thì phước đức biết bao nhiêu mà kể cho hết, nhất định chúng ta sẽ vãng sanh Cực Lạc.

Pháp sư Tịnh Không nói: “Nếu có thể dùng tâm ‘chân thành, thanh tịnh, từ bi’ để niệm Phật cầu vãng sanh tịnh độ thì đó là **phước huệ** viên mãn”.

Hòa thượng Tuyên Hóa nói: “Bạn niệm một tiếng Phật thì trong tâm bạn có một vị Phật, bạn niệm mười tiếng Phật thì có mười vị Phật, niệm trăm tiếng, ngàn tiếng, vạn tiếng, niệm càng nhiều càng nhanh thành Phật”.

Niệm Phật chính là trở về với Phật, trở về với tâm của chính mình. Niệm Phật chính là hòa Phật và mình làm một. Bạn niệm Phật thì Phật niệm lại bạn, kết quả ngay lúc đó bạn là Phật rồi.

Kinh *Quán Vô Lượng Thọ* nói: “Tâm làm Phật, Tâm là Phật”.

Liên Tông cửu Tổ Ngẫu Ích đại sư nói: “Mỗi tiếng niệm Phật của mình, tiếng nào mình cũng đã là Phật rồi”.

Vậy thì Tâm ta **đang** làm Phật, quyết định Tâm ta **phải** là Phật.

2. Công đức niệm Phật

a. Công đức

Kinh *Niệm Phật Ba La Mật* dạy: “Muôn vãng sanh Cực Lạc chỉ cần xưng danh hiệu Phật là đủ. Vì danh hiệu chính là biểu tượng của Pháp thân, cho nên **niệm danh hiệu chính là niệm Pháp thân** vậy”.

Pháp sư Tịnh Không nói: “A Di Đà Phật là bốn danh (tên chung, tên gốc) của tất cả pháp giới chư Phật. Danh hiệu của từng vị trong tất cả pháp giới chư Phật là **biệt hiệu** của các ngài. A Di Đà Phật là **bốn danh** của các ngài cho nên gọi là Pháp giới tạng thân.

Tuyệt Hư Lão Nhân nói: “Một câu Nam Mô A Di Đà Phật là **Pháp Giới tạng thân**, bao gồm cả thập phương tam thế chư Phật. Một câu Nam Mô A Di Đà Phật **bao trùm** cả mười hai loại bộ kinh điển trong tam tạng, tức là chữ A đã bao gồm toàn bộ giáo pháp của tam tạng. Sáu chữ hồng danh là **vua** của các chú. Sáu chữ “Nam Mô A Di Đà Phật” là **chữ bí mật**, chẳng phiên dịch. Cả sáu chữ đều chẳng phải là tiếng Trung Hoa. Pháp này cao tột, **thù thắng hơn** trì tụng bất cứ chú ngữ nào khác”.

Tổ thứ chín Ngẫu Ích đại sư nói: “A Di Đà Phật là một danh hiệu lớn lao, gồm có vạn công đức. Niệm danh hiệu ấy để **vời công đức** thì công đức nào cũng phải đến hết”.

Trong *Quán Kinh Sớ*, Tổ Thiện Đạo đại sư nói: “Niệm Phật một câu diệt tám mươi ức kiếp trọng tội sanh tử và được tám mươi ức kiếp vi diệu **công đức**”.

Kinh *Niệm Phật Ba La Mật* nói: “Nếu có chúng sanh nào chí thành xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật thì **uy lực bất khả tư nghì** của danh hiệu khiến cho **tâm thể thanh tịnh** mà chúng sanh ấy không hề hay biết”. Hiện tượng thanh tịnh hóa này, theo Duy Thức Học giải thích như sau: Khi ta niệm Phật, chủng tử vô lậu của danh hiệu Phật huân tập vào tạng thức, nó sẽ **chuyển hóa** những chủng tử hữu lậu, gọi là **bạch tịnh hóa**. Huân tập càng nhiều chủng tử vô lậu, sức chuyển hóa (bạch tịnh hóa) càng mạnh, đến giai đoạn nào đó, bạch tịnh hóa hoàn toàn thì không còn chủng tử hữu lậu, mà chỉ có chủng tử vô lậu. Lúc đó tạng thức trở thành **bạch tịnh thức**, cũng gọi là **vô cấu thức** (Thức thứ chín). Sau đó chuyển thành Đại viên cảnh trí.

Do vậy, hành giả cần nỗ lực tinh tấn công phu ngày càng đặc lực hơn. Hễ chủng tử vô lậu (danh hiệu Phật) **tăng trưởng** một phần thì chủng tử hữu lậu (phiền não, tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến,...) **giảm** một phần; chủng tử vô lậu **tăng trưởng** mười phần thì chủng tử hữu lậu **giảm** mười phần v.v... Nhờ vào tiến trình bạch tịnh hóa nói trên, người đạt được Bất Niệm Tự Niệm cảm thấy an lạc, mát mẻ, vui vẻ, hạnh phúc không tài nào diễn tả được, nên nói: uống nước nóng lạnh tự biết. Vọng niệm ngày càng ít hơn, thỉnh thoảng nếu có cũng bị uy lực của danh hiệu Phật, và sức chuyển hóa chủng tử chặn đứng, hủy diệt ngay khi vừa móng khởi. Nếu hành giả tiến sâu hơn, đạt **niệm Phật thành một khối** thì vọng niệm thô sẽ **không** móng khởi được nữa, tâm dần dần thanh tịnh hơn,

định lực càng tăng trưởng, cái “ngã” teo bé dần, trí tuệ ngày càng tỏ rạng hơn v.v...

Kinh *Nguyệt Đăng Tam Muội* nói: “Tất cả chư Phật trong mười phương ba đời (quá khứ, hiện tại và vị lai) đều học pháp niệm Phật, mau chóng chứng đắc đạo giác ngộ giải thoát”. Thế nên biết, chư Phật trong ba đời đều do **niệm Phật được thành Phật**.

b. So sánh công đức

Theo phẩm Phổ Môn nói: “Số Bồ Tát nhiều như cát sông Hằng, dù cúng dường nhiều gấp sáu mươi hai ức (6.200.000) lần số Bồ Tát này, cũng chẳng bằng **một thời** lễ bái cúng dường Bồ Tát Quán Thế Âm”.

Kinh *Thập Luận* nói: “Một trăm kiếp niệm Quán Thế Âm, chẳng bằng khoảng thời gian một **bữa ăn** niệm danh hiệu Bồ Tát Địa Tạng”.

Tịnh Độ Quán Nghi Luận nói: “Một đại kiếp niệm danh hiệu Bồ Tát Địa Tạng, chẳng bằng niệm **một câu A Di Đà Phật**”.

Pháp môn Tịnh Độ thu nhiếp quả của lục độ, vượt hơn sự bố thí tiền của gấp trăm ngàn vạn lần.

Kinh *Niết Bàn* nói: “Một tiếng niệm Phật phân làm mười sáu phần công đức. Nếu có một người bố thí cho chúng sanh khắp cả một thế giới trải qua **ba tháng** nhưng chỉ đem một phần trong mười sáu phần công đức của một tiếng niệm Phật thì cũng **hơn** công đức người bố thí kia.

Thế nên biết niệm Phật hơn cả sự bố thí tiền của gấp trăm ngàn vạn lần.

3. Bốn Môn Niệm Phật

Nguyện mà không hành là nguyện suông. Người đời nói: Học, Hiểu, Hành. Nhà Phật dạy: Văn (nghe), Tư (suy nghĩ), Tu (thực hành).

Về hành có bốn cách: Thật tướng niệm Phật,

Quán tướng niệm Phật, Quán tượng niệm Phật, Trì danh niệm Phật.

a. Thật tướng niệm Phật là niệm tánh Phật bản lai của chính mình. Đây là quán Pháp thân thật tướng của Phật. Pháp này dành cho bậc thượng căn thượng trí. Phạm phu hạ căn hạ trí chúng ta không kham nổi.

b. Quán tướng niệm Phật là pháp quán tướng y báo chánh báo cõi Cực Lạc (Kinh *Quán Vô Lượng Thọ*). Tổ Thiệt Đạo dạy: Tâm chúng sanh thô, quán cảnh quá vi tế, sâu màu nên khó thành tựu.

c. Quán tượng niệm Phật là pháp quán tượng Phật. Để tượng Phật trước mặt, ghi nhận mọi nét của bức tượng, rồi quán tưởng cho đến khi dù không có tượng, lúc mở mắt, nhắm mắt đều thấy hình tượng Phật hiện rõ trước mặt.

- Trong kinh không thấy nói pháp này.

- Đây chỉ là cách thức phụ giúp cho sự trì danh hiệu Phật để hành giả tâm không tán loạn, dễ được chánh niệm mà thôi.

d. Trì danh niệm Phật là chấp trì danh hiệu Phật cũng gọi là xưng danh niệm Phật.

Cổ Đức dạy: “Pháp môn Tịnh Độ là con đường tắt trong tất cả các pháp môn. Cả ba căn thượng, trung, hạ đều có thể thực hành vừa dễ dàng vừa mau chóng”.

Pháp này gồm: Quán tưởng trì danh và Nhiếp tâm trì danh.

1- Quán tưởng trì danh là pháp trì danh cộng thêm quán tưởng.

2- Nhiếp tâm trì danh là pháp tôi đang hành trì theo đúng lời dạy của Đức Thế Tôn trong kinh *A Di Đà*, kinh *Lăng Nghiêm* và cũng chính là pháp được chư Tổ triển khai, phổ biến từ xưa đến nay. Điển hình nhất là Tổ Thiện Đạo, Tổ Ngẫu Ích, Tổ Triệt Ngộ, Tổ Pháp Nhiên và các Hòa thượng Thiền Tâm, Trí Tịnh, v.v...

Cách trì danh

Có năm cách trì danh: Cao thanh trì, Đê thanh trì, Kim cang trì, Mặc trì, Ý trì.

a- Cao thanh trì là niệm ra tiếng lớn.

b- Đê thanh trì là niệm ra tiếng nhỏ. Kinh *Đại Tập* dạy: “Đại niệm thấy đại Phật, tiểu niệm thấy tiểu Phật”. Cổ Đức bảo: “Niệm Phật lớn tiếng thấy Phật lớn, niệm Phật nhỏ tiếng thấy Phật nhỏ”.

Kinh *Đại Tập* dạy: “Niệm Phật ra tiếng có mười công đức:

- Đánh tan tâm hôn trầm mê ngủ.
- Thiên ma kinh sợ.
- Tiếng vang khắp mười phương.
- Ba đường ác được dứt khổ.
- Tiếng bên ngoài không xâm nhập.
- Niệm tâm không tán loạn.
- Mạnh mẽ tinh tấn.
- Chư Phật vui mừng.
- Tam muội hiện tiền.
- Vãng sanh về Tịnh Độ”.

Nhưng khi niệm ra tiếng thì dễ bị hao hơi tổn khí nên không thể niệm lâu.

c- Kim cang trì là niệm không ra tiếng, còn nhép môi.

Ưu điểm: không hao hơi, tổn khí, niệm được lâu.

Khuyết điểm: nhép môi làm thân động, tâm động theo.

Ba cách này là niệm bằng miệng, niệm lâu ngày có thể trở thành thói quen (tập khí), miệng tự động niệm mà tâm không niệm gọi là hữu khẩu vô tâm. Tổ Đức Nhuận nói: “Niệm như thế dù thét cho bể cuống họng cũng hoàn không”. Nghĩa là vô ích. Do vậy, có nhiều vị niệm Phật mấy chục năm rồi mà vẫn trợ trợ, không cảm nhận được chút an lạc nào, còn bị phiền não là khác, nên sanh ra chán nản.

d- Mặc trì là vẫn niệm bằng miệng nhưng không ra tiếng (niệm thầm).

Ưu điểm: không hao hơi tổn khí.

Khuyết điểm: dễ hôn trầm (buồn ngủ).

e- Ý trì là niệm bằng ý.

Chư tổ dạy: “Tâm vô nhị dụng”. Nghĩa là tâm không thể làm hai việc cùng một lúc. Khi tâm lo nghĩ một việc nào khác thì tâm không thể niệm Phật được.

Kinh *Pháp Cú* dạy: “Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm là chủ, tâm tạo tác tất cả. Nếu đem tâm ô nhiễm tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, sự khổ sẽ theo nghiệp kéo đến như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe. Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm là chủ, tâm tạo tác tất cả. Nếu đem tâm thanh tịnh tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, sự vui sẽ theo nghiệp kéo đến như bóng theo hình”.

Theo Duy Thức học: “Ý thức công vi thủ, tội vi khô”. Nghĩa là về công, ý thức đứng đầu, về tội thì ý thức cũng đứng đầu. Làm ác do ý thức, làm thiện cũng do ý thức. Thí dụ: ý thức muốn đánh, muốn đá thì tay mới đánh, chân mới đá. Ý thức muốn chửi mắng, miệng mới chửi mắng,... Sa địa ngục do ý thức lôi kéo. Vãng sanh Cực Lạc cũng do ý thức đưa đẩy. Làm ma hay làm Phật đều do ý thức.

Bằng những lý lẽ trên. Với ý trì, ta bất ý thức phải niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc để thành Phật, thật đúng là diệu pháp. Khi ý thức niệm Phật, như đã nói ở

trên, thì ý thức không còn làm được việc gì khác, bật vọng niệm, vọng tưởng, mà câu Phật hiệu luôn hiện tiền.

Trong suốt thời gian ý trì không có vọng niệm vọng tưởng, đúng là tu chỉ của Thiền. Lại lắng nghe rành rẽ, rõ ràng danh hiệu Phật, đó là tu quán của Thiền. Như vậy ý trì không khác chỉ quán song tu của Thiền.

Cách tập ý trì

Cách thứ nhất:

- Bước 1: Dùng máy (cassette hay chip) hát niệm Phật A Di Đà (6 chữ hay 4 chữ tùy ý thích), hành giả tịnh tọa, lắng lòng nghe (nhĩ căn = lỗ tai), **dùng ý thức nghĩ, ghi nhận, đưa vào tâm** từng chữ, từng câu rành rẽ, rõ ràng theo đúng nhịp điệu hát của máy. Dùng để bị xen tạp và gián đoạn.

Thực tập vài tiếng đồng hồ hoặc vài ba ngày, tự nhiên thuần thục.

Nên nhớ: khi tập cách này phải xả, bỏ quên, không quan tâm đến cách niệm trước đây.

Cách này quá dễ, ai ai cũng thực hành được, nhưng có khuyết điểm là tâm còn phân duyên theo tiếng bên ngoài, gọi là hướng ngoại.

- Bước 2: Không dùng máy nữa, mà dùng bốn hay sáu ngón tay để nhịp.

Hành giả tịnh tọa, lắng lòng, dùng ngón tay nhịp, **dùng ý thức để nghĩ, niệm từng chữ** một cách rành rẽ, rõ ràng, theo từng nhịp của ngón tay.

Thực tập vài tiếng đồng hồ hoặc vài ba ngày, tự nhiên thuần thực.

- Bước 3: Không dùng máy và ngón tay.

Hành giả tịnh tọa, lắng lòng, **tự nghĩ và tự niệm** rành rẽ, rõ ràng từng chữ, từng câu thánh hiệu A Di Đà.

Lúc đầu biết tâm mình đang niệm Phật A Di Đà, chứ chưa nghe tiếng. Quen dần, thuần thực sẽ **nghe** rành rẽ, rõ ràng, từng tiếng (từng chữ), từng câu thánh hiệu A Di Đà.

Cái nghe này là nghe bằng tánh nghe (không phải bằng nhĩ căn, lỗ tai). Tình trạng này gọi là “Phản văn, văn Phật hiệu”.

Người mới (sơ cơ) ý trì chỉ năm hoặc mười phút là mệt, niệm không được nữa, thì thay đổi niệm bằng miệng (Kim cang trì hay mặc trì là niệm thầm, hay niệm ra tiếng) thời gian ngắn (5,10 phút) rồi lại tiếp tục **niệm bằng ý** (ý trì) luân phiên thay đổi như thế nhiều lần, lâu ngày ý trì sẽ thuần thực (hoàn toàn niệm bằng ý).

Cách thứ hai:

- Bước 1: Viết bốn chữ hay sáu chữ Thánh hiệu A Di Đà lên bảng hay lên giấy.

Hành giả tịnh tọa, lắng lòng, mắt nhìn Thánh hiệu A Di Đà (4 hay 6 chữ) thay vì đọc bằng miệng thì **ngẫm, đọc bằng ý** (ý thức).

Thực tập vài tiếng đồng hồ hoặc vài ba ngày tự nhiên thuần thực.

- Bước 2: Không dùng mắt nhìn bảng hay giấy có viết Thánh hiệu A Di Đà nữa.

Hành giả tịnh tọa, lắng lòng, tự nghĩ và tự niệm y như bước ba, cách thứ nhất.

Thực tập vài tiếng đồng hồ hoặc vài ba ngày tự nhiên thuần thục.

Nói rõ hơn, khi dùng ý nghĩ từng tiếng, từng chữ, từng câu Thánh hiệu A Di Đà, là gieo (huân tập) hạt giống (chủng tử) Phật vào tạng thức. Huân trường lâu ngày chày tháng, hạt giống vô lậu sẽ lớn mạnh dần dần, và khởi hiện hành qua nhiều trạng thái, từ thấp đến cao như sau:

- Giúp ta nhớ niệm Phật nhiều hơn.
- Giúp ta nghe thành tiếng (bằng tánh nghe).
- Thay vì ý thức mà Tạng thức tự niệm (nhập tâm).

Ưu điểm: không hao hơi, tổn khí, đúng như pháp, dứt trừ vọng niệm, vọng tưởng, mau nhập tâm, đạt Bất niệm Tự niệm.

Khuyết điểm: khó thực hành.

Kinh nghiệm cho thấy, khi thực sự buông xả được vạn duyên, ý tri được sáu mươi (60) phút liên tục không gián đoạn, mỗi ngày hai lần, một tuần lễ sau là hoàn toàn có khả năng sẽ được nhập tâm.

4. Thực hành

a. Vì sao phải niệm Phật?

Người xưa nói: “Ngồi buồn lo nghĩ vẫn vợ, lo cau trở muộn, lo già hết duyên” hoặc “Nhàn cư vi bất thiện”.

Đức Phật dạy: “Tâm chúng sanh là tâm viên, ý mã”. Tâm viên là tâm như con khi, leo trèo nhảy nhót không mệt mỏi. Ý mã là y như con ngựa chạy rong không ngừng nghỉ.

Kinh *Pháp cú* nói: “Tâm dẫn đầu, tâm là chủ, tâm tạo tác các pháp”.

Liên tông Thập nhị Tổ Triệt Ngô đại sư nói: “Phàm đã có tâm thì không thể vô niệm. Vì tâm thể vô niệm chỉ có chư Phật chứng đắc, còn từ Đẳng giác Bồ Tát trở về trước đều thuộc hữu niệm. Phàm khởi một niệm, nhất định sẽ rơi vào một trong mười cõi, vô niệm thì vượt ngoài mười cõi. Vì không một niệm nào vượt ra khỏi mười pháp giới. Cho nên vừa khởi một niệm tức là đã có một duyên thọ sanh, như sau:

- Nếu tâm này tương ứng với lòng đại từ đại bi bình đẳng, công đức y chánh⁽⁹⁾, cho đến hồng danh vạn đức (A Di Đà Phật), tức là đã niệm pháp giới Phật.

- Nếu tâm này tương ứng với tâm Bồ Đề, Lục độ vạn hạnh, tức đã niệm pháp giới Bồ Tát.

- Nếu tâm vô ngã tương ứng với mười hai nhân duyên tức đã niệm pháp giới Duyên Giác.

- Nếu tâm vô ngã quán xét Tứ đế, tức đã niệm pháp giới Thanh Văn.

- Hoặc tâm này tương ứng với Tứ thiên, Bát định cho đến Thập Thiện Thượng phẩm, tức đã niệm pháp giới Thiên.

- Nếu tâm tương ứng với ngũ giới, tức niệm pháp giới Người.

- Nếu tu tập các pháp ngũ giới, Thập thiện mà trong tâm còn sân hận, kiêu mạn, thắng thua, tức rơi vào pháp giới Tu La.

- Nếu dùng tâm yếu kém niệm Thập ác hạ phẩm, tức rơi vào pháp giới Súc sanh.

- Nếu dùng tâm nửa yếu kém, nửa mạnh mẽ tương ứng với trung phẩm Thập ác thì liền rơi vào pháp giới Ngạ Quỷ.

- Nếu với tâm mạnh mẽ tương ứng với thượng phẩm Thập ác thì liền rơi vào pháp giới Địa ngục”.

Con người sau khi thân hoại mạng chung, nghiệp lực nào mạnh nhất sẽ đưa đi tái sanh ở cảnh giới tương ứng (gọi là nghiệp lực chiêu cảm). Ví như, cái cây bình thời nghiêng về hướng nào, khi đổ sẽ ngã về hướng đó. Người nào biết rõ lý lẽ và lời dạy trên của Đức Phật và chừa Tội mà **không niệm Phật** thì chưa từng có. Vậy **phải niệm Phật để về cảnh giới Phật** (tránh rơi vào chín cảnh giới kia).

Liên Trì Cảnh Sách nói: “Một câu Nam Mô A Di Đà Phật là mục đích chủ yếu mà Phật thị hiện nơi cõi ô trược này cũng là đại pháp vô thượng thông suốt bốn nguyện của đức Phật. Đó cũng là tinh hoa trí tuệ của ba tạng giáo điển. Một câu Nam Mô A Di Đà Phật vượt lên trên tất cả pháp Giáo, Thiên, Mật và Luật học, nhiếp tất cả pháp môn”.

Vả lại, pháp môn niệm Phật **đễ tu, dễ chứng, hợp thời cơ** như đã trình bày ở phần Một, và là pháp môn mà tất cả chư Phật trong ba đời mười phương phải thực hành để thành Phật (Kinh *Nguyệt Đăng Tam Muội*).

b. Tiếng niệm Phật

1- Tiếng niệm Phật phải **rành rẽ** (không lộn lạo), **rõ ràng** (không trại giọng), **chắc thiết** (tâm tiếng khấn nhau). Trong bốn chữ nên nhấn mạnh chữ đầu (A) hoặc chữ cuối (Phật). Kinh nghiệm cho thấy, nếu niệm không rành rẽ, rõ ràng thì khi nhập tâm sẽ không rành rẽ, rõ ràng. Khi niệm nhấn mạnh chữ nào, sẽ nhập tâm chữ đó trước, tiếp theo những chữ kế tiếp. Ví dụ, nhấn mạnh chữ A khi nhập tâm, sẽ ra A Di Đà Phật. Nhấn mạnh chữ Phật, khi nhập tâm nó sẽ ra Phật A Di Đà. Nhấn mạnh chữ Đà, khi nhập tâm nó sẽ ra Đà Phật A Di. Muốn điều chỉnh lại cũng được nhưng mất thời gian khá lâu.

2- Niệm không quá mau, vì mau quá, tâm không bắt kịp tiếng (không chắc thiết), dễ mệt, không niệm được lâu. Niệm quá chậm thì sẽ rời rạc, lơ lửng, có kẽ hở, vọng niệm dễ chen vào. Không niệm quá mau, không niệm quá chậm, tốc độ nên vừa phải.

3- Tiếng niệm Phật phải xuất phát từ **tâm**, lên **miệng** ra tiếng, đến **tai** nghe, **ý** ghi nhận tiếng ấy vào tâm. Như vậy tâm khởi, miệng niệm, tai nghe, tâm ghi nhận, được vậy **thân, khẩu, ý** (tâm) đều niệm Phật, xoay vần liên tục như vậy không có kẽ hở thì nhất định không còn vọng niệm, vọng tưởng nữa. Niệm như vậy là tiếng hiệp với tâm, chắc thiết, hay nói tâm tiếng là một, hoặc nói tiếng ở đâu tâm ở đó. Được vậy khi niệm Phật nhất định tâm đã có Phật. Không thể nói gì khác hơn được.

Lại nữa, kinh *Niệm Phật Ba La Mật* nói: “Danh hiệu Phật là biểu tượng **Pháp thân Phật**”. Vậy niệm Phật là niệm Pháp thân Phật, nhớ nghĩ như vậy thì không thể nói hữu khẩu vô tâm được.

Nên nhớ, mỗi tiếng niệm Phật là một tiếng kêu cứu Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc, đồng thời một lần **đánh thức ông Phật tự tánh**.

4- Người chân thành niệm Phật không luận đi, đứng, nằm, ngồi hay bất cứ làm việc gì trong tâm chỉ biết câu hồng danh “A Di Đà Phật” Hành trì lâu ngày thuần thục thì **mọi âm thanh** đều là tiếng niệm Phật. Tiếng mở, tiếng chuông, tiếng tụng bất luận kinh nào, tiếng nước chảy, gió thổi, chim kêu, xe chạy, máy bay bay, thậm chí tiếng mắng chửi mình cũng đều nghe tiếng “A Di Đà Phật” Được vậy dễ thành **một khối** (nhất phiến).

c. Giọng niệm Phật

Hòa thượng Tịnh Vân ở Đài Loan nói: Chúng ta cần thường niệm Phật bằng bốn tâm niệm như sau: Niệm với:

1- Tâm bi thiết là niệm với giọng bi lụy, thiết tha khẩn cầu Phật tiếp dẫn như con té giéng, thiết tha kêu cha mẹ cứu vớt. Giọng này buồn lắm nhưng dễ cảm ứng.

2- Tâm hoan hỷ là niệm với tâm hớn hờ vui mừng như người học đạo gặp diệu pháp, sẽ được Phật tiếp dẫn giải thoát, không khác người nghèo được của báu.

3- Tâm như hư không là niệm với cái tâm thanh thản (không mong cầu), rỗng rang, vô sự, buông xả vạn duyên, không còn mảy may chấp trước, dính mắc ngũ dục lục trần, danh văn, lợi dưỡng v.v...

4- Tâm thực tại là tùy duyên niệm Phật theo ngoại cảnh, như tiếng nước chảy, gió thổi, chim kêu, xe chạy, tiếng chuông, tiếng mõ v.v... đều **giả tá** tiếng niệm Phật. Mỗi mỗi bất luận là tiếng gì, thậm chí tiếng мэng chửi mình đều giả tá là tiếng niệm Phật.

Kinh *Hoa Nghiêm* dạy: “Nhất thiết duy tâm tạo” nghĩa là tất cả đều do tâm làm ra, hay “Nhất thiết pháp từ tâm tướng sanh” nghĩa là tất cả pháp từ tâm tướng sanh ra.

Pháp sư Tịnh Không thường nói: “Tâm tướng sự thành”.

Hoà thượng Quảng Khâm nói: “Tất cả tiếng chim kêu, nước chảy, gió thổi Ngài đều nghe là tiếng niệm Phật, suốt thời gian như thế”.

Để giả tá nhất là tiếng mõ, tôi và một số liên hữu đã thực hành kết quả rất tốt.

Quý vị nên thực tập pháp “giả tá” này, càng nhiều càng tốt. Bao giờ quý vị nghe được lời căn nhắc của ông xã hay bà xã mình là tiếng niệm Phật, chừng ấy quý vị mới đạt tới niệm Phật không xen tạp, không gián đoạn, rồi tiến tới **nhất tâm**.

d. Thái độ niệm Phật

Khi niệm Phật, tâm không nên trụ bất cứ chỗ nào trên thân cả, mà chỉ trụ vào câu niệm Phật (danh hiệu Phật). Gọi là tiếng ở đâu, tâm ở đó, nghĩa là khi miệng niệm Phật, tâm phải có Phật (chắc thật).

1- Niệm Phật bằng cái tâm cung kính, chí thành, khẩn thiết, như vậy mới tương ứng, dễ cảm ứng. Tâm cung kính là tâm kính trọng như đang đối diện với Phật. Tâm chí thành là tâm thành thật cùng cực như con xa nhà, thật lòng muốn gặp lại mẹ hiền. Tâm khẩn thiết là tâm thiết tha, gấp rút như cầu cứu lửa cháy đầu.

Dụng công như vậy là hoàn toàn tốt, nhưng thực tế chúng ta khó dụng công nổi mà chỉ có thể dụng công trong thời khóa biểu hằng ngày.

Ngoài thời khóa, ta niệm một cách **bình thường** như nói chuyện nhưng phải **nghiêm túc** không phải đùa.

2- Niệm Phật bằng cái tâm chân thành, thanh tịnh, từ bi, cái tâm buông xả vạn duyên, cái **tâm không**. Tâm không không phải là không có cái tâm mà là tâm rỗng rang, **vô sự**, không chấp trước, không dính mắc cái gì khác ngoài danh hiệu Phật, bằng cái tâm thanh thản nghĩa là không mong cầu gì cả, kể cả không mong cầu thành tựu tịnh nghiệp vãng sanh.

Nhà Phật dạy: Người tu phải có nguyện cầu nhưng không mong cầu, vì mong cầu là vọng tưởng, chướng ngại đường tu.

Trên đây phân tích tiếng niệm Phật, giọng niệm Phật và thái độ niệm Phật để cho hành giả sơ cơ chọn lựa pháp thích hợp mà hành trì. Đối với người niệm thuần thực, họ tùy duyên, an nhiên, tự tại trước mọi pháp (tiếng, giọng, thái độ niệm Phật). Hiểu như vậy, dù là sơ cơ cũng không nên phân biệt, chấp trước pháp này đúng sai, tốt xấu, hay dở mà gây chướng ngại đường tu.

e. Những điều cấm kỵ

Điều tối kỵ là niệm Phật một cách lơ là, lơ lửng, giả dối, không quan tâm chú ý đến câu Phật hiệu, niệm lấy có, chiếu lệ, niệm cho đủ số. Niệm như vậy đúng là miệng niệm Phật mà tâm không có Phật. Tổ Đức Nhuận nói: “Thét cho bể cuống họng cũng hoàn không”. Nghĩa là vô ích.

Mặt khác niệm Phật không để nguyện cầu hưởng phước báo nhơn thiên (không cầu an, không cầu: tài, sắc, danh, lộc, hạnh phúc thế gian... hễ công phu đắc lực tự

nhiên như nhiên nó đến, nên gọi là không cầu mà cầu, cầu mà không cầu) duy nhất chỉ nguyện cầu **vãng sanh Cực Lạc**, thành Phật độ chúng sanh.

f. Các bệnh, Cách đối trị

Người niệm Phật thường bị các bệnh sau:

1- Phan duyên là các căn, nhất là mắt, tai, mũi, chạy theo (duyên theo) sắc, thanh, hương, v.v...

Đối trị: làm ngơ (xả bỏ) ngoại cảnh, tập trung tâm ý (nhiếp các căn) vào câu Phật hiệu.

2- Hôn trầm là buồn ngủ, ngủ gục.

Đối trị: thay đổi vị thế, phương cách, nhịp độ như đang tịnh tọa thì đổi kinh hành, hay lễ Phật. Đang niệm thầm thì đổi niệm ra tiếng. Đang niệm ra tiếng hay niệm thầm thì gia tăng tốc độ (niệm nhanh hơn).

3- Tán loạn là vọng niệm, vọng tưởng khởi dậy quá mạnh, suy nghĩ tứ tung, loạn xạ.

Đối trị:

- Áp dụng pháp Phản văn trì danh, miệng niệm tai nghe. Tập trung tinh thần, lắng lòng (thu nhiếp các căn) khởi dậy câu Phật hiệu rành rẽ, rõ ràng từng chữ, từng câu một.

- Đối với người sơ cơ (mới tập niệm Phật) dùng pháp trên không hiệu quả thì dùng pháp **Thập Niệm Ký Số**, như sau: Niệm rành rẽ, rõ ràng bốn chữ hay sáu chữ cũng được, niệm câu nào nhớ câu nấy, không được lần

chuỗi, **chỉ dựa vào tâm để nhớ**. Niệm nhớ đủ mười câu, bắt đầu niệm nhớ lại từ một đến mười. Luân chuyển mãi như thế.

Không được quá mười câu. Niệm rõ ràng, **nhớ phân minh**, nghe rành rẽ, không xen tạp, không gián đoạn, không có kẽ hở, làm sao vọng niệm chen vào được.

4- Vô ký là trạng thái không hôn trầm, không tán loạn, lưng chùng, mơ mơ, màng màng, nửa thức, nửa ngủ, nửa tỉnh nửa mê. Có người **lầm tưởng** là đắc định.

Đối trị giống như tán loạn, hoặc hôn trầm nói trên.

Trên đây nói chung cách đối trị tổng quát, mỗi người có căn tánh, trình độ khác nhau nên khéo léo, linh động, uyển chuyển áp dụng cách đối trị của riêng mình.

j. Thời khoá công phu

Hành giả tịnh nghiệp phải đồng mãnh tinh tấn hành trì miên mật ngày đêm. Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát dạy: “Niệm Phật phải chuyên cần”. Chuyên là tinh ròng, không xen tạp. Cần là không bỏ phí một phút, giây, không gián đoạn. Đồng nghĩa này, Tổ thứ mười một, Tịnh Am đại sư, và Tổ thứ mười hai Triệt Ngô thiên sư đồng dạy: “Niệm Phật phải niệm **KHÔNG XEN TẠP, KHÔNG GIÁN ĐOẠN**”. Tổ thứ tám Liên Trì đại sư dạy: “Bí quyết của niệm Phật là **NIỆM NHIỀU**” nhiều ở đây phải hiểu là nhiều câu và nhiều thời gian (24/24 giờ).

Tại sao? Vì:

- Trong *A Di Đà Kinh Yếu Giải*, Ngẫu Ích đại sư nói: “Mỗi tiếng niệm Phật của mình, tiếng nào mình cũng là Phật rồi”.

- Cô đức nói: “Nhất niệm tương ứng⁽¹⁰⁾, nhất niệm Phật. Niệm niệm tương ứng, niệm niệm Phật”. Chữ niệm này có thể hiểu hai nghĩa: một tiếng niệm Phật mà được tương ứng thì ngay tiếng niệm Phật đó mình là Phật rồi: hoặc một sát na (thời gian ngắn) niệm Phật được tương ứng, thì ngay sát na đó mình là Phật rồi. Nhiều sát na niệm Phật được tương ứng thì nhiều sát na đó mình là Phật rồi.

Có người nói: “Niệm Phật lai rai. Như Lai cũng độ. Niệm Phật tà tà Di Đà cũng rước”. Quan niệm này hết sức tiêu cực, may ra ức ức người có một, nên tránh.

1- Nhập Phật thất

a- Tại chùa

Phật tử nên cố gắng sắp xếp mọi việc gia đình để tham dự những khóa Phật thất do chùa tổ chức, vì đây là cơ hội, nhân duyên giúp ta hành trì niệm Phật mang lại kết quả tốt đẹp nhất. Vì sao?

- Đất già lam là nơi được thiện thần Hộ Pháp thường bảo vệ.

- Đạo tràng niệm Phật nhất định được chư Phật, chư Bồ Tát trong mười phương thường hộ niệm.

- Từ trường công đức thanh tịnh của đại chúng rất mạnh. Nó tác động mãnh liệt qua lại lẫn nhau, giúp hành

giả tỉnh thức, tự dẹp vọng tưởng, tự phá phiền não, quay về với tự tánh rỗng lặng sáng suốt của mình mà niệm Phật, do vậy kết quả tối đa.

- Nhận được những kinh nghiệm quý báu về hành trì niệm Phật của quý Thầy, Sư cô và liên hữu, nên thực hành đúng cách, công phu đặc lực hơn.

- Nhờ hành giả tự khép mình trong khuôn khổ, nội quy, thời khóa tu học nên:

* Tránh được bệnh giải đãi mà dũng mãnh tinh tấn niệm Phật.

* Không tự do phóng túng mà thúc liễm thân tâm, trau dồi giới đức, nhờ vậy mà thân tâm trang nghiêm, thanh tịnh. Đây là yếu tố đạt **nhất tâm**.

* Dễ thành tựu tịnh nghiệp từng bước một.

Dù chưa thành tựu, cũng nắm được nguyên tắc căn bản, có thêm một số kinh nghiệm hành trì, thực tập được những bước hành trì vững chắc, có những tiến bộ vượt bậc, làm cái đà để từng bước thành tựu tịnh nghiệp sau này, hầu bảo đảm vãng sanh thỏa chí nguyện thành Phật, cứu độ chúng sanh.

Chùa không đủ khả năng tổ chức Phật thất quanh năm suốt tháng nhưng vào những ngày nghỉ cuối tuần có “Ngày niệm Phật”, vì những lợi ích nói trên, để tự tạo cho mình một hành trang đầy đủ về Cực Lạc, nghĩ vậy thì nhất định phải tích cực tham dự thường xuyên, không nên bỏ qua lần nào cả.

b- Tại Tu viện

Chùa Tịnh Luật đã xây cất chùa mới ở Houston (Texas). Chùa cũ ở Waller (Texas) đổi tên là Tu Viện Tịnh Luật. Nơi đây rộng rãi, mát mẻ, yên tịnh, có những cốc nhỏ riêng biệt, đủ tiện nghi, cho từng vị một, rất thích hợp cho việc tịnh tu.

Dưới sự hướng dẫn của hai Thầy tu Tịnh Độ đã và đang có những vị Thầy, Sư cô, Phật tử (trong và ngoài tiểu bang Texas) nhập Phật thất tịnh tu nơi đây, thành tựu khả quan.

c- Tại nhà

Nhập Phật thất là cách tu hiệu năng cao nhất. Do vậy nếu vì hoàn cảnh sinh hoạt không đến chùa hoặc tu viện được, thì nên tu Phật thất tại nhà. Thời gian dài ngắn gì cũng được, càng dài càng tốt, ít nhất là một ngày. Người dù bận rộn cách mấy, một tuần cũng có ít nhất một, hai ngày rảnh rang.

Như ông bà già phải giữ cháu để con đi làm. Hai ngày cuối tuần không đi làm thì chúng phải tự giữ con, để bố mẹ nhập tu Phật thất, tự tạo hành trang về Cực Lạc.

Về hình thức và nội dung Phật thất, dựa vào cách tổ chức của chùa và tu viện, uyển chuyển tùy theo hiện cảnh gia đình, trọng nội dung hơn hình thức.

2- Định khóa hằng ngày

Ở chùa hoàn cảnh thuận lợi hơn nên dễ lập định khóa, quý vị là cư sĩ tại gia thì tùy hoàn cảnh sinh hoạt hằng ngày, tùy khả năng sức lực, khả năng hành trì mà lập định khóa thích ứng. Định khóa không nên quá thấp (uổng phí thời gian) cũng không nên quá cao (khi có, khi không). Chư Tổ dạy: “Định khóa có tiền, nhất định không có thời và thà chết chớ không bỏ qua định khóa”. Lời dạy quý báu này, xin quý vị ghi nhớ cho.

Định khóa niệm Phật có ba phần: Tịnh tọa niệm Phật, Lễ bái niệm Phật và Kinh hành niệm Phật. Ba phần này, **niệm Phật là chánh**, tịnh tọa, lễ bái, kinh hành là **phụ**. Có nghĩa là danh hiệu Phật phải **luôn luôn hiện tiền**, không bị xen tạp, không bị gián đoạn.

Thế nào gọi là không xen tạp, không gián đoạn?

Không xen tạp nghĩa là không hoài nghi, ngoài Thánh Hiệu A Di Đà Phật (sáu chữ hoặc bốn chữ) không có bất cứ gì khác, thí dụ như không có niệm Phật Thích Ca, Phật Dược Sư, Quán Thế Âm Bồ Tát, tham, sân, si... không có tạp nghĩ buồn giận, thương, ghét, muôn... Không gián đoạn nghĩa là chữ nọ nối với chữ kia, câu sau đuổi câu trước nối tiếp liền tù tì không có kẽ hở.

a- Tịnh tọa niệm Phật: là ngồi mà niệm Phật

Có nhiều cách ngồi.

- Toàn già (kiết già hay gọi là Kim Cang Tọa): gác bàn chân trái lên đùi chân phải, gác bàn chân phải lên đùi bên trái, gót hai bàn chân đều phải sát vào bụng.

- Bán già, có hai cách:

* Hàng ma tọa: gác bàn chân phải lên đùi trái (như Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát).

* Kiết tường tọa: gác bàn chân trái lên đùi phải (như Ngài Phổ Hiền Bồ Tát).

Tay: hai bàn tay để ngửa, bàn tay phải đặt lên trên bàn tay trái, vừa sát bụng, để nhẹ trên hai bàn chân, hai đầu ngón tay cái đầu lại (Tam Muội Ấn).

Lưng tay chân đều đầu vào đó rồi, phải lay chuyển thân thể độ ba bốn lần cho được ung dung và phải giữ xương sống ngay thẳng, chẳng khác nào một cây cột đối với cái nhà. Nếu cột xiêu thì nhà đổ vậy.

Ngồi đúng cách giúp máu huyết lưu thông điều hòa, không bị tê nhức, thân an định giúp tâm dễ an định.

Hành giả vì lý do bệnh, có thể ngồi trên ghế một cách bình thường vẫn được, vì rằng niệm Phật mới là chánh, còn ngồi là phụ.

Trong suốt thời gian tịnh tọa phải giữ câu Phật hiệu hiện tiền, nghĩa là niệm Phật không xen tạp, không gián đoạn. Niệm tốt nhất vẫn là ý trì và mặc trì.

b- Lễ bái niệm Phật

Lễ bái niệm Phật cũng gọi là lễ bái trì danh. Lay chậm rãi, khoan thai, đúng cách. Tốt nhất là lay theo sự hướng dẫn của Pháp sư Đạo Chứng chỉ rõ trong “Niệm Phật chuyên hóa tế bào ung thư”.

“Lễ Phật một lạy tội diệt hằng sa”. Lạy càng nhiều càng tốt nhưng hành giả chuyên tu thì phải ưu tiên giữ câu Phật hiệu hằng hiện tiền (luôn luôn, không xen tạp, không gián đoạn). “Niệm Phật một câu phước đức vô lượng”.

Tùy sức, không nên lạy một lần quá nhiều, mỗi một để chán nản. Lạy vừa sức mình, nhiều lần trong ngày vẫn tốt hơn.

c- Kinh hành niệm Phật

Kinh hành niệm Phật là vừa đi vừa niệm Phật. Niệm Phật là chánh, đi là phụ. Phải đi để thay đổi vị thế tránh mỗi một, **không phải đi diễn hành**, tâm trụ nơi Phật hiệu chứ không phải trụ nơi bước chân.

Kinh hành thân quá động, tâm khó an định lắm, nên thời gian dành cho kinh hành ngắn nhất.

Suốt thời gian định khóa, bất luận là bao lâu, từ khi bắt đầu thấp nhang, đến khi kết thúc bằng ba tiếng chuông, phải niệm Phật không cho xen tạp và gián đoạn, nghĩa là ngoài Thánh hiệu Di Đà, không có bất cứ cái gì khác như định nghĩa trên. Định khóa rất cần thiết, nó giúp ta tinh tấn không giải đãi.

3- Pháp Thập Niệm

Đối với người mới tập niệm Phật, hoặc người quá bận rộn, nên hành **Pháp Thập Niệm** như sau:

- Sớm mai thức dậy phục sức xong rồi, chắp tay hướng về hướng Tây, niệm: “Nam Mô A Di Đà Phật”.

Nên lấy hơi dài, niệm liên tiếp một hơi, kể là một niệm, niệm đủ mười hơi là mười niệm. Nhưng đừng quá cố gắng, hơi dài hay ngắn, tiếng cao hay thấp, niệm chậm hay mau, đều tùy theo sức mình.

- Niệm xong, phát nguyện vắn tắt cầu sanh Tây Phương Cực Lạc.

- Nếu có thờ Phật, nên thắp hương cúng Phật xong, đôi trước Phật mà niệm. Khi vào và lui ra phải lễ Phật ba lạy.

-Chỉ nên niệm mười hơi, vượt quá mười hơi, dễ sanh bệnh.

Trên đây là định mức tối thiểu dành cho người mới tu tập (sơ cơ) và người quá bận rộn. Tiến sâu hơn, hành giả nên tập niệm Phật “thành thói quen và ghiền” đề cập ở phần kế tiếp. Ngày ngày chí thành khấn thiết niệm Phật đều đặn, không thiếu sót (không bỏ sót ngày nào). Cộng thêm trợ hạnh ăn chay (ăn mặn đồng tội với sát sanh=cực ác) và phóng sanh (cực thiện).

Hành trì suốt đời như vậy thì chắc chắn vãng sanh Cực lạc quốc đúng như lời đức Phật dạy: “Lánh ác (ăn chay), làm lành (phóng sanh), giữ tâm ý trong sạch (niệm Phật), tam nghiệp thanh tịnh đồng Phật vãng sanh Tây Phương”.

4- Không định khóa

Hám Sơn đại sư⁽¹¹⁾ khai thị: “Mỗi ngày trừ hai thời công khóa, chỉ đem một câu A Di Đà Phật đặt ngang

ngực, niệm niệm chẳng quên, tâm tâm chẳng mê. Với hết thấy sự đời chẳng nghĩ ngợi gì đến. Chỉ lấy một câu Phật hiệu làm **mạng sống** chính mình. Cắn chặt hàm răng quyết chẳng buông bỏ, thậm chí ăn uống, cử động, đi, đứng, nằm, ngồi, một tiếng niệm Phật này, thời thời **hiện tiền**.

Nếu gặp cảnh giới thuận, nghịch, vui, giận, phiền não, lúc tâm chẳng yên, bèn đem một tiếng niệm Phật khởi lên, liền thấy phiền não ngay khi ấy tiêu diệt. Bởi niệm niệm phiền não là gốc sanh tử. Nay dùng niệm Phật tiêu diệt phiền não, chính là Phật độ nỗi khổ sanh tử. Nếu niệm Phật tiêu được phiền não, liền có thể khỏi sanh tử, không có pháp gì khác. Nếu niệm Phật đến khi làm chủ được phiền não, thì làm chủ được mộng寐. Nếu trong mộng đã kiểm soát được thì trong khi bệnh khổ cũng làm chủ được. Nếu đã làm chủ được (bản thân) trong khi bệnh tật, thì lúc mạng lâm chung, liền biết chỗ sanh về.

Sự này chẳng khó làm, chỉ cần làm với một niệm sanh tử, **tâm khẩn thiết**. Chỉ cần dựa vào một mình tiếng niệm Phật không có suy nghĩ gì khác. Lâu ngày **thuần thực**, tự nhiên được đại an lạc, được đại thọ dụng”.

Thảo Am thiên sư dạy: “Trong hết thấy lúc, đều coi là lúc lâm chung, thì thời nào cũng là thời niệm Phật. Niệm Phật như thế mới là tâm **khẩn thiết**. Tâm khẩn thiết như vậy mới sanh Tịnh Độ. **Phải chí tử hạ thủ công phu**, mới mong thành tựu tịnh nghiệp. Thường nghĩ đến lúc chết, tâm mới **tha thiết**. Phải như vậy mới có thể đạt đến thành Phật. Đây mới là bí quyết niệm Phật chân thành”.

Cổ đức dạy: “Hành giả niệm Phật, phải niệm ở khắp mọi nơi, mọi chỗ, mọi hoàn cảnh, mọi tình huống ngay cả trong mộng cũng niệm, ấy mới gọi là **chơn niệm**. Niệm đến tâm xót xa lệ ứa, niệm đến lửa tắt tro lạnh, niệm cho thần gào quỷ khóc. Niệm đến trời vui, đất mừng. Vạc dầu sôi sau lưng, ao sen trước mặt, dầu ngàn vạn người ngăn ta không cho niệm cũng chẳng làm gì nổi”.

Theo đúng lời chỉ dạy trên, ta nên:

a- Tập giữ câu Phật hiệu **luôn luôn hiện tiền** trong lúc đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, động, tịnh, ăn uống, mặc áo, tắm rửa, giặt giũ, vui buồn, phiền não, đau ốm...

b- Tập thành **thói quen**, niệm Phật năm, mười câu trước và sau trong những trường hợp sau: Ba bữa ăn (sáng, trưa, chiều), khi tắm, đi vệ sinh, sau khi thức dậy, trước khi đi ngủ, trước khi ra khỏi nhà, sau khi về đến nhà, hay làm những việc gì có tánh cách cố định. Chỉ cần tập một tuần lễ là quen, càng nhiều thói quen càng tốt. Tập thành “ghiên” niệm Phật càng quý.

c- Ứng dụng thánh hiệu để trị thân tâm.

- Niệm Phật để hàng phục và an trụ tâm.
- Đang nóng nảy, niệm Phật, lòng lắng dịu xuống.
- Đang tức giận niệm Phật, lửa sân từ từ hạ.
- Đang kiêu căng ngã mạn niệm Phật sự cống cao này giảm dần và tiến tới khiêm cung.
- Đang rối loạn, điên cuồng, niệm Phật tự nhiên hết rối loạn, bớt điên cuồng, dần dần an định.

- Đang ganh ghét, hận thù niệm Phật sẽ tự hóa giải ghét ganh, thù hận.

- Đang ham muốn tham lam niệm Phật tự nhiên bớt tham lam ham muốn.

- Đang hung hăng niệm Phật tự nhiên dằn con hung hăng và dần dần tiến tới hiền từ.

- Vọng niệm, ác niệm dậy khởi, niệm Phật tự dứt trừ, an trụ trong chánh niệm.

- Đang hoảng hốt, buồn lo, sợ hãi niệm Phật đánh tan mối lo buồn, sợ hãi, hốt hoảng giữ vững tinh thần, an định.

- Đang sợ ma niệm Phật sẽ hết sợ ma.

- Đang chán nản, buồn lo, thất vọng, niệm Phật tâm địa bình ôn trở lại.

- Tâm đang xao xuyên bất an, quá lo âu, thiếu bình tĩnh niệm Phật tâm sẽ thanh thản, bình tĩnh trở lại.

- Niệm Phật để trị thân.

- Thân bị đau nhức niệm Phật bớt đau nhức.

- Thân đang mệt nhọc niệm Phật sẽ không còn cảm thấy mệt nhọc.

- Đối với một số bệnh nan y (tây y chịu thua) niệm Phật, lễ Phật có thể cứu chữa được.

- Đang bàn tán thị phi, tán gẫu niệm Phật tránh được khẩu nghiệp và có thêm công đức.

Tổ thứ tám, Liên Trì đại sư dạy: “Bí quyết của hành môn niệm Phật là **NIỆM NHIỀU**”. Nhiều ở đây là nhiều câu và nhiều thời gian. Và phải **KHÔNG XEN TẠP, KHÔNG GIÁN ĐOẠN**.

Kinh *Hoa Nghiêm* dạy: “Tùy duyên nhưng bất biến”.

Tổ sư Ấn Quang đại sư dạy: “Một lòng không trụ, muôn cảnh đều nhàn”.

Ngạn ngữ: “Ngọn núi cao không ngăn làn mây bạc” hay “Bụi trúc rậm chẳng ngại dòng nước chảy”.

Vậy hành giả Tịnh độ phải khéo léo linh động, uyển chuyển, tùy duyên, tận dụng tối đa thời gian hành trì **Niệm Phật**.

Ví như người ở nhà bận giữ con cháu hay làm công việc nhà, người làm ở các công sở, hay lúc lái xe đến sở, hoặc lái xe về nhà, thì có thể mở máy cassette để nghe tiếng niệm Phật suốt thời gian này, gọi là khéo léo tận dụng tối đa thời gian niệm Phật để được vãng sanh Cực Lạc.

Kết luận:

Ưu Đàm đại sư dạy: “Muốn vãng sanh Cực Lạc, cần chuyên nhất ý niệm, nắm chặt một câu A Di Đà Phật.

- Chỉ một niệm này là **Bổn Sư** của ta.
- Chỉ một niệm này là **Hóa Phật**.
- Chỉ một niệm này là **dũng tướng** phá tan địa ngục.

- Chỉ một niệm này là **bảo kiếm** chém bầy tà.
- Chỉ một niệm này là **đèn sáng** xua tan bóng tối.
- Chỉ một niệm này là **thuyền lớn** vượt qua biển khổ.
- Chỉ một niệm này là **phương pháp** hay thoát khỏi sanh tử.
- Chỉ một niệm này là **đường tắt** ra khỏi ba cõi.
- Chỉ một niệm này là **bản tánh Di Đà**.
- Chỉ một niệm này là thấu suốt **Tịnh độ duy tâm**”.

Chỉ cần nhớ câu A Di Đà Phật này, ở nơi tâm niệm đừng bỏ mất. **Niệm niệm thường hiện tiền, niệm niệm không rời tâm**, rảnh rang cũng niệm như thế, bận rộn cũng niệm như thế, an vui cũng niệm như thế, bệnh khổ cũng niệm như thế, lúc sống cũng niệm như thế, khi chết cũng niệm như thế.

Được vậy, **bảo đảm vãng sanh Cực Lạc**.

Nâng lên một bậc, hành giả thiết thật dụng công, trong tuyệt cả tướng thị phi (phải trái, đúng sai) nhơn ngã (mình người), quên cả thân tâm (quên ăn, mặc, ngủ nghỉ, nóng, lạnh), ngoài dứt hết tướng lục trần (không dính mắc sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), tâm rỗng rang vô sự, duy chỉ có câu Phật hiệu rành rõ hiện tiền (nghe bằng tánh nghe = bất niệm tự niệm). Khi tịnh tọa Thánh hiệu Di Đà tuông trào không gián đoạn, như giòng nước êm đềm chảy không ngừng nghỉ, với âm thanh thù thắng vi diệu khiến hành giả cảm nhận an lạc, hạnh phúc vô ngần, gọi là pháp hỷ sung mãn, tiến tới pháp hỷ vi thực..

Dụng công như thế đến mức cùng cực, lâu ngày không gián đoạn, hiện đời hành giả sẽ đạt thành **một khối**, rồi **sự, lý nhất tâm bất loạn**, khi mạng chung thẳng tiến lên Thượng phẩm.

Vậy thì chúng ta phải: **Quyết chí tử hạ thủ công phu** để vãng sanh Cực Lạc ở phẩm vị cao, sớm thành Phật độ chúng sanh.

Nam Mô A Di Đà Phật



Tổ Sư Pháp Nhiên dạy:

Phàm muốn sống xa lìa sanh tử, cần phải bỏ Thánh Đạo môn mà vào Tịnh Độ môn. Trong Tịnh Độ môn nên bỏ tạp hạnh mà tu Chánh hạnh. Trong Chánh hạnh cần phải gác qua Trợ nghiệp mà chọn lấy Chánh Định nghiệp. Chánh Định nghiệp tức là xưng danh hiệu Phật. Hễ xưng danh liền được vãng sanh, vì nhờ sức bản nguyện của Phật.

Lời Hay Ý Đẹp:

Hành giả Tịnh độ không chết, sống mà ra đi. Vãng sanh Cực lạc là chuyển phàm thành Thánh, liễu sinh thoát tử, đủ sáu phép thân thông, bất thoái chuyển, nhất sanh bổ xứ, vô lượng thọ, một đời thành Phật.

Bởi vậy nói:

Vãng sanh tức thành Phật

PHẦN V

NIỆM PHẬT THỂ NÀO ĐỂ BẢO ĐẢM VĨNG SANH

Đây là phần chính của sách này. Mục đích nhằm giúp mọi hành giả biết tôn chỉ pháp môn niệm Phật và cách niệm Phật. Một phương pháp thực hành cụ thể đảm bảo vãng sanh. Mục đích như đã trình bày ở phần ba, tiêu chuẩn vãng sanh rất dễ dàng. Trước giờ lâm chung, **chỉ cần phát khởi ý muốn vãng sanh** thì được Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sanh ngay. **Ý muốn** mà chúng ta nói ở đây là sản phẩm của ý thức (thức thứ sáu). Ý thức phải thể hiện ý nguyện thiết tha muốn được vãng sanh.

Sát na cuối cùng trước giờ lâm chung:

- Nếu ý thức làm một việc khác như tham sống, sợ chết, luyến ái gia đình, tài sản hoặc bệnh hoạn bức bách mà bệnh nhân lúc đương thời có công phu niệm Phật (nghĩa là chủng tử Phật khá nhiều) thì việc **trợ niệm** nhằm niệm giúp, nhắc nhở ý thức của bệnh nhân quay về niệm Phật là vô cùng cần thiết. Khi đó, ý thức của bệnh nhân lãnh hội, chấp nhận **thực hiện** niệm Phật thì mới được vãng sanh. Bằng như ý thức bệnh nhân quá điên đảo, lãnh hội không nổi, không chấp nhận, không niệm Phật thì mất phần vãng sanh.

- Nếu ý thức bệnh nhân không hoạt động được nữa thì cho dầu có được trợ niệm vẫn không có kết quả. Thế thì, để bảo đảm vãng sanh, chúng ta phải trông cậy vào thức thứ tám (A Lại Da thức) hoạt động liên tục từ kiếp

này qua kiếp khác, cũng gọi là tâm, là tự tánh, thực hiện việc niệm Phật thay cho thức thứ sáu (ý thức).

Đây là chủ đích tối hậu của quyển sách này.

1. Tiến trình tu tịnh nghiệp

Tiến trình tu tịnh nghiệp như sau:

- Bất Niệm Tự Niệm.
- Sự Nhất Tâm Bất Loạn.
- Lý Nhất Tâm Bất Loạn.

a. Bất Niệm Tự Niệm: sẽ trình bày chi tiết ở đoạn năm phần này.

b. Sự Nhất Tâm Bất Loạn: niệm Phật cho đến khi đã phục trừ mọi phiền não: tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến... cho đến ngày diệt được hết hẳn cả kiến hoặc và tư hoặc, nghĩa là không bị kiến tư hoặc làm loạn. Đây là Sự Nhất Tâm Bất Loạn. Ngôi vị này ngang hàng A La Hán của Thanh Văn và đặc định của Thiên Tôn.

c. Lý Nhất Tâm Bất Loạn: niệm Phật cho đến khi nào tâm mình mở ra, mình thấy được Phật của tâm **tánh mình**, thấy được chư Phật ở mười phương. Chúng được pháp môn Bất Nhị nghĩa là không bị tà thuyết nhị biên làm loạn. Đây là Lý Nhất Tâm Bất Loạn. Ngôi vị này ngang hàng thiên tôn là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, là Đại Bồ Tát. Hòa thượng Trí Tịnh còn nói: “Người ấy còn ở Ta Bà cũng là vị Đại Bồ Tát”.

Trong suốt tiến trình từ khi bắt đầu thực tập đến khi đạt được bước thứ nhất (Bất Niệm Tự Niệm), dần dần đến

Lý Nhất Tâm Bất Loạn cũng **chỉ cần niệm một câu Phật hiệu duy nhất** thôi. Đúng như kinh *Lãng Nghiêm* đã dạy: “Không cần phương tiện gì khác, tự được khai tâm”. Như chư Tổ dạy: “**Một câu A Di Đà Phật thành Phật còn có dư**”.

2. Những yếu quyết niệm Phật được Nhất tâm

Đại sư Hám Sơn dạy: Niệm Phật muốn được nhất tâm cần có năm yếu quyết sau đây:

- Phải có chí quyết định.
- Phải nhận rõ không mê lầm.
- Phải buông bỏ được.
- Phải tùy duyên.
- Phải có tâm chán khổ khẩn thiết.

Pháp sư Tịnh Không cũng dạy:

- Nhìn thấu.
- Buông xuống.
- Tự tại.
- Tùy duyên.
- Niệm Phật.

a. Phải có chí quyết định

Ngạn ngữ có câu: “Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông” hoặc “Thành tâm sở chí, kim thạch vị khai” tạm dịch: “Lòng chí thành có thể chẻ đá, phá vàng”, hay như người đời thường nói: “Mọi thành tựu trên thế gian này dành cho kẻ có ý chí và nghị lực”.

Hoặc: “Niệm Phật không khó, khó ở bền lâu. Bền lâu không khó, khó ở nhất tâm. Nhất tâm không khó, khó ở **quyết tâm**”.

Vậy thì, hành giả Tịnh độ muốn thành tựu tầng công phu thấp nhất là Bất Niệm Tự Niệm phải có ý chí kiên cường là giữ vững lập trường, bền tâm quyết chí, không chùn chân, dừng bước, không thay đổi (quyết định), phải có nghị lực kiên cố, nhẫn nại sẵn sàng san bằng mọi nghịch cảnh, chướng duyên và một **quyết tâm** cao như leo núi cao, từng bước vững chắc nhất định lên đến đỉnh mới thôi.

b. Phải có tâm nhận rõ không mê lầm

Kinh dạy:

- “Nhất thiết hữu vi pháp như mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ, diệc như điện”. Tạm dịch: “Tất cả pháp hữu vi (pháp do tạo tác sinh ra hay do sai biệt sinh ra) như mộng寐 (không thật), giả (huyễn ảo) như bọt nước trên biển cả, như bóng trong gương (không thật), như hạt sương trên đầu ngọn cỏ, ánh điện chớp trên bầu trời, có đó liền mất đó (biến dịch, vô thường, vô ngã).

- “Năng sở giai không, liễu bất khả đắc” Nghĩa là năng, sở đều là không, trọn chẳng thể lấy được, có được. Đây là chân tướng sự thật, nếu cứ tưởng tất cả có năng đắc, có sở đắc (có cái năng được, có cái để mình lấy được), đó là mê lầm, là vô minh.

Thiền sư Không Đàm nói: “Công danh cái thế, màn sương sớm. Phú quý kinh nhân, giấc mộng dài”. Tạm hiểu

là công danh dù hơn đời cũng chỉ là hạt sương sớm mai trên đầu ngọn cỏ, mặt trời vừa ló dạng sương nọ tiêu tan ngay. Giàu có, rùng tiền, bạc biển, đến nỗi người phải kinh sợ cũng chỉ là giấc mộng dài mà thôi.

Chư Tổ dạy: “Bản lai vô nhất vật hay vạn pháp giai không”. Nghĩa là trong bản tánh chân tâm không có một vật gì cả, tất cả các pháp đều là **không**.

Còn về vợ chồng, con cháu thì sao?

Chư Tổ dạy: “Vợ chồng là oan gia, con là đòi nợ, trả nợ, đền ơn hay báo oán mà thôi”. Nói như vậy không có nghĩa là vứt bỏ tình nghĩa vợ chồng, con cháu mà là **phải và chỉ** làm tròn bổn phận làm vợ, chồng, cha, mẹ chứ **không luyến ái, dính mắc** trước giờ phút lâm chung. Tình ái là gốc sinh tử luân hồi, chướng nạn vãng sanh Cực Lạc. Phải nhận thức rõ như trên, mới gọi là nhìn thấu nhận rõ, không mê lầm.

c. Phải buông bỏ được (buông xuống, xả)

Đức Thế Tôn đã bỏ ngôi báu, cung vàng, điện ngọc, rời cha hiền, vợ đẹp, con ngoan, xuất gia tu đạo, sống cuộc đời đạm bạc ba y, một bát,... để rồi đắc đạo Giác Ngộ, trở thành bậc tôn quý nhất thế gian này, là bậc Thầy vĩ đại của người, trời, là Cha hiền của muôn loài. Đây là tấm gương sáng cho hàng Phật tử chúng ta.

Nhà Phật dạy: “Xả đắc” nghĩa là xả thì được. Xả một được một, xả mười được mười, xả tất cả được tất cả”. Vậy thì xả cái gì?

Pháp sư Tịnh Không dạy:

-“Xả: ngũ dục, lục trần, danh văn, lợi dưỡng, tự tư, tự lợi, tham, sân, si, mạn” (mười sáu chữ).

-“Phóng hạ (vứt bỏ,xả) vọng tưởng (vô minh hoặc), phân biệt (trần sa hoặc), chấp trước (kiến tư hoặc)”. Phương pháp ngộ nhập chẳng có gì khác ngoài buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Kinh Kim cang dạy: “Lìa (xả) tất cả tướng (tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả), tu tất cả điều thiện”.

Lúc xử thế, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày phải buông xuống ngã chấp. Chỉ cần buông xuống một tướng này thì sẽ hoàn toàn buông xuống hết. Bốn tướng này có sự liên hệ mật thiết, có một tướng thì bốn tướng sẽ đều có, buông xuống một tướng thì sẽ buông xuống cả bốn. Chúng ta cần phải biết có đủ bốn tướng này là chướng ngại nghiêm trọng cho sự tu học Phật pháp.

Sau đó đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện tức là công đức chân thật.

Xả tức là không nên chấp trước. Phật pháp cũng không được chấp trước, hướng chỉ là pháp thế gian.

Cổ đức dạy: “Hạnh khởi giải tuyệt” nghĩa là bắt đầu công phu thì phải buông bỏ mọi kiến giải, dù là kiến giải tịnh độ.

Về tình ái cũng không dính mắc.

Tất cả chúng ta, ai ai mới sinh ra đều là **Trần Văn Trụi** để rồi ra đi là **Trần Trắng Tay**. Đến chẳng mang lại gì (không), đi cũng chẳng mang gì theo (không, có chẳng là nghiệp đã tạo). Thế mà chấp thủ làm chi? Quý vị hãy thử nghĩ coi, quý vị đã trân quý, bằng mọi cách chắt chiu, cố gìn giữ tiền của, danh vọng, sắc đẹp,... thế mà nó cũng đã từng bỏ quý vị rồi. Những thứ hiện còn giữ, rồi một ngày nào đó, vô thường đến quý vị ra đi, dù quý vị luyện tiếc, quyết giữ nó, thử hỏi có giữ được không, hay là bắt buộc xuôi tay mà ra đi.

Tóm lại, trước sau gì cũng phải buông bỏ mà thôi. Nếu để chết mới buông bỏ, ôi thôi! Cả đời đã gây quá nhiều ác nghiệp, quyết định bị đọa vào ba đường ác là địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Chi bằng bây giờ buông bỏ, quyết chí niệm Phật A Di Đà, đạt Bất Niệm Tự Niệm, vãng sanh Cực Lạc, thành Phật độ sanh (trong đó dĩ nhiên có ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con cháu nhiều đời nhiều kiếp của mình) theo gương sáng của Đức Bổn Sư Thế Tôn có tốt hơn không?

Nếu như thấu hiểu tất cả pháp là giả, không thật, đều không, đều không thể có được, (năng và sở không thể đạt được) tâm lý hành giả mới giải thoát nghĩa là không dính mắc các pháp, không còn bị ràng buộc, lo lắng, bận bịu mọi sự, mọi việc, được tự tại, tự do buông bỏ vạn pháp (Vạn duyên).

Lại nữa, kinh *Niệm Phật Ba La Mật* dạy: “Người niệm Phật trong khi xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, phải phát khởi cái tâm lìa bỏ tất cả”.

Phàm phu chúng ta thường hay hẹn, hẹn ngày mai. Cái ngày mai đó không bao giờ có, như “ngày mai ăn bánh khọt trả tiền”. Người xưa dạy: “Ngay giờ, quyết dứt, liền thôi dứt, chờ đợi cho xong, chẳng lúc xong”.

d. Phải tùy duyên

Tùy duyên thì an mệnh. Hãy an phận thủ thường, ít muốn biết đủ, giàu sống theo giàu, nghèo sống theo nghèo, sang sống theo sang, hèn sống theo hèn, vinh sống theo vinh, nhục sống theo nhục.

Thích nghi với mọi hoàn cảnh, mọi tình huống

. Giữ vững lập trường, bền lòng vững chí, không chùn chân, dừng bước. Đó gọi là tùy duyên nhưng bất biến.

Về hành trì cũng phải tùy duyên.

- Tùy theo nhà lớn nhỏ, có bàn thờ Phật hay không, chớ nên chấp chặt vào nghi thức.

- Về thời khóa cũng vậy, phải tùy theo thời gian rảnh rỗi hay bận rộn, sức khỏe và căn cơ của mình, phải biết uyển chuyển như ngạn ngữ dạy: “Trúc kín đâu ngăn dòng nước chảy” hay “Núi cao chẳng ngại án mây bay”.

Điều quan trọng là phải biết uyển chuyển tận dụng thời gian và sức lực, chớ buông trôi, giải đãi.

Tóm lại, hành giả phải tùy duyên nhưng bất biến. Bất biến nhưng tùy duyên, phải làm chủ lấy mình, không để bị cảnh chuyển, linh động, uyển chuyển, tận dụng thời

gian, sức lực, phải hạ quyết tâm cao, kiên nhẫn tinh tấn niệm Phật đó mới thật là người trí chân tu.

Tùy duyên nhưng không phan duyên.

e. Phải có tâm chán khổ khẩn thiết

Phật dạy rằng Ta Bà là cõi khổ, như đã đề cập ở trang 15, 16, 17, 18.

3. Chuyên tu chánh hạnh

Thế nào là Bất Niệm Tự Niệm? Bất Niệm Tự Niệm là không cần phải dụng công, không cần phải tác ý (không cần ra sức) mà cái tâm nó **tự niệm** liên tục không gián đoạn cho đến giờ phút cuối cuộc đời.

Hòa thượng Thiên Tâm đã dạy: “Khi ta niệm Phật, danh hiệu Phật là hạt giống (chủng tử) gieo (huân tập) vào tạng thức, khi sức dòn chứa, huân tập đã nhiều, chủng tử tự khởi hiện hành. Đó là không niệm tự niệm. Muốn được huân tập nhiều là phải niệm Phật nhiều. Muốn niệm Phật được nhiều không cách nào hơn chuyên tu”.

Quán Kinh Sớ quyển bốn nói: “Từ công hạnh mà thiết lập tín tâm. Nhưng công hạnh có hai loại, một là chánh hạnh, hai là tạp hạnh. Chánh hạnh tức là chỉ y tựa vào các kinh vãng sanh mà tu tập. Chánh hạnh là như thế nào?

- Một là, nhất tâm chuyên tụng *Quán Kinh*, *A Di Đà Kinh*, *Vô Lượng Thọ Kinh*, v.v...

- Hai là, nhất tâm chuyên chú, suy gẫm, quán sát, ức niệm sự trang nghiêm của chánh báo và y báo của cõi Cực Lạc.

- Ba là, nếu như lễ lạy, thì chỉ chuyên tâm lễ lạy Đức Phật A Di Đà.

- Bốn là, nếu xưng danh, thì chỉ nên xưng tán danh hiệu của Đức Phật A Di Đà.

- Năm là, nếu như tán thán cúng dường, thì chỉ nên nhất tâm tán thán cúng dường Đức Phật A Di Đà.

Đây gọi là Chánh hạnh.

Lại nữa trong phần chánh hạnh, có hai loại: nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà, đi, đứng, nằm, ngồi bất luận thời gian dài ngắn, niệm niệm không quên, đây gọi là **nghiệp chánh định**, thuận theo bốn nguyện của Đức Phật A Di Đà. Còn các nghiệp: lạy Phật, tụng kinh, tán thán Phật A Di Đà, quán sát cõi Cực Lạc đều gọi là **nghiệp phụ**.

Ngoại trừ hai hạnh chánh và phụ này ra, các hạnh khác đều gọi là **tạp hạnh**.

Câu trên ý muốn nói tạp hạnh nhiều vô lượng không thể nói hết được, thế nhưng ở đây nêu lên năm loại chánh hạnh làm **chuẩn**, ngoài ra đều là **tạp hạnh**.

Pháp sư Tịnh Không dạy: “Then chốt của tu học Phật pháp ở chỗ “chuyên tinh”, không thể xen tạp, vừa xen tạp thì đã hư rồi”.

Tổ sư dạy: “Thâm nhập một môn, tu tập lâu dài” “Và theo học **một thầy**, chuyên tu **một pháp môn**, như vậy mới mong thành tựu”.

Nên nhớ: Người xưa nói “Bắt cá hai tay rớt cuộc chẳng được gì” và “**Đa sư hư bệnh**” lắm thầy bệnh chết. **Hành giả muốn thành tựu phải chuyên tu duy nhất một pháp môn.**

Nhị Tổ Thiện Đạo đại sư dạy: “Chuyên tu, trăm người tu trăm người vãng sanh, vạn người tu vạn người vãng sanh, còn tạp tu thì ngàn người tu hiếm có một người vãng sanh”.

4. Nhập tâm

a. Chuyên cần niệm Phật

Đức Phật dạy: “Không một thành tựu nào mà thiếu sự tinh tấn. Nếu không tinh tấn thì không có một công đức nào thành tựu cả”. Tinh tấn là thế nào? Tinh là tinh chuyên. Tấn là tấn tới, tiến bộ. Tinh tấn niệm Phật là phải **chuyên niệm** (chánh hạnh) mỗi mỗi ngày càng nhiều hơn (tiến bộ). **Niệm không xen tạp, không gián đoạn.**

Cổ Hòa thượng Đức Niệm khai thị: “Niệm Phật như nấu nước sôi. Nước sắp sôi, tắt lửa để nguội, rồi nấu lại, nước sắp sôi lại tắt lửa... Nấu mãi như vậy, nấu suốt đời nước cũng không sôi”. Nghĩa là niệm Phật **gián đoạn** thì không thể thành tựu.

Cổ Hòa thượng Tuyên Hóa cũng khai thị: “Niệm Phật cũng giống như gọi điện thoại. Điện thoại có mười số thì phải quay (bấm) đủ mười số và phải đúng số”.

Nghĩa là niệm Phật phải niệm nhiều, đúng cách (như pháp) mới có kết quả. Nên nhớ, giọt nước nhỏ dần dần đầy lu lớn. Nước đầy rồi, tiếp tục nhỏ, chùng ấy không muốn tràn, nó vẫn cứ tràn một cách tự nhiên, không ai ngăn cấm nó được. Niệm Phật và nhập tâm cũng thế.

Tôi còn nhớ rõ, năm 1999, lúc đang thỉnh đại hồng chung, bỗng nhiên tự nghe thấy câu A Di Đà Phật vang dội trong tâm. Mừng quá, tôi tiếp tục niệm liên tục không xen tạp, không gián đoạn, định trưa không ăn quá đường với quý Thầy, ở trong cốc niệm Phật, thế mà “Phật hiệu” không khởi lên nữa lại chìm mất luôn.

Đầu năm 2001, tôi nhập thất, sau hơn năm tháng, ngày đêm miên mật niệm Phật, trưa nọ vừa đặt lưng xuống giường, tự dung “tiếng trong tâm” khởi dậy. Tôi nghe đủ thứ, ban đầu nguyên bài chú Đại Bi, sau là Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Trưa hôm sau lại tự nghe lời ca cải lương và tiếng nói của người thân đã chết năm năm rồi. Tôi tự nghĩ, người chết đã quên hẳn trong quá khứ, cải lương thì từ nhỏ mình không ưa thích, tại sao bây giờ nó lại khởi dậy?

Trong lúc đó, đầu tôi thường nghe nổ bốp, bốp, bốp..., thân đi đứng tựa hồ không vững, xúng vũng, xơ vơ. Thân tâm như vậy nên hoang mang lo sợ, tôi hỏi sư huynh, huynh bảo: “Vì đệ dụng công quá mức, đủ can đảm tiếp tục hành trì như vậy thì một đắc hai điên” và khuyên tôi trì chú Lăng Nghiêm. Tôi tự nghĩ, đắc thì từ từ, tội gì phải liều mạng như vậy chứ? Trì chú Lăng Nghiêm là trị ma, như vậy là tôi bị tẩu hỏa nhập ma hay là

bị ma phá chứ gì? Từ đó, tôi lấy trì chú làm chánh, niệm Phật là phụ. Muốn được vãng sanh, tôi trì thêm chú vãng sanh (Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chướng, Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đa Ra Ni) và chú *Vô Lượng Thọ*. Hai năm rưỡi sau, đủ ba năm, tôi ra thất **trắng tay**.

Đầu năm 2005, tôi vô thất trở lại và tìm đọc sách khai thị Tịnh Độ, đọc đến câu nhà thiền nói: “Đầu sào trăm trượng phải biết bước thêm một bước nữa”. Câu này tôi đã biết từ năm 1980 (lúc đó tôi tu thiền), ở đây có thêm bốn chữ “**Tịnh Độ cũng vậy**”. Chỉ vòn vẹn bốn chữ, nó đánh thức tôi. Đẹp hết sách vở, ngày đêm miên mật niệm bốn chữ A Di Đà Phật. Mười hai ngày sau nhập tâm. Bây giờ ngồi nghĩ lại, nếu hồi đó mình gặp “Minh Tuệ” thì đâu phải hoang phí sáu năm trời. Tuổi trên bảy mươi, thời gian quý từng ngày, sáu năm quá dài, quá dài. Do vậy, tôi tự phát tâm chia sẻ kinh nghiệm cho bất cứ ai có duyên. Đây là lý do chánh khiến tôi tự thuật trong đoạn văn này. Trình bày dài dòng như vậy, không ngoài mục đích giúp quý vị rút kinh nghiệm, có bài học thực tiễn hơn.

Bao nỗi lo âu sợ hãi trước đây chỉ cần năm chữ “chúng tử khởi hiện hành” là hóa giải ngay, thế mà không biết, quả thật đại ngu, trả cái giá hoang phí sáu năm trời. Ôi, quá đắt, quá đắt!!!

Qua một quá trình huân tập như pháp (đúng cách) hạt giống danh hiệu Phật A Di Đà dòn chứa đầy đủ ở tạng thức (thức thứ tám), nó (hạt giống Phật) **tự khởi hiện hành**. Tiếng niệm Phật bây giờ không phải phát ra từ

miệng như mọi khi mà phát ra từ **tạng thức** hay nói là **tâm**, là **Tự Tánh** nó **Tự niệm**.

Tiếng niệm Phật phát ra từ miệng là do ý thức (thức thứ sáu) chỉ đạo. Nếu vì lý do gì đó, ý thức ngưng hoạt động, như đã nói ở trên thì không niệm Phật được nên mất phần vãng sanh.

Bất niệm tự niệm là **tự động tạng thức** nó **tự niệm** (mình không dụng công tác ý để niệm bằng miệng hay bằng ý). Thức này hoạt động không ngừng nghỉ, hoạt động toàn thời gian (thường còn), nên lúc nào cũng niệm Phật được, vì vậy nói là bảo đảm vãng sanh trong mọi tình huống.

b. Trạng thái nhập tâm

Khi ta **không** dụng công niệm Phật mà **vẫn nghe** (phải nghe chứ không phải nghĩ, không phải tưởng tiếng niệm Phật, cũng không phải biết). Cái nghe này có hai trường hợp:

- Nghe bằng lỗ tai, nhĩ căn, nhĩ thức **dur âm** niệm Phật của mình hay của người khác. Khi nghe tiếng, thử bịt lỗ tai lại, nếu **không còn nghe** thì cái nghe này thuộc trường hợp trên (dur âm). Bằng như **còn nghe**, chứng tỏ rằng tiếng niệm Phật này không phải ở ngoài không gian, mà là ở trong nội tâm mình phát ra. Lúc này mình không nghe bằng lỗ tai, nhĩ căn, nhĩ thức nữa, mà nghe bằng **tánh nghe**, nhà thiền gọi là tánh trong căn. Trường hợp này mới đúng là phản văn, văn tự tánh, nghĩa là quay cái nghe lại, nghe tự tánh mình niệm. Đây tạm gọi là **nhập tâm**.

Nhân đây, tôi muốn nhấn mạnh với tất cả hành giả hai điều trọng yếu nhất:

- Tổ thứ hai Thiện Đạo đại sư dạy: “Người đã được, nói là được để **khoe khoang, khoe lác** là nuôi lớn cái **ta**, từ đó sanh ra công cao ngã mạn thì **bao nhiêu công đức tu hành tự thiêu hủy hết**”.

- Tổ thứ mười ba Ấn Quang đại sư dạy: “Chưa được mà nói là được, hoặc được mười mà nói mười một là **đại vọng ngữ**, sẽ sa A Tỳ Địa Ngục”.

c. Huân trưởng mức nhập tâm

Nhập tâm là chỉ trạng thái **ban đầu** của Bất Niệm Tự Niệm. Bao giờ dù mình **không** niệm mà vẫn nghe tiếng niệm Phật liên tục không gián đoạn, suốt thời gian từ sáng đến tối, đến khi ngủ quên, như vậy mới đúng nghĩa Bất Niệm Tự Niệm. Còn như mỗi ngày chỉ nghe được năm, mười câu hay năm mười tiếng đồng hồ thì **chưa đúng** là Bất Niệm Tự Niệm, chỉ gọi là **nhập tâm** (dấu hiệu ban đầu của Bất Niệm Tự Niệm) mà thôi.

Có nhiều vị nhập tâm năm, ba năm rồi mà không biết cách nuôi lớn, nên nó vẫn **y như cũ**, tệ hại hơn có vị bị **mất hẳn** không còn nghe nữa. Mất hẳn ở đây có nghĩa là không còn nghe, chứ thật ra chúng tử niệm Phật vẫn còn tích chứa trong tạng thức, chẳng qua là bị những chúng tử hữu lậu che lấp, nên tạm gọi là bị chìm thì đúng hơn.

Vậy thì phải nuôi lớn (huân trưởng) bằng cách nào?

Tức huân trưởng mức nhập tâm (huân là huân tập, trưởng là trưởng dưỡng) như thế nào để trở thành Bất Niệm Tự Niệm?

Tùy theo túc căn và công phu sâu cạn của mỗi người mà sự nghe ban đầu số câu nhiều, ít, thời gian dài, ngắn, tiếng lớn nhỏ, khác nhau. Nghe tiếng của mình hay của người khác, tùy thuộc vào sự huân tập tiếng của ai nhiều, thì nghe tiếng của người đó trước (của mình hay của máy niệm Phật).

- Khi nghe niệm câu Phật hiệu (tự niệm) thì mình niệm theo cách nào cũng được, ra tiếng là tốt nhất, nếu có sức.

Bằng không, lắng lòng nghe tự niệm câu Phật hiệu thôi. Khi ngưng tự niệm câu Phật hiệu thì mình niệm **mỗi** ra tiếng tốt nhất, thời gian dài, ngắn tùy mỗi người.

Thí dụ: tự niệm mười (10) câu Phật hiệu, mình niệm mỗi ba mươi (30) phút, ngưng coi có tự niệm lại không. Nếu chưa chịu niệm thì mình niệm mỗi thêm mười (10) phút nữa. Nếu có tự niệm thì mình ngưng. Đếm coi tự niệm mấy câu, khi câu Phật hiệu ngưng, mình niệm mỗi.

Ví như lần đầu niệm mỗi bốn mươi (40) phút, lần thứ hai mình phải niệm mỗi đủ bốn mươi (40) phút mới có tự niệm. Nhiều lần như vậy, nếu tự niệm tăng số câu, thì mình giảm số phút niệm mỗi. Khi tự niệm tăng, mình giảm niệm mỗi. **Cho đến khi nào luôn luôn có tự niệm mình khởi niệm mỗi, mà mình nghe tiếng niệm Phật**

liên tục không gián đoạn suốt thời gian còn thức, như vậy mới đúng nghĩa Bất Niệm Tự Niệm.

Khi niệm lực còn yếu, đọc sách vài hàng, vài trang, không còn nghe nữa. Huân tập nhiều cho đến khi nào đọc sách cả ngày vẫn nghe liên tục không gián đoạn. Tiến sâu hơn, lấy động tu tịnh, giữa đại chúng cả trăm người cùng quý Thầy tụng kinh, cả đạo tràng, tràn ngập lời kinh, cùng tiếng chuông, mõ mà ta nhiếp được nhĩ căn không cho nó phan duyên theo ngoại cảnh, lắng lòng nghe được tiếng niệm Phật của tự tâm một cách liên tục không gián đoạn. Được vậy mới gọi là **không bị cảnh chuyển, làm chủ được mình, bảo đảm vãng sanh.**

5. Bất Niệm Tự Niệm

Bất Niệm Tự Niệm là bước đầu để bảo đảm được vãng sanh. Trong Kệ Niệm Phật, Hòa thượng Trí Tịnh nói: “Niệm Phật đến **Niệm lực được tương tục mới đúng nghĩa chấp trì danh** mà Đức Thế Tôn dạy trong kinh *A Di Đà*”.

Lời này không phải của Ngài tự nói, mà là lời của Nhị tổ Thiện Đạo⁽¹²⁾ và Bát tổ Liên Trì đại sư nói từ ngàn xưa. Niệm Phật khi tâm được **thuần thực** rồi thì nó có cái trốn niệm Phật nơi **tâm**. Lúc đó không cần phải tác ý, không cần phải dụng công, nhưng nơi **tâm** vẫn cứ tiếp tục nổi lên tiếng niệm Phật. Không dụng công tác ý mà nó niệm không gián đoạn gọi là được **niệm lực tương tục**. Dù không niệm cái tâm nó vẫn **tự niệm** nên gọi là **Bất Niệm Tự Niệm**.

Hòa thượng Thiên Tâm dạy: “Nên biết lúc hành giả khởi niệm, thì mỗi câu Phật hiệu đều đi sâu vào tạng thức. Khi sức dồn chứa huân tập đã nhiều, tức câu niệm Phật từ nơi tạng thức tự phát ra trong khi thức hay lúc ngủ. Đây gọi là cảnh giới **Bất Niệm Tự Niệm**”.

Nhị vị hòa thượng Trí Tịnh và Thiên Tâm dựa vào ý của chư Tổ, hai Ngài đã từ bi giảng dạy trạng thái Bất Niệm Tự Niệm quá rõ ràng như vậy mà có người không tin, còn hồ nghi, thật là lạ!!!

Xin được nhấn mạnh một lần nữa: đây là lời của Nhị Tổ Thiện Đạo và các vị Tổ khác.

Huân trưởng Bất Niệm Tự Niệm.

Muốn huân trưởng Bất Niệm Tự Niệm, hành giả phải: tịnh tọa, lắng lòng, chú ý, lắng nghe tiếng niệm Phật của tự tánh.

Tịnh tọa: là ngồi yên lặng (xin đọc tịnh tọa niệm Phật nói ở phần bốn: Thời khóa công phu).

Lắng lòng: lắng lòng cũng gọi là nhiếp tâm, định tâm nghĩa là lúc ấy buông xả vạn duyên, không nghĩ thiện, không nghĩ ác, không tính toán lợi hại, được mất, hơn thua, vinh nhục, không dính mắc sáu trần, không nhớ nghĩ thế sự, quá khứ, hiện tại, vị lai. Lúc này tâm không hướng ngoại mà quay hẳn vào trong, rỗng rang, vô sự. Y như Lục Tổ Huệ Năng bảo Thượng tọa Huệ Minh: “Thượng tọa hãy **lắng lòng** nghe ta nói, trong lúc không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là Bản lai diện mục của Thượng tọa Huệ Minh?”. Ngắn gọn, giản dị như thế mà

Thượng tọa Huệ Minh tự khai ngộ, nhận ra bản lai diện mục (Phật tánh) của chính mình. Nhờ đâu? Nhờ lắng lòng.

Kể đến là **chú ý (tác ý)** lắng lòng rồi chăm chỉ chú ý, vì tâm vô nhị dụng, tâm không thể làm một lúc hai việc, chú ý nghe là cột tâm vào câu Phật hiệu, thì tâm không có niệm gì khác được (không vọng niệm). Lắng lòng, chú ý rồi **lắng nghe**, nghĩa là dùng cái tâm rỗng rang vô sự lắng nghe (bằng tánh nghe) rành rẽ, rõ ràng, từng tiếng, từng câu niệm Phật của tự tánh. Đây mới **thật sự** là nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm nối tiếp mà kinh *Lăng Nghiêm*, Phẩm Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương đã dạy.

Làm được bốn điều này trong thời gian ngắn, hành giả sẽ đạt **niệm Phật thành một khối**. Tiếp tục hành trì như thế sẽ tiến đến nhất tâm bất loạn (sự rời lý, cũng gọi là Niệm Phật Tam Muội) không cần phương tiện gì khác, như Kinh *Lăng Nghiêm* đã dạy.

Trong lúc lắng nghe, câu Phật hiệu dù có **nhanh, nuốt chữ hay nhỏ**, cũng mặc kệ cứ một lòng lắng nghe từng tiếng, từng câu một. Thậm chí tiếng niệm Phật **bị mất hẳn**, cũng mặc kệ (không niệm mỗi như huân trường mức nhập tâm nói trên) cứ một lòng lắng nghe tự nhiên tiếng niệm Phật sẽ nổi lên lại.

Lặp đi lặp lại nhiều lần như vậy. **Kiên tâm bền chí** hành trì như thế lâu ngày sẽ không còn bị gián đoạn mà nối tiếp liên tục và **thành một khối**, bước đầu của nhất tâm bất loạn.

Phàm làm việc gì, khi mình nhận thức được lợi ích của việc làm đó, mình mới hăng say, thích thú mà làm. Niệm Phật hay huân trưởng cũng không ngoài nguyên tắc này. Vậy hành giả nên tự tạo cho mình động cơ, thúc đẩy ta dũng mãnh tinh tấn hành trì miên mật, bằng cách tu tập cho ta có những khái niệm sau đây:

- Khái niệm rằng: bốn chữ A Di Đà Phật không phải là danh tự rỗng mà là biểu tượng Pháp Thân Phật A Di Đà (Kinh *Niệm Phật Ba La Mật*). Niệm A Di Đà Phật là niệm Pháp Thân của Ngài, nhớ nghĩ cầu cứu Ngài tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc quốc. Chắc chắn ta được vãng sanh, nếu không thì Ngài trái với bốn nguyện (trái lời thề). Ngài đâu còn là Phật. Và lại kinh dạy: “Mặt trời, mặt trăng có thể rơi rụng, núi Tu Di có thể tiêu tan nhưng lời nói của Phật không bao giờ hư dối”, huống hồ đây là lời thề.

- Khái niệm rằng: bốn chữ A Di Đà Phật là vạn đức hồng danh. Thánh hiệu này được tạo thành bởi vô lượng công đức mà Tỳ kheo Pháp Tạng (tiền thân của Đức Phật A Di Đà) tu tập trong vô lượng kiếp, nên nói Thánh hiệu này tích tụ bao hàm vô lượng công đức. Liên tông cửu Tổ Ngẫu Ích đại sư nói: “Niệm A Di Đà Phật để vời công đức đến với mình, thì công đức nào cũng phải đến hết”.

- Khái niệm rằng: “Niệm Phật thành Phật”. (Nhân nào quả nấy). Khi hành giả niệm Phật là một mặt cầu cứu Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sanh, mặt khác đánh thức ông Phật của tự tánh mình. Cổ Đức nói: “Nhất niệm tương ứng, nhất niệm Phật. Niệm niệm tương ứng niệm niệm

Phật. Ngẫu Ích đại sư cũng nói: “Mỗi tiếng niệm Phật, tiếng nào mình cũng đã là Phật rồi”.

- Khái niệm rằng: tiếng niệm Phật siêu việt hơn hết mọi âm thanh, vì bản thể của nó là toàn bộ công đức, trí tuệ, hạnh nguyện của Phật, có công năng thỏa mãn mọi nhu cầu của mình (tội diệt, phước sanh), có công năng tuyệt vời là chuyển hóa hết những chủng tử hữu lậu như tham, sân, si... bạch tịnh hóa tạng thức, chuyển tám thức thành bốn trí⁽¹³⁾. Ngắn gọn là chuyển đổi thân tâm dần dần thanh tịnh mà mình không hề hay biết (Kinh *Niệm Phật Ba La Mật*).

Hành giả **kiên tâm, bền chí** hành trì sẽ cảm nhận sự vi diệu không thể nghĩ bàn.

Lưu ý: hành giả đạt Bất Niệm Tự Niệm rồi, phải duy trì tình trạng này **suốt đời** để được bảo đảm vãng sanh.

6. Bảo đảm vãng sanh

Hòa thượng Trí Tịnh dạy: “Người tu Tịnh Độ phải đạt được tầng công phu thấp nhất là **Bất Niệm Tự Niệm** mới **bảo đảm vãng sanh**”. Bảo đảm vãng sanh không phải là ý riêng của Ngài mà là ý của Tổ (như đã trình bày ở trên).

Liên tông cửu Tổ Ngẫu Ích đại sư dạy: “Cốt sao tin cho đến nơi, giữ cho ổn, thẳng một bề mà niệm. Hoặc là suốt ngày đêm niệm mười vạn, hoặc năm vạn, ba vạn, lấy số câu quyết định chẳng thiếu làm chuẩn. Trọn cả đời này,

thề chẳng biến cải. Nếu chẳng được vãng sanh thì **tam thế chư Phật đều nói dối**”.

Một Đức Phật nói dối còn chưa từng có, huống hồ ba đời tất cả chư Phật nói dối, tuyệt đối không bao giờ có việc này.

Điều đáng bàn ở đây là làm sao một ngày đêm niệm được tối thiểu **ba vạn** (30.000) câu Phật hiệu và niệm suốt đời. Như hiện nay chúng ta niệm Phật bằng miệng hay bằng ý, đều phải dụng công tác ý, hao hơi tổn khí lực rất nhiều nên không tài nào niệm được nhiều và lâu, suốt đời như đã ấn định trên.

Muốn đạt được tiêu chuẩn nói trên hầu bảo đảm vãng sanh, nhất là trong trường hợp ý thức không có khả năng giúp hành giả niệm Phật thì chỉ có một cách duy nhất là **phải đạt được Bất Niệm Tự Niệm**.



PHẦN VI

KHUYẾN TẤN HƯỚNG THƯỢNG

1. Khuyến tu giải thoát

Đức Phật dạy: “Thân người khó được” với hai thí dụ sau đây:

- Đất dính trên đầu ngón tay và đất ngoài đại địa. Đức Phật dạy: “Thân người chết đi, được tái sinh làm người ít như đất dính ở đầu ngón tay, mà số bị đọa trong ba đường ác nhiều như đất ngoài đại địa”. Tại sao vậy? Vì chúng sanh khi hiện tiền tạo quá nhiều ác nghiệp.

- Như con rùa mù ở dưới đáy biển, trăm năm trôi lên mặt biển một lần để mong chui vào bọng cây. Cái khó thứ nhất là bọng cây nổi trên mặt biển một trăm năm, cứ bị sóng gió đẩy đưa cùng trời cuối đất biết tận đâu mà tìm. Cái khó thứ hai, dù cho gặp được bọng cây, con rùa mù, không thấy đường làm sao chui vào bọng cây được. Trăm ngàn vạn lần khó. Thế mà Đức Thế Tôn nói còn dễ hơn được lại thân người.

Người xưa nói:

“Thân này chẳng tính đời nay độ
Còn đợi bao giờ mới độ thân”.

Tứ Liệu Giản của Tổ Vĩnh Minh đại sư nói:

“Không thiên, không tịnh độ
Giường sắt, cột đồng lửa
Muôn kiếp lại ngàn đời
Chẳng có nơi nương tựa”.

Ý nói, người không tu muôn ngàn đời bị đọa vào địa ngục. Người tin, hiểu lời Đức Phật, Tổ dạy như thế mà không tu giải thoát là điều hy hữu.

2. Khuyến tu tịnh độ

Tượng Pháp Quyết Nghi Kinh dạy: “Sau khi Phật diệt độ, v.v... thời mạt pháp một muôn năm là **Niệm Phật kiên cố**”. Kiên cố có nghĩa là thành tựu.

Kinh Đại Tập nói: “Thời mạt pháp, ức ức người tu hành, ít có người đắc đạo. Duy có niệm Phật mà được giải thoát sanh tử”.

Liên tông thập tam Tổ Ấn Quang đại sư nói: “Chín giới chúng sanh lìa khỏi pháp môn Tịnh Độ này, thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo. Mười phương chư Phật bỏ pháp môn Tịnh Độ này thì dưới chẳng thể lợi khắp quần sanh”.

Phật pháp có tám vạn bốn ngàn pháp môn, duy có Tịnh Độ là pháp dễ tu, dễ chứng (dị hành đạo) nhờ tha lực tiếp dẫn của Phật A Di Đà vãng sanh Cực Lạc, một đời thành Phật. Còn lại những pháp môn khác là pháp môn tự lực.

Thời mạt pháp, căn tánh chúng sanh hạ liệt, nên rất khó tu (nan hành đạo), khó thành tựu.

Tứ Liệu Giản của Tổ Vĩnh Minh đại sư nói:

“Có Thiền, không Tịnh Độ,

Mười người, chín ngại đường,

Khi âm cảnh hiện ra,
Chớp mắt **đi theo nghiệp**.

Không Thiên, có Tịnh Độ,
Muôn tu, muôn người sanh,
Khi được thấy Di Đà,
Lo gì không tỏ ngộ!

Có Thiên, có Tịnh Độ,
Cũng như cọp mọc sừng,
Đời này làm thầy người,
Đời sau làm Phật, Tổ”.

Nhị Tổ Thiên Đạo đại sư cũng dạy: “Hành giả chuyên tu Tịnh Độ, vạn người tu, vạn người vãng sanh”.

Trong Thất giác chi, cũng gọi là Thất bồ đề Phần là bảy pháp có công năng giúp trí huệ Bồ Đề phát triển, thứ nhất là Trạch pháp giác chi, là pháp biết **chọn lựa chân pháp** mà hành trì. Phần đông Phật tử chúng ta đi chùa mười mấy, hai chục năm rồi mà chưa chọn chân pháp, chỉ đến chùa để tụng kinh, niệm Phật, sám hối, công quả, **tạp tu** thôi. Do vậy mà chưa cảm nhận được sự an lạc giải thoát, có chăng chỉ là gieo duyên với Tam Bảo, hưởng phước báo Nhơn Thiên mà thôi. Muốn thật sự giải thoát sanh tử, Phật tử phải tự chọn cho mình một chân pháp để hành trì.

Như trên đã nói, thời mạt pháp này, Tịnh Độ là pháp môn thù thắng, hợp thời cơ, dễ tu, dễ chứng nhất, là con đường tắt trong các pháp môn. Trong Tịnh Độ xưng danh

lại là con đường tắt. Vậy thì, trì danh niệm Phật là con đường tắt nhất trong con đường tắt.

Những ai tin, hiểu lời Đức Thế Tôn và chư Tổ dạy mà không niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc, liễu sanh thoát tử, lại cam chịu vĩnh viễn trôi lăn trong lục đạo luân hồi, thì oan uổng biết mấy, thật là đáng thương!

3. Khuyến vãng sanh ở phẩm vị cao

Người xưa nói: “Một niệm lành, niệm mãi trong tâm, tâm sẽ trọn lành”. Kinh nói: “Niệm Phật một câu phước đức vô lượng”. Nay ngày đêm chúng ta niệm ba ngàn, năm ngàn, một vạn, mười vạn, ba mươi vạn câu, vậy thì phước đức biết bao nhiêu mà kể cho hết.

Kinh *Quán Vô Lượng Thọ* nói: “Tâm làm Phật, Tâm là Phật”.

Liên tông cửu Tổ Ngẫu Ích đại sư nói: “Mỗi tiếng niệm Phật của mình, tiếng nào mình cũng đã là Phật rồi”.

Vậy thì, tâm ta **đang** làm Phật, quyết định tâm ta **phải** là Phật.

Nam Mô A Di Đà Phật

Nguyện Vãng Sanh Cực Lạc Thành

Phật Độ Chúng Sanh.

4. Thời gian

a. Hoa nở

1- Hạ Phẩm

Quán Kinh nói: “Sanh **Hạ phẩm Hạ sanh**, **mười hai đại kiếp** hoa sen mới nở, ta gặp hai **Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí** để nghe pháp”. Một đại kiếp là một tỷ ba trăm bốn mươi bốn triệu (1.344.000.000) năm. Vậy mười hai đại kiếp sẽ là mười sáu tỷ một trăm hai mươi tám triệu năm ($1.344.000.000 \times 12 = 16.128.000.000$) hoa sen mới nở. Trái đất chúng ta đang ở, từ khi không có gì, rồi qua bốn giai đoạn thành, trụ, hoại, không là một đại kiếp, mà mười hai lần như vậy hoa sen mới nở, gặp **Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí** để nghe pháp.

Quán kinh nói: “Sanh **Hạ phẩm Thượng sanh**, **bốn mươi chín ngày** hoa sen nở, ta gặp hai **Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí** để nghe Pháp”.

Cùng là Hạ phẩm mà Hạ phẩm Thượng sanh và Hạ phẩm Hạ sanh thời gian hoa nở cách biệt quá xa (16.128.000.000 năm so với 49 ngày), mười sáu tỷ một trăm hai mươi tám triệu năm so với bốn mươi chín ngày.

2- Trung phẩm

Quán Kinh nói: “Trung phẩm Hạ sanh và Trung sanh, sau bảy ngày hoa sen nở. Thượng sanh hoa sen nở liền, chứng quả A La Hán.

3- Thượng phẩm

Hạ sanh qua một ngày một đêm hoa sen mới nở.

Trung sanh qua một đêm hoa sen mới nở.

Thượng sanh hoa sen nở liền.

b. Thăng cấp

1- Trung phẩm

- Hạ sanh thăng Trung sanh phải qua nửa tiểu kiếp.

- Trung sanh thăng Thượng sanh cũng phải qua nửa tiểu kiếp.

Mỗi tiểu kiếp là mười sáu triệu tám trăm ngàn (16.800.000) năm.

2- Thượng phẩm

- Hạ sanh thăng Trung sanh phải qua ba tiểu kiếp.

- Trung sanh thăng Thượng sanh phải qua một tiểu kiếp.

* **Hạ phẩm Thượng sanh** thăng **Trung phẩm Hạ sanh** phải qua ba tiểu kiếp.

* **Trung phẩm Thượng sanh** thăng **Thượng phẩm Hạ sanh** phải qua ba tiểu kiếp.

* **Hạ phẩm Thượng sanh** thăng **Thượng phẩm Hạ sanh** phải qua bảy tiểu kiếp.

*** Hạ phẩm Thượng sanh thăng Thượng phẩm Thượng sanh** phải qua mười một (11) tiểu kiếp.

Tóm lược:

- Từ bậc Hạ lên bậc Trung phải qua ba (3) tiểu kiếp.
- Từ bậc Trung lên bậc Thượng phải qua ba (3) tiểu kiếp.
- Từ Trung phẩm Hạ sanh lên Trung phẩm Trung sanh phải qua nửa tiểu kiếp.
- Từ Trung phẩm Trung sanh lên Trung phẩm Thượng sanh phải qua nửa tiểu kiếp.
- Từ Thượng phẩm Trung sanh lên Thượng phẩm Thượng sanh phải qua một (1) tiểu kiếp.
- Từ **Hạ phẩm Thượng sanh** lên **Thượng phẩm Thượng sanh** phải qua **mười một (11) tiểu kiếp**, thời gian quá dài.

Hiểu được lý lẽ này, Minh Tuệ tôi tin rằng quý vị sẽ:

- Trân quý thời gian, tranh thủ từng phút, từng giây để niệm Phật, hầu vãng sanh tối thiểu phải là **Hạ phẩm Thượng sanh**, bốn mươi chín ngày sau **hoa sen nở**. Còn vãng sanh Hạ phẩm Hạ sanh phải chờ mười sáu tỷ một trăm hai mươi tám triệu (16.128.000.000) năm **hoa sen mới nở**, thời gian quá dài.

- Không quá khiêm nhường ở Hạ phẩm Thượng sanh mà phải là **Thượng phẩm Thượng sanh**.

Tại sao? *Quán Kinh* nói: “Khi đã sanh về cõi kia, lại thấy kim thân của Phật đầy đủ các tướng, chư Bồ Tát sắc tướng cũng cụ túc trang nghiêm, các ánh sáng và rừng báu

đều diễn thuyết pháp mầu. Hành giả nghe xong, liền ngộ **Vô sanh pháp nhẫn**, trong giây phút thừa sự chư Phật, rồi **trở về bản quốc**, chúng vô lượng trăm ngàn ða la ni. Đây gọi là **Thượng phẩm Thượng sanh**”.

Hạnh phúc biết bao, vãng sanh Thượng phẩm Thượng sanh, hoa sen nở liền, gặp Phật A Di Đà ngay, chúng liền Vô sanh pháp nhẫn, được thọ ký ngày thành Phật, liền trở về Ta Bà độ sanh ngay, không một ngày nào ở Cực Lạc. Độ sanh sớm một ngày là chúng sanh đỡ khổ một ngày, còn gì hơn chứ? Muốn được vậy thì phải chí tử hạ thủ công phu.

5. Công phu

Quán Niệm Pháp Môn nói: “Mỗi ngày niệm danh hiệu Phật một vạn câu, lại cần phải tùy thời lễ bái, tán thán sự trang nghiêm Tịnh Độ. Cần phải rất tinh tiến, hoặc niệm ba vạn, sáu vạn, mười vạn câu, đây đều là bậc **Thượng phẩm Thượng sanh**”. Nên biết niệm từ **ba vạn câu trở lên** là hành nghiệp của bậc **Thượng phẩm Thượng sanh**, niệm ba vạn câu trở xuống là hành nghiệp của bậc thượng trung trở xuống.

Muốn niệm Phật từ ba vạn câu trở lên phải đạt **Bất Niệm Tự Niệm**. Kinh nghiệm cho biết nếu đạt Bất Niệm Tự Niệm **sâu** chẳng những ba vạn câu mà mười vạn câu cũng chẳng phải là khó.

Nam Mô A Di Đà Phật



PHẦN VII

TỔNG KẾT

1. Vấn đáp

1- Hỏi: Niệm Phật và tu các công hạnh có cần hồi hướng không?

Đáp: Niệm Phật A Di Đà và tu tập **hai hạnh chánh và phụ** thì không cần phải hồi hướng riêng biệt. Còn tu tập **tập** hạnh cần phải hồi hướng mới thành nghiệp vãng sanh (xin đọc phần 5, mục 3, Chuyên tu chánh hạnh).

2- Hỏi: Tu Tịnh nghiệp có cần diệt tham, sân, si không? Nếu cần thì làm sao?

Đáp: Tham, sân, si (tà kiến) là tam độc cần phải diệt trừ. Đối với hành giả Tịnh Độ chỉ cần duy nhất một câu A Di Đà Phật. Vạn đức hồng danh này có công năng diệt tội, sanh phước, tăng trưởng thiện căn và chuyển tám thức thành bốn (4) trí, thành Phật còn có dư. Khi niệm sân vừa móng khởi hay đã khởi hiện hành (đã nổi cơn sân) chỉ cần nhiếp tâm niệm Phật là xong. Vì tâm một lúc không thể làm hai việc, niệm Phật thì niệm sân tự diệt. Bởi vậy Cổ đức dạy: “Không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”.

3- Hỏi: Người chuyên tu Tịnh nghiệp có cần tụng kinh sám hối như Lương Hoàng Sám và Thủy Sám không?

Đáp: Đối với hành giả chuyên tu tịnh nghiệp tụng những kinh sám hối ấy không phải là chánh hạnh, mà là **tạp hạnh**.

Pháp sư Tịnh Không nói:

-“**Niệm Phật là sám hối**. Khi niệm Phật tinh tấn thường thấy bệnh nghiệp hiện tiền, đó là một hiện tượng chuyển nghiệp, đem tội nặng của quá khứ biến thành tội báo nhẹ hiện tại. Vì nguyên lực lớn hơn nghiệp lực”. “Khi có tâm sám hối, thì không tái phạm, tức là đã sám hối”, “Phải đoạn ác tu thiện mới đúng nghĩa sám hối”.

-“Thật ra, hết thấy kinh pháp đều là vì tiêu nghiệp chướng, nhưng nếu nghiệp chướng quá nặng thì tất cả hết thấy kinh pháp đều mất tác dụng chẳng thể tiêu trừ tội nghiệp, nhưng vẫn còn có cách riêng để tiêu trừ”.

-“Trong sách *Quán Kinh Trục Chi* là sách chú giải kinh *Quán Vô Lượng Thọ*, Ngài Từ Vân Quán Đảnh nói: ‘Hết thấy tội nghiệp chẳng thể tiêu sạch được, tối hậu, chỉ có niệm A Di Đà Phật mới có thể **thật sự tiêu tai**’”.

Liên Trì Cảnh Sách nói: “Muốn tiêu trừ nghiệp chướng phải niệm Phật, lễ Phật. Dùng nhất niệm vạn đức hồng danh chí tôn vô thượng để **trung hòa** tất cả vọng niệm và thói xấu tham, sân, si từ vô thủy kiếp đến nay. Những nghiệp chướng nặng nề này sẽ dung hòa vào câu thánh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, được đức Phật A Di Đà đại từ đại bi và tất cả chư Phật trong mười phương hộ niệm, che chở, bao bọc, giúp tiêu trừ nghiệp chướng của chính mình.

Lễ Phật chính là mỗi ngày chuyên lạy Phật A Di Đà để sám hối nghiệp chướng của chúng ta”.

Vả lại, *Quán Kinh* nói: “Niệm một câu A Di Đà Phật diệt được trọng tội sanh tử tám mươi ức kiếp”.

Vậy **niệm Phật** là đã sám hối rồi, dành thì giờ tụng kinh sám hối nói trên để niệm Phật, lễ Phật A Di Đà vừa được **diệt hết thủy tội**, vừa được tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc có tốt hơn không?

4- Hỏi: Người tu Tịnh nghiệp tụng kinh A Di Đà và các kinh Đại thừa khác được không?

Đáp: Nói chung tụng kinh Phật, trì các chú ngữ là quý rồi, xét riêng hành giả chuyên tu Tịnh nghiệp thì:

- Tụng kinh *A Di Đà* là chánh hạnh mà nghiệp **phụ**. Niệm Phật A Di Đà là chánh hạnh mà nghiệp **chánh**.

- Còn tụng các kinh khác, dù là kinh Đại thừa cũng là **tạp hạnh**.

Vả lại, danh hiệu A Di Đà Phật là vua các chú (Tuyệt Hư Lão Nhân Tịnh Độ Tuyên Tập). Vậy niệm A Di Đà Phật là cao tột, thù thắng hơn trì tụng bất cứ chú ngữ nào khác (hãy đọc Phần 4, mục 2 Công đức niệm Phật).

Liên Trì cảnh Sách dạy: “Niệm Phật chính là tụng hết thủy kinh. Một câu Nam Mô A Di Đà Phật là tinh hoa cô đọng của ba tạng kinh điển”.

Liên Tông thập nhất Tổ Tĩnh Am đại sư, Liên Tông Thập nhị Tổ Triệt Ngô đại sư, Pháp sư Tịnh Không đồng

dạy: 'Niệm Phật phải niệm không xen tạp không gián đoạn'. Liên Tông Bát Tổ Liên Trì đại sư dạy: "**Bí quyết** của niệm Phật là **niệm nhiều, niệm không xen tạp không gián đoạn**" Tụng kinh là xen tạp gián đoạn quá nhiều rồi.

Vã lại trong bốn mươi tám đại nguyện của Phật A Di Đà có nguyện nào nói tụng bao nhiêu biến kinh để được Ngài tiếp dẫn đâu? mà nguyện thứ mười tám nói: niệm mười niệm là được Ngài tiếp dẫn. Vậy thì tụng kinh và niệm Phật cái nào hợp với bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, hợp với lời dạy của chư Thầy, Tổ, cái nào trọng yếu hơn?

Hành giả dành thì giờ tụng kinh để niệm Phật (bốn chữ hay sáu chữ chuyên nhất, gạn gọn dễ nhập tâm hơn), niệm nhiều huân trưởng hạt giống Phật càng lớn, đạt Bất niệm tự niệm bảo đảm vãng sanh, đúng chí nguyện của mình, đúng bản nguyện của đức từ phụ Di Đà, đúng lời chỉ giáo của đức Bổn sư Thích Ca, đúng sự mong chờ của chư Thầy, Tổ còn chân chờ, chọn lựa gì nữa?

5- Hỏi: Người tu Tịnh nghiệp có bắt buộc phải thọ Tam qui, ngũ giới không?

Đáp: Không bắt buộc, nhưng nếu đủ điều kiện nên thọ.

Luật dạy:

“Quy y Phật khỏi đọa địa ngục,
Quy y Pháp khỏi đọa ngã quỷ,
Quy y Tăng khỏi đọa bàng sanh (súc sanh)”.

Vậy thì thọ Tam qui sẽ không bị đọa ba đường ác. Nếu thọ thêm Ngũ giới, giữ gìn trọn vẹn, sẽ có vô lượng phước. Đây là thắng duyên giúp hành giả dễ tiến tu, sớm thành tựu Tịnh nghiệp.

6- Hỏi: Người tu Tịnh nghiệp có bắt buộc phải ăn chay trường không?

Đáp: Không bắt buộc, nhưng hành giả Tịnh Độ quyết tâm vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, thành Phật độ chúng sanh mà còn ăn thịt chúng sanh là thiếu tâm từ bi. Tâm này không tương ứng với tâm Phật nên khó vãng sanh phẩm vị cao. Tổ thứ tám Liên Trì đại sư dạy: “Ác lớn nhất là sát sanh”. Ăn chay là ngưng sát sanh, ngừng được nghiệp sát. Vậy ăn chay được càng nhiều ngày càng tốt, trường chay là quý nhất. Lại nữa, Tổ cũng dạy: “Trong các hạnh thiện, phóng sanh là bậc nhất”. Vì sao? Vì chúng sanh tham sống, sợ chết. Phóng sanh là cứu mạng sống chúng sanh, là mình tự tu Tứ vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả), tự tu lục độ (bố thí tài, bố thí pháp, bố thí vô úy) và tự sám hối (chước tội sát sanh trước đây). hưởng phước đức hiện đời là không bệnh hoạn, được sống lâu. Nếu hồi hướng vãng sanh Cực Lạc thì đã chuyển phước đức thành công đức. Công ít mà phước nhiều, nhân nhỏ mà quả to. Không cần phải chờ ngày lễ lớn phóng sanh chim, cá mà hằng ngày nên phóng sanh kiến, dán, ruồi, muỗi,... khi chúng vào nhà cũng tốt lắm rồi.

7- Hỏi: Niệm Nam Mô A Di Đà Phật (sáu chữ) và niệm A Di Đà Phật (bốn chữ) cách nào tốt hơn?

Đáp: Xét nghĩa:

- Danh hiệu là A Di Đà Phật.

- Nam mô là quy mạng, là quay về nương tựa.

- Niệm **Nam Mô A Di Đà Phật** (sáu chữ) là nói quay về nương tựa Phật A Di Đà, tỏ lòng thành kính để cảm ứng hơn.

- Niệm **A Di Đà Phật** (bốn chữ), ngắn gọn dễ nhập tâm hơn. Còn việc thành kính là do ở tâm.

Liên Trì đại sư nói: “Ngài dạy đại chúng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, còn Ngài thì niệm A Di Đà Phật”.

8- Hỏi: Phản văn, văn tự tánh là sao?

Đáp: Là quay cái nghe lại, nghe tự tánh mình niệm. Người đạt Bất Niệm Tự Niệm, nghe tự tánh mình niệm Phật bằng tánh nghe mới đúng nghĩa phản văn, văn tự tánh.

9- Hỏi: Nhập tâm và Bất Niệm Tự Niệm có khác nhau không? Nếu có, khác chỗ nào?

Đáp: Khác nhau, khác ở chỗ cạn, sâu.

Nhập tâm, hành giả chỉ nghe tiếng niệm Phật của tự tánh mình trong thời gian ngắn nào đó (còn gián đoạn, chưa nghe được toàn thời gian lúc thức, còn non cạn) tạm gọi là bước đầu của Bất Niệm Tự Niệm.

10- Hỏi: Như Thầy nói khi trợ niệm mà thần thức của bệnh nhân bị điên đảo, lãnh hội không nổi, không

niệm Phật theo, hoặc ý thức bệnh nhân ngưng hoạt động trước giờ lâm chung, hai trường hợp này sẽ mất phần vãng sanh. Vậy thì thân nhân phải làm sao đây?

Đáp: Có hai giải pháp:

Giải pháp 1:

- Trường ban hộ niệm phải liên hệ với thân nhân của bệnh nhân tìm hiểu nguyên nhân tệ trạng này, do ác nghiệp gì, hay bệnh nhân còn bận bịu, dính líu, thắc mắc, uẩn khúc điều gì? Từ đây khéo léo khai thị giải tỏa, mở gút cho bệnh nhân.

- Toàn ban hộ niệm cùng thân nhân của bệnh nhân thay mặt bệnh nhân thành khẩn sám nghiệp chướng.

Khi nhận thấy hai việc trên mang lại hiệu quả tốt, nghĩa là tệ trạng trên được cải tiến khả quan, thì xúc tiến hộ niệm như thường lệ.

Nếu giải pháp một không thành công, bệnh nhân ra đi trong tình trạng hôn mê, thì chỉ còn cách áp dụng giải pháp 2.

Giải pháp 2:

1) Nhờ quý Thầy chân tu giới hạnh thanh tịnh, thành khẩn cầu siêu và khai thị hương linh.

2) Thân nhân làm Phật sự như ăn chay, niệm Phật A Di Đà, phóng sanh, bố thí, cúng dường Tam Bảo, ấn tống kinh sách, Pháp thí băng đĩa, thuyết giảng giáo lý Phật, v.v... Thành khẩn hồi hướng cho hương linh này siêu sanh Cực Lạc.

11- Hỏi: Có cần phải có nhiều Thầy không?

Đáp: Cần nội dung hơn hình thức, chất lượng hơn số lượng, vì các lẽ sau:

- Vị thầy chân tu, giới hạnh thanh tịnh, mà thành khẩn nguyện cầu, mới được chư Phật, chư Bồ Tát cảm ứng, cộng thêm lòng nguyện cầu thiết tha của thân nhân.

- Thần thức (hương linh nhờ cõi bỏ thân ngũ âm) nên rất sáng suốt, đối với vị thầy phạm trai phá giới, phạm phu chúng ta không biết nhưng họ biết hết. Khi họ biết rồi, đâu có kính nể nghe theo lời khai thị. Mặt khác họ oán ghét, khởi niệm sân hận, mà sân hận là nhân ba đường ác. Trường hợp này là bị phản tác dụng, không thắng mà bị đọa, rất nguy hiểm cần chú ý.

Vậy thì:

- Ba thầy mà có một thầy không thanh tịnh thì đâu tốt bằng chỉ có một thầy thanh tịnh.

- Ba thầy mà đều là thầy thanh tịnh thì dĩ nhiên là tốt hơn một thầy.

12- Hỏi: Trọ niệm cách nào để có kết quả tốt?

Đáp: Ban trọ niệm không nên cứng ngắt theo sách vở mà phải khéo léo uyển chuyển niệm Phật và khai thị sao cho thích hợp với tâm lý, ước muốn, nguyện vọng của bệnh nhân hay hương linh.

Về niệm Phật, niệm bốn chữ hay sáu chữ, giọng nào (bình thường hay Hải Triều Âm...) nên niệm vừa phải tránh quá nhanh hay quá chậm. Nhất là người hấp hối

phải niệm rành rẽ, rõ ràng và chậm rãi để bệnh nhân có khả năng tiếp nhận mà niệm theo. Trường hợp này, không nên đọc văn hồi hướng (sau phần niệm Phật) vì tâm thần bệnh nhân lúc này quá yếu, không tiếp thu được lời văn dài dòng khó hiểu, mà chỉ nên dành thì giờ này liên tục niệm thánh hiệu Phật A Di Đà.

Về khai thị, vị thầy được đương nhơn kính trọng hoặc người được đương nhơn thương yêu nhất (như vợ, chồng, cha, mẹ, con cháu,...), khai thị đúng ước muốn, nguyện vọng chánh đáng của người bệnh thì kết quả sẽ tốt nhất. Ví dụ, ông chồng quá yêu mến, quyến luyến bà vợ thì bà vợ cần khai thị ngắn gọn như sau (mà kết quả tối đa như ý): “Anh ráng niệm Phật theo em, để rồi anh với em đồng vãng sanh Cực Lạc thành Phật cứu độ cha mẹ cùng các con của mình, nhen anh”.

Xong rồi là niệm Phật, năm, mười, hai mươi câu, rồi lặp lại lời khai thị trên. Làm nhiều lần như thế, cho đến hơi thở cuối cùng. Sau giờ lâm chung, trước bàn thờ hương linh cũng phải khai thị như vậy, rất tốt.

Ngược lại, đối với người (dù tại gia hay xuất gia), bệnh nhân không ưa hay chán ghét, oán hận thì tuyệt đối không cho gặp mặt. Vì gặp mặt, bệnh nhân sanh phiền não, khởi niệm sân hận là nhân của ba đường ác, rất nguy hiểm.

Về lời văn khai thị, văn phải ngắn gọn, lời phải rành rẽ, rõ ràng, điều hoà, truyền cảm, ý phải đáp ứng nguyện vọng chánh đáng của bệnh nhân.

13- Hỏi: Ai là người khai thị hữu hiệu nhất?

Đáp: Theo thứ tự ưu tiên sau: quý Thầy ngộ đạo (tâm thanh tịnh). Người niệm Phật đạt niệm lục được tương tục (Bất Niệm Tự Niệm sâu). Người được yêu quý, kính trọng. Người có tín tâm sâu, thành khẩn khai thị đúng pháp. Như hiện nay ở Việt Nam có một vị cư sĩ chuyên tu Tịnh Độ đạt Bất Niệm Tự Niệm sâu, là Trưởng ban Hộ niệm. Ông đã hộ niệm rất nhiều nơi (kể cả các tỉnh xa) đều có kết quả tốt như ý (có triệu chứng được vãng sanh Cực Lạc).

14- Hỏi: Nhiếp sáu căn là sao?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm nói: “Nhiếp trọn sáu căn, Tịnh niệm nối tiếp, đặc Tam Ma Địa bậc nhất”. Sáu căn là gì? Là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Tại sao phải nhiếp? Sau đây là lý do:

Ý nghĩa

Người xưa dạy: “Sáu căn là sáu tên giặc (lục_tặc) cũng là (lục thông) cửa sổ mở sáu phép thần thông” hoặc “sáu căn không dính mắc sáu trần là giải thoát”.

Mắt thấy sắc đuổi theo, chấp chặt nên khổ đau. Tai nghe tiếng đuổi theo, chấp chặt nên khổ đau. Mũi, lưỡi, thân, ý cũng vậy. Muốn hết khổ đau, tâm được an định thì sáu căn phải được thu nhiếp (không chạy theo sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp). Tịnh niệm là niệm thanh tịnh... Thanh tịnh ở đây là không hoài nghi, ngoài Thánh hiệu A Di Đà, không xem tạp Thánh hiệu nào khác, không tham sân si...

Tam Ma Địa là chánh định, đối với Tịnh Độ Tông là Nhất Tâm Bất Loạn.

Thực hành: từ cạn đến sâu.

Cấp I: Nhiếp sáu căn là sáu căn vẫn tiếp xúc và hay biết mọi sự mọi việc nhưng không dính mắc, chấp chặt, đuối theo sáu trần. Cụ thể, mắt nhìn tượng Phật để nhiếp nhãn căn vào Phật. Tai nghe tiếng niệm Phật để nhiếp nhĩ căn vào Thánh hiệu Phật. Mũi ngửi mùi hương cúng Phật để nhiếp tỷ căn vào cảnh giới Phật. Lưỡi niệm Phật để nhiếp thiệt căn vào Thánh hiệu A Di Đà. Thân ngồi nghiêm trang để nhiếp thân căn vào cảnh giới Phật. Ý nhớ nghĩ ghi nhận tâm thanh của Thánh Hiệu.

Người xưa dạy:

Thấy sắc không mê sắc,
Nghe tiếng chẳng nhiễm tiếng,
Sắc tiếng đều không ngại,
Mới đến Pháp vương thành.

Như mù mắt không nhìn ngoại cảnh,
Như điếc tai chẳng thính mảy may,
Càng không dao động càng hay,
Người ngồi tịnh tọa việc ngoài xem không.

Lưỡi vướng vị ngon, tai vướng tiếng,
Mắt theo hình sắc, mũi theo hương,
Lên đên làm khách phong trần mãi,
Ngày hết, quê xa vạn dặm đường.

-“ Chê tâm nhất xứ, vô sự bất biện” nghĩa là Cột tâm một chỗ, không việc gì chẳng xong.

Cấp II: Ý trì là niệm Phật bằng ý (xem phần 4, Cách trì danh). Niệm bằng ý vẫn có tiếng. Bây giờ lắng lòng nghe tiếng Phật hiệu, gọi là “Phản văn, văn Phật hiệu”. Nghe không phải là nghe bằng lỗ tai (nhĩ căn) mà nghe bằng tánh nghe (căn tánh, chơn tâm, cũng gọi là chơn như, còn gọi là bôn tánh).

Cấp III: Tập như trên lâu ngày chày tháng thành thục sẽ nhiếp (đóng) trọn vẹn nhĩ căn.

Lục căn dung thông (liên quan) lẫn nhau. Chỉ cần nhiếp thành tựu một căn, thì năm căn còn lại cũng thành tựu. Như Cổ đức dạy: “Nhất tu, nhất thiết tu”, nghĩa là thành tựu một là thành tựu tất cả. Đạt đến trình độ này mới đúng nghĩa nhiếp trọn vẹn sáu căn. Khi nhiếp trọn vẹn sáu căn và niệm Phật không gián đoạn, là đạt Nhất tâm bất loạn. Ban đầu là Sự nhất tâm bất loạn, sau là Lý nhất tâm bất loạn, thì vãng sanh Thật Báo Trang Nghiêm Độ (Thượng Phẩm).

15- Hỏi: Con quy y với vị Thầy, Thầy con tu chứng được vãng sanh Cực Lạc vậy con có được vãng sanh theo Thầy con không? Và bạn con làm lỡ quy y với tà sư. Khi tà sư bị đọa, vậy bạn con có bị đọa theo vị tà sư đó hay không?

Đáp: Cả hai đều KHÔNG. Người xưa nói: “Ông tu, ông chứng, bà tu, bà đắc” và “Tội ai làm nấy chịu”. Luật

nhân quả đây “Tự tác hoàn tự thọ”, nghĩa là tự mình làm, tự mình chịu, không ai thay thế cho ai được cả.

16- Hỏi: Nguyên thứ 19 nói: “Lúc tôi thành Phật, thập phương chúng sanh phát Bồ Đề Tâm, tu các công đức, nguyện sanh về cõi nước tôi, đến khi lâm chung, nếu tôi chẳng cùng đại chúng hiện trước người đó, thời tôi không thủ ngôi Chánh Giác”. Như vậy thì con phát Bồ Đề Tâm, thỉnh thoảng chủ nhật con đến chùa làm công quả, cúng dường Tam bảo, tụng kinh, niệm Phật, bái sám gọi là tu công đức. Nếu công đức nhiều thì ở phẩm vị cao, công đức ít thì vãng sanh ở phẩm vị thấp, phải không Thầy?

Đáp: Kinh *A Di Đà* nói: “Không thể lấy chút ít căn lành, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi Cực Lạc”. Do vậy Cổ đức dạy: “Công đức nói ở nguyện thứ 19 là **công đức rất ráo**, như bố thí phải là **Bố Thí Ba La Mật**” (rất ráo). Nên Nhị Tổ Thiệu Đạo đại sư nói trong *Quán Kinh Sớ*, đây là Tọa tu (cách nói trên), ngàn người tu chỉ có năm, ba người vãng sanh mà thôi.

Và lại, trong kinh *Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh* (do Ngài Hạ Liên Cư hội tập) có thêm đoạn văn như sau: “**Phụng hành sáu Ba La Mật kiên cố bất thoái, nhất tâm niệm tôi, ngày đêm chẳng ngớt**”. Điều này chứng tỏ rằng công đức nói trên phải là công đức rất ráo (Ba La Mật), đồng thời phải nhất tâm niệm Phật ngày đêm không gián đoạn mới chắc được vãng sanh.

17- Hỏi: Vậy thì phải tu sao để được bảo đảm vãng sanh?

Đáp: Phải chuyên tu Chánh hạnh, Chánh nghiệp như đã trình bày ở phần 5 (Chuyên tu chánh hạnh trang 75).

18- Hỏi: Tu Tịnh Độ thuộc Tiểu thừa hay Đại thừa?

Đáp: Giáo pháp Tiểu thừa không có tịnh độ. Vậy là thuộc Đại thừa. Nhưng nếu người niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc mà không phát tâm cứu độ chúng sanh, như vậy là không có Bồ Đề Tâm, thuộc căn tánh Tiểu thừa. Không đúng đại nguyện của Phật A Di Đà nên không được vãng sanh.

19- Hỏi: Vậy sao kinh nói ở Cõi Cực Lạc có Thanh Văn, Duyên Giác nhiều vô số kể?

Đáp: Những vị này trước tu theo Tiểu thừa (Nguyên Thủy) sau phát tâm hướng Đại thừa (thượng cầu hạ hóa), nghĩa là trên thì cầu thành Phật đạo, dưới là giáo hóa (độ) chúng sanh nên được vãng sanh.

20- Hỏi: Kinh nói từ Thập Tín trở lên phải tu hai đại A tăng kỳ kiếp (vô số kiếp) mới đạt giai vị Bát Địa Bồ Tát (Bất Động Địa Bồ Tát) thì đắc Tam bất thối (Vị bất thối, Hạnh bất thối và Niệm bất thối). Kinh A Di Đà lại nói: “Này Xá Lợi Phất! Những chúng sanh sinh về Cực Lạc là hàng A Bộ Bạt Trí”. A Bộ Bạt Trí là Bất Thoái Chuyển. Vậy hai kinh đó có trái ngược nhau không?

Đáp: Không trái ngược nhau. Kinh trước nói Bất Thối về địa vị tu hành. Kinh *A Di Đà* nói bất thối về nơi chốn (Xứ Bất Thối). Người sanh về Tây Phương Tịnh Độ không có năm thoái duyên, không bị lùi sụt.

Năm thoái duyên là:

- 1) Yếu mệnh và lắm bệnh.
- 2) Có người nữ và sáu trần gây ô nhiễm
- 3) Giao du với người làm ác, tức là gặp ác trí thức.
- 4) Có tâm bất thiện (tâm ác).
- 5) Thường không gặp Phật.

Ở Cực Lạc không có năm thoái duyên này cho nên chúng sanh ở đây đều được bất thối.

21- Hỏi: Thế nào là cực trọng nghiệp và ảnh hưởng việc tái sanh ra sao?

Đáp: Cực trọng nghiệp là nghiệp hết sức lớn. Có hai loại: thiện và bất thiện (ác). Người niệm Phật đạt Lý nhất tâm bất loạn là thiện cực trọng nghiệp. Trong lúc thân còn ở Ta Bà mà thân thức đã vãng sanh Cực Lạc như trường hợp Thừa Viễn đại sư, Tổ thứ ba Liên tông. Về thân xác muốn xả bỏ hay lưu giữ là tùy ý gọi là sinh tử tự tại. Người phạm tội ngũ nghịch là giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật ra máu hay phá hòa hợp Tăng là Ác cực trọng nghiệp. Tội này sa địa ngục A Tỳ (Địa ngục vô gián). Minh Tuệ tôi đã chứng kiến một vị chưa chết mà nửa đêm bị quỷ sứ hành hạ đủ cách.

22- Hỏi: Thế nào là tích lũy nghiệp, ảnh hưởng ra sao?

Đáp: Tích lũy nghiệp là nghiệp tích lũy nhiều đời, nhiều kiếp cộng với kiếp hiện tại. Tích lũy nhiều thành cực trọng nghiệp, ít thì ra Cận tử nghiệp.

23- Hỏi: Cận tử nghiệp là gì?

Đáp: Là nghiệp trước giờ lâm chung.

24- Hỏi: Người tu hành có bị cận tử nghiệp chi phối không?

Đáp: Cũng có, cũng không. Có hai trường hợp:

1) Những vị tu hành chứng đạo, đắc đạo như Tịnh Độ tông thì niệm Phật đạt Lý nhất tâm bất loạn hay Lý niệm Phật tam muội, thì tự tại vắng sanh. Thiền Tông thì nghiệp sạch tình không, Mật Tông thì tam mật tương ứng (ba nghiệp thân, khẩu, ý hoàn toàn thanh tịnh) tùy nguyện tái lai. Những vị đắc quả A La Hán thì nhập Niết Bàn.

2) Ngoài những vị nói trên đều bị cận tử nghiệp chi phối, điển hình:

- Vua A Kỳ Đạt suốt đời hộ trì Tam Bảo như cất chùa, nuôi tăng, v.v... Giờ chót bị người hầu làm rớt cây quạt vào mặt, nổi sần rồi chết, sanh làm con rắn mãng xà.

- Thiền sư công phu đắc lực, những ngày cuối cùng thương mến chăm sóc bụi mía trước am, để rồi chết sanh làm con sâu trong thân cây mía.

- Vị Ưu bà tắc nọ trước khi thân hoại mạng chung, vì quá yêu thương vợ nên tái sanh làm con dòi trong mũi vợ.

- Vua A Dục Ka (Asoka) đã từng xây cất 84.000 cảnh chùa, 84.000 tháp đèn, đài thọ chi phí cho kỳ kiết tập kinh điển lần ba. Khi sắp lâm chung, vua ra lệnh đem của cải trong kho ra bố thí trọng đại để làm phước trước khi chết. Vị quan giữ kho phản đối. Nhà vua tức giận rồi chết, đầu thai làm con rắn độc trong vườn ngự uyển, chờ cơ hội thuận tiện cắn chết ông quan giữ kho để trả thù.

25- Hỏi: Quán Kinh dạy hành giả Tịnh Độ tu Tam phước. Quý Thầy cũng khuyến khích Phật tử tu Tam phước. Vậy tu Tam phước có bảo đảm vãng sanh không?

Đáp: Theo *Quán Kinh Tứ Thiếp Sơ*: Tam phước là Tán Thiện, tu 13 phép Quán mới là Định Thiện. *Quán Kinh Sơ* quyển bốn nói rằng công hạnh có hai loại: chánh và tạp. Tam phước thuộc tạp hạnh. Nhị Tổ Thiệt Đạo đại sư nói: “Người tu tạp hạnh, ngàn người tu chỉ có năm ba người vãng sanh”.

Tam phước Đức Thế Tôn dạy trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ* nhưng cuối kinh, Ngài phó chúc **niệm Phật A Di Đà**, đâu có phó chúc tu quán hay tu tam phước đâu? Vậy thì cái nào chánh yếu?

26- Hỏi: Hành giả Tịnh Độ phải tu sao để được bảo đảm vãng sanh?

Đáp: Trong kệ niệm Phật, Hòa thượng Trí Tịnh nói: “Người niệm Phật phải đạt tầng công phu thấp nhất là Bất Niệm Tự Niệm mới bảo đảm vãng sanh”. Muốn đạt Bất Niệm Tự Niệm phải chuyên tu Chánh hạnh, Chánh nghiệp theo sự dạy bảo của Nhị Tổ Thiện Đạo (Xin xem phần 5, Chuyên tu Chánh hạnh, trang 75).

27- Hỏi: Có cần lần chuỗi để niệm Phật không?

Đáp: Mục đích lần chuỗi là để:

- Cột tâm ý vào hạt chuỗi, không cho khởi vọng niệm, vọng tưởng.

- Đếm được số câu niệm Phật, cố niệm cho đủ số đã ấn định, tránh lười biếng giải đãi.

Vậy lần chuỗi rất cần cho những vị mới tập niệm Phật. Nhưng nếu không khéo, niệm lâu thành thói quen (tập khí) thì miệng niệm, tay lần chuỗi mà ý tự do phóng túng nghĩ tưởng lung tung đủ thứ, hoặc vì muốn cho đủ số, cố gắng niệm quá nhanh, miệng niệm lia lịa, tay lần chuỗi liên tù tì, mà tâm không bắt kịp tiếng. Trường hợp này miệng niệm Phật, tay lần chuỗi mà tâm không có Phật, gọi là hữu khẩu vô tâm. Tổ Đức Nhuận bảo: “Niệm như vậy cho bề cưỡng hòng cũng hoàn không”. Nghĩa là vô ích. Vậy lần chuỗi phải chân thật, tránh làm lấy lệ, biểu diễn. Mặt khác, ý theo dõi đếm số là bị phân tâm. Tay lần chuỗi, làm thân động, thân động thì tâm động theo (không an định). Vì những lý lẽ trên, hành giả niệm Phật lâu rồi không cần dùng chuỗi. Nếu muốn tính số câu

Phật hiệu đã niệm thì tốt hơn nên dùng đồng hồ tính thời gian đã niệm.

28- Hỏi: Kinh Quán Vô Lượng Thọ dạy tu Tam Phước. Phước thứ ba là Phát Bồ Đề tâm. Vậy làm sao Phát Bồ Đề tâm?

Đáp: Bồ Đề là tên khác của quả vị Phật. Bồ Đề tâm là tâm làm Phật. Phát Bồ Đề tâm là phát khởi cái tâm trên cầu thành Phật đạo, dưới giáo hóa chúng sanh (thượng cầu hạ hóa). Đây là Bồ Đề tâm nguyện.

Có một số ít chùa thực hiện lễ Phát Bồ Đề tâm theo nghi thức đặc biệt.

- Tịnh Độ tông Thập nhất Tổ Tĩnh Am đại sư dạy: “Tướng trạng Bồ Đề tâm có tám loại, đó là: chánh, tà, chân, ngụy, đại, tiểu, thiên viên”. Nên đọc Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn.

- Tịnh Độ tông cửu Tổ Ngẫu Ích đại sư dạy: “Người niệm Phật A Di Đà cầu nguyện vãng sanh Cực Lạc để thành Phật cứu độ hết thảy chúng sanh. Đó là đương nhiên đã phát Bồ Đề tâm rồi.

29- Hỏi: Bồ Đề tâm hạnh là sao?

Đáp: Bồ Đề tâm hạnh là những thiện hạnh nhằm mục đích thành Phật độ chúng sanh.

Nó rộng lớn bao trùm lục độ vạn hạnh của Bồ Tát. Hành giả tu 52 giai vị Bồ Tát (Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu

Giác) đều tu Bồ Đề tâm hạnh để thành Phật. Niệm Phật là hạnh chánh của Bồ Đề tâm hạnh.

30- Hỏi: *Người ăn thịt mà niệm Phật và người ăn chay mà không niệm Phật, ai hơn ai?*

Đáp: Người niệm Phật hơn người kia.

31- Hỏi: *Công danh, sự nghiệp tột đỉnh. Giàu sang phú quý nhất đời. Đài sen chín phẩm ở Cực Lạc. Nên chọn cái nào?*

Đáp: Người xưa nói: “Công danh cái thế, màn sương sớm. Phú quý kinh nhân, giấc mộng dài”. Tạm dịch: “công danh tột đỉnh trên đời này cũng chỉ là màn sương sớm mai (mặt trời mọc, sương tan tức khắc). Giàu sang đến nỗi người phải kinh sợ cũng chỉ là giấc mộng dài mà thôi (giả không thật, không dài lâu). Đài sen chín phẩm (vãng sanh Cực Lạc) là chuyển phàm thành Thánh, tu hành không thôi chuyển, một đời thành Phật. Chọn cái nào, tùy ở quý vị quyết định.

32- Hỏi: *Hạnh khởi giải tuyệt là thế nào?*

Đáp: Bắt đầu công phu phải buông bỏ mọi kiến giải (hiểu biết), kể cả kiến giải Tịnh Độ. Ví như, dù là tảng đá hay cục vàng, (kiến giải Tịnh Độ) cũng vẫn che ngăn sức chiếu soi của gương sáng (Phật tánh, Đại Viên Cảnh trí).

33- Hỏi: *Người chuyên tu Tịnh Độ có nên đọc thêm nhiều kinh sách hay nghe băng thuyết pháp để mở rộng thêm kiến thức không?*

Đáp: Hành giả chuyên tu Tịnh Độ chỉ cần học hiểu, nắm vững phương pháp hành trì là đủ rồi. Điều quan yếu là dũng mãnh tinh tấn hành trì đạt tối thiểu là Bất Niệm Tự Niệm, để bảo đảm vãng sanh. Nên dùng hết thời gian học hỏi, mở rộng kiến thức để hành trì, niệm Phật chứng đạt sở nguyện bảo đảm vãng sanh vẫn tốt hơn. Trong Niệm Phật Tông Yếu, Pháp Nhiên thượng nhơn bảo: “Tu Tịnh Độ môn thì trở lại ngu si để vãng sanh”. (Câu đáp 87 trang 201).

Pháp sư Tịnh Không nói: “Đối với những người đầy đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên, họ chẳng có hoài nghi, công phu chẳng xen tạp thì chuyên niệm Phật là đủ rồi, nghe giảng kinh có ích gì? (Nghĩa là không cần nghe giảng kinh nữa)”. (Ý nghĩa chân thật của Bốn Nguyên Niệm Phật trang 80).

Chúng ta thấy trong “vãng sanh luận” và “Tịnh độ thánh hiền lục”, từ xưa đến nay có người cho đến một bộ kinh cũng không biết, trọn đời chỉ niệm câu A Di Đà Phật, họ cũng đã đứng vãng sanh hoặc ngồi mà vãng sanh. (Điển hình nhất là học trò của Đệ Nhàn pháp sư, dốt không học gì cả chỉ chuyên niệm Phật A Di Đà, ba năm sau, đứng mà vãng sanh).

Liên Trì Cảnh Sách dạy: “Học hết tất cả học vấn thế gian không bằng không biết một chữ, chuyên niệm một câu Nam Mô A Di Đà Phật”.

Nên nhớ:

- Thế trí biện thông là một trong tám nạn.

- Đa văn như Ngài A Nan vẫn thọ nạn sắc dục bởi Ma Đăng Già.

- Đùng cây vào một ít học thức, địa vị thế gian, học được một ít kinh điển Đại Thừa, chấp chặt vào danh từ ngôn ngữ ấy, tự cho mình là giỏi hơn mọi người, rồi đàm huyên luận điệu với bạn đạo và quý Thầy, Sư cô, khởi tâm cống cao ngạo mạn, lên mặt chê bai chỉ trích Tăng, Ni thất học, ngu dốt... Thật là tội lỗi vô cùng! Tệ hại hơn, là Sở tri chướng này sẽ tự làm chướng ngại, ngăn chặn đường tiến tu của mình. Vì vậy chư Tổ dạy: “Hạnh giải phải tương ứng”. Hiểu biết như vậy, Minh Tuệ tự nhủ và hôm nay cũng khuyên quý vị, hãy bắt chước ngu phu, ngu phụ lão thật niệm Phật, hầu được vãng sanh Cực Lạc, để được “tận mắt gặp Di Đà, lo gì không khai ngộ”.

- **Minh tâm kiến tánh không phải do học rộng hiểu nhiều, mà do hành trì chứng đắc.**

34- Hỏi: Hành giả chuyên tu Tịnh Độ khi lâm bệnh có cần niệm Phật Dược Sư hay tụng kinh Dược Sư để trị bệnh không?

Đáp: Kinh *Vô Lượng Thọ* nói Phật A Di Đà là vua trong các vị Phật (Phật trung chi Vương). Vậy thì Phật Dược Sư trị lành bệnh, chẳng lẽ Phật A Di Đà trị bệnh không được sao?

Vả lại nếu niệm Phật Dược Sư, tụng kinh *Dược Sư* là tạp tu, bị xen tạp và bị gián đoạn rồi.

Vậy thì niệm Phật A Di Đà, nhất cử không những lưỡng tiện mà là vạn tiện (được lành bệnh, lại thêm được vãng sanh Cực Lạc).

35- Hỏi: Một người suốt đời làm ác, phút lâm chung niệm A Di Đà Phật, có được vãng sanh không?

Đáp: Được vãng sanh vì đáp ứng đúng đại nguyện của Đức Phật A Di Đà, nhưng thử hỏi có mấy ai niệm được? Thiên, thiên nan, vạn, vạn nan, ức, ức, ức, người chưa từng có một. Hành giả tu Tịnh nghiệp yếu, chưa đạt Bất Niệm Tự Niệm, còn chưa bảo đảm vãng sanh (như đã nói ở phần 3). Ké đến, người thiện mà chưa tu Tịnh Độ, giờ phút lâm chung cũng không tài nào niệm Phật được. Huống hồ gì người suốt đời làm ác.

36- Hỏi: Tổ thứ chín Ngẫu Ích đại sư dạy: “Vãng sanh hay không là do có Tín, Nguyện hay không. Còn phẩm vị cao hay thấp là do công phu sâu hay cạn”. Vậy thì hành giả chỉ có Tín, Nguyện mà không có Hạnh được bảo đảm vãng sanh hay không?

Đáp: Tín và Nguyện, Tổ dạy đây là Tin sâu, Nguyện thiết. Có tin mới có nguyện, nguyện mà không hành là nguyện suông (không tha thiết), coi như không có nguyện, nên không vãng sanh.

Ví như, quý vị ở Mỹ lâu năm, nhớ cha mẹ hay con cháu ở Việt Nam, khát khao, ao ước, muốn (nguyện) về Việt Nam, nhưng chỉ muốn suông, không có thông hành, không có chiếu khán, lại không mua vé máy bay hay vé tàu đê đi về, thì thử hỏi quý vị có được về Việt Nam hay

không? Vãng sanh Cực Lạc cũng không ngoài nguyên lý này. Tín, Nguyện, Hạnh là ba chân của cái đảnh, thiếu một, đảnh sẽ ngã.

Nói rõ hơn, có Tín sâu, mới Nguyện thiết, có Nguyện thiết mới có Hạnh chuyên, Hạnh bền và ngược lại, nghĩa là ba thứ này tác động hỗ tương lẫn nhau, đồng tiến, đồng thoái, đồng diệt.

Kinh nghiệm bản thân cho thấy, khi hành càng chuyên, hành càng bền, nhất là đạt Bất Niệm Tự Niệm, thì Tín và Nguyện càng sâu, càng thiết tha hơn.

37- Hỏi: Hành giả có Hạnh (niệm Phật A Di Đà đạt Bất Niệm Tự Niệm) mà không có Tín, Nguyện có được bảo đảm vãng sanh hay không?

Đáp: Hành giả không có Tín, Nguyện khó mà đạt Bất Niệm Tự Niệm, dù cho có đạt cũng không được vãng sanh. Vì lẽ đương nhiên không có cầu, không có cảm, làm sao có ứng?

Cổ Đức đã từng dạy: “Dù cho niệm Phật vững như tường đồng vách sắt, mưa tạt không vào, gió thổi không lọt, như thế cũng không được vãng sanh”, vì thiếu cảm ứng. Tín, Nguyện, Hạnh là ba món tư lương của Tịnh Độ Tông, chúng tương quan mật thiết với nhau, tác động hỗ tương lẫn nhau, cộng sinh, cộng tồn, thiếu một không phải là hành giả Tịnh nghiệp. Bởi vậy người niệm Phật mà không có Tín, Nguyện thì không phải là hành giả Tịnh Độ, không thuộc Tịnh Độ tông. Ví như cái đảnh có ba chân thiếu một, đảnh sẽ ngã.

38- Hỏi: Người tu tịnh nghiệp phải đến trình độ nào mới được vãng sanh theo ý muốn.

Đáp: Hành giả tịnh độ phải đạt lý niệm Phật tam muội (lý nhất tâm bất loạn), chứng vô sanh pháp nhẫn (chứng được thực tính bất sanh bất diệt của vạn pháp) mới được vãng sanh về Tịnh độ trong mười phương theo ý muốn.

39- Hỏi: Người tu tịnh độ trước khi chết có những điềm lành gì không?

Đáp: Khảo cứu di tích vãng sanh của các bậc Thánh Hiền xưa nay, ta biết có 10 thoại ứng sau:

1- Nhất tâm bất loạn: tâm niệm được chăm chú vào một cảnh.

2- Biết trước thời chết đã đến.

3- Tịnh niệm không mất, tức là tâm niệm chỉ ưa cõi tịnh độ và quyết chí bỏ cõi Ta bà.

4- Biết trước mà lo tắm rửa và thay quần áo.

5- Tự mình hay niệm Phật hoặc niệm có tiếng hay niệm thầm.

6- Ngồi ngay thẳng hoặc đứng và chấp tay mà ra đi.

7- Có mùi thơm lạ khắp nhà.

8- Có hào quang sáng soi vào thân thể.

9- Nhạc trời trời giữa hư không.

10- Tự nói ra bài kệ để khuyên đồ chúng (đệ tử).

Nếu có đủ mười điều tốt trên đây chắc chắn vãng sanh ở phẩm vị cao. Chỉ có một vài điều tốt thôi cũng được vãng sanh.

40- Hỏi: Điểm nóng trên thân thể người chết là sao?

Đáp: Thân thể người chết từ từ lạnh, thần thức sẽ xuất ra khỏi thân thể ở nơi điểm nóng cuối cùng. Kinh dạy: Nếu thần thức xuất ra ở:

- Lòng bàn chân sẽ sanh vào Địa ngục.
- Đầu gối sẽ sanh cõi súc sanh.
- Bụng sẽ sanh làm Ngạ quỷ.
- Ngực sẽ tái sanh làm người.
- Trán sẽ sanh lên cõi Trời
- Đỉnh đầu sẽ vãng sanh về Tịnh độ.

41- Hỏi: Có cách nào chuyển đổi nơi nóng không?

Đáp: Có. Nếu nhận thấy trên đầu, mặt, trán **lạnh trước**, còn ngực, bụng, đầu gối và các chỗ khác hãy **còn ấm**, thì biết nghiệp thức (thần thức) của vong nhân (người chết) còn ở chỗ đang ấm, phải tiếp tục niệm Phật để hộ niệm. Mặt khác phải mời người dùng **pháp vận chưởng**, để giúp cho nghiệp thức vong nhân từ nơi chỗ ấm đó mà đi dần lên đến đỉnh đầu và xuất ra từ nơi này để được vãng sanh Cực Lạc.

42- Hỏi: Pháp chuyển đổi nơi nóng thực hiện như thế nào?

Đáp: Gọi là pháp vận chưởng (cũng gọi là pháp cứu độ trung ấm thân) được thực hiện như sau:

Dùng hai tay (hai bàn tay úp hờ trên chỗ ấm, không được đụng đến thân, phải cách thân độ nửa tấc) ngang nhau mà vận chuyển lần **từ chỗ ấm ngược lên đỉnh đầu**.

Qua hai mắt, tập trung **thần lực** mình vào hai tay và **thâm tưởng** nghiệp lực của vong nhân phải theo tay mình mà trở lên đỉnh đầu để xuất ra từ nơi này.

Khi đó miệng **thâm khấn** rằng: “Nam Mô đại từ đại bi A Di Đà Phật, kính xin Ngài đến **tiếp dẫn** hương linh pháp danh... vãng sanh Cực Lạc Quốc”. Phải luôn luôn vận chuyển hai tay đồng thời khấn vái như thế và niệm danh hiệu A Di Đà **không gián đoạn**.

43- Hỏi: Phải vận chưởng như vậy bao lâu?

Đáp: Phải thực hiện cho đến khi khắp các chỗ trong thân **đều lạnh hết, chỉ còn lưu lại một chút hơi ấm trên đỉnh đầu** mới thôi, có thể từ ba giờ đến một ngày, nếu mỗi mệc có thể luân phiên nhau thực hiện liên tục không gián đoạn, chớ nên ngưng nghỉ nửa chừng.

Người khai thị, hộ niệm, chú nguyện và vận chưởng là hành giả Tịnh độ công phu đặc lực càng sâu càng tốt.

44- Hỏi: Trung âm thân là gì?

Đáp: Thân người đã chết, giữa khoảng đã chết và chưa sinh, trong vòng bốn mươi chín ngày, có cái thân gọi là thân trung âm (cũng gọi là trung hữu). Ngoại trừ những người có cực trọng nghiệp dù thiện hay ác, đều tức khắc tái sanh kiếp sau ngay sau khi chết (không có trung âm thân). Tuy nhiên, không tuyệt đối như vậy, có những trường hợp cá biệt, trung âm thân vẫn còn sau bốn mươi chín ngày.

45- Hỏi: Chư Phật, Bồ Tát lấy tâm đại bi làm sự nghiệp, đáng lẽ phải ở cõi xấu ác để cứu khổ chúng sanh. Tại sao lại nguyện sanh về Tịnh độ, chỉ vì lợi ích của riêng mình?

Đáp: Chúng ta nguyện sanh về Tịnh độ đâu chỉ vì lợi ích cho riêng mình, bởi lẽ không sanh về đó thì khó mà cứu khổ chúng sanh. Kinh nói: “Bồ Tát đã được Vô sanh pháp nhẫn (thấu rõ lý không sanh không diệt) mới được cho phép vào cõi thế tục hóa độ chúng sanh. Nếu không được vậy phải thường không rời Phật”. Bởi vì tập khí mê lầm chưa dứt, nhẫn lực chưa đầy đủ, nếu gặp duyên ác chắc chắn bị trở ngại việc tiến tu, tự cứu mình còn khó khăn huống gì cứu giúp kẻ khác?

Nếu ở cõi xấu ác này lại muốn cứu độ người khác, giống như chiếc thuyền không toàn vẹn, không chắc chắn mà muốn đưa nhiều người qua biển cả, thì mình người đều sẽ bị chìm đắm oan uổng. Thế nên luận Trí độ nói: “Kẻ phạm phu đủ mọi sự ràng buộc mà có lòng đại bi

nguyện sanh về thế giới xấu ác cứu độ chúng sanh, thật không có điều đó”.

Luận Vãng Sanh nói: “Người muốn dạo chơi nơi địa ngục, phải vãng sanh Cực Lạc chứng Vô sanh pháp nhẫn, rồi mới trở lại trong sanh tử giáo hóa chúng sanh chịu khổ nơi địa ngục”.

46- Hỏi: Người tử ngộ Tông môn không trải qua thứ bậc vượt lên địa vị Phật, cần gì nguyện sanh về Tịnh độ?

Đáp: Ông bảo rằng người tử ngộ thì tập khí mê lầm dứt hẳn, nhanh chóng đồng về với chư Phật sao? Hay là tập khí mê lầm còn thì vẫn phải nhờ tiệm tu?

Nếu tập khí mê lầm còn, cần phải cầu sanh về Tịnh độ, nhờ duyên thù thắng ở cõi đó dần dần gạn lọc. Nếu cứ lưu chuyên trong cõi ngũ trược ác thế với sự giải ngộ cạn cợt, qua đời sau liền mờ mịt, như thế làm sao bảo đảm không lui sụt!

Như các Ngài Thừa Thiên Gián, Chân Như Triết, Hải Ấn Tín... thưở xưa đều là những bậc minh triết trong Tông môn mà không có chút tự chủ đối với việc sanh tử. Huông gì như đồng tử Thiện Tài là hạng căn cơ viên đốn, Bồ Tát Vĩnh Minh Tổ thứ 12 Thiên, Bồ Tát Long Thọ Tổ thứ 14 Thiên còn nguyện vãng sanh Tịnh độ.

Sự tử ngộ của Ông có ngang bằng Ngài Thiện Tài, Tổ sư Vĩnh Minh, Tổ sư Long Thọ hay chăng?

Giả sử, bảo rằng có thể ngang bằng với các Ngài thì ngại gì chẳng cùng sanh về Tịnh độ. Nếu chưa được vậy, đâu thể chậm trễ cầu vãng sanh.

47- Hỏi: “*Tâm vốn lià niệm, pháp vốn không sanh*”. Nay dạy người niệm Phật cầu sanh Tịnh độ là tại sao?

Đáp: “Cho niệm là niệm, cho sanh là sanh” là sự sai lầm của chấp thường.

“Cho vô niệm là vô niệm, cho vô sanh là vô sanh” là mê lầm của tà kiến”.

Phải hiểu “Niệm mà vô niệm, sanh mà không sanh” là chân lý đệ nhất nghĩa.

Thế nên, chỗ lý chân thật chẳng nhận mảy trần, thì không có chur Phật để niệm, không có Tịnh độ để sanh.

Trong cửa Phật, sự không bỏ một pháp thì đều thâm nhiếp được các căn. Bởi có phương pháp chánh yếu “trở về nguồn” đó là mở ra một môn vãng sanh niệm Phật tam muội.

Vì thế, trọn ngày niệm Phật mà không trái với vô niệm, rõ ràng vãng sanh mà chẳng trái ngược vô sanh. Tuy nói phạm thánh đều ở nơi vị trí của mình, nhưng đạo cảm ứng qua lại, Đông Tây không đến đi, mà thần thức vượt lên cõi Tịnh. Điều này không thể không hiểu.

48- Hỏi: *Chúng sanh có thể niệm danh hiệu của các đức Phật khác, có thể cầu sanh về các cõi Tịnh độ*

khác. Cần gì riêng niệm đức Phật A Di Đà cầu sanh về Cực Lạc?

Đáp: Ở đây có sáu nghĩa:

- Một là vì tâm chúng sanh phân nhiều vẫn đục tán loạn, niệm khắp cả chư Phật khó thành tựu tam muội, nên chỉ chuyên niệm một đức Phật cầu sanh một cõi nước, khiến cho tâm ý buộc vào một cảnh dễ thành tựu vãng sanh.

- Hai là vì đại nguyện từ bi của Phật A Di Đà vô tận, tiếp dẫn những chúng sanh niệm Phật, cho đến mười niệm cũng được vãng sanh. Còn các đức Phật khác không có điều đó.

- Ba là vì cõi Cực Lạc công đức trang nghiêm đủ mọi thù thắng, khác với những cõi Tịnh độ khác. Chúng sanh được sanh về dễ tiến đạo hơn.

- Bốn là vì phàm phu không có trí tuệ, nên y theo lời Phật cõi Cực Lạc Tịnh độ này đã được đức Phật Thích Ca khẳng định và lập đi lập lại khắp trong các kinh điển. Chư Phật nhiều như cát sông Hằng thấy đều khen ngợi.

- Năm là nếu những chúng sanh nào không có duyên với Phật, Phật không thể độ. Còn chúng sanh ở cõi này, chẳng luận già trẻ, sang hèn đều biết có Phật A Di Đà, bất chợt thốt ra đều niệm một câu A Di Đà Phật. Thế nên biết, chúng sanh ở cõi này có nhân duyên lớn với Phật A Di Đà.

- Sáu là thể tánh của tất cả chư Phật đồng nhau. Một là tất cả, tất cả là một, niệm một đức Phật là niệm tất cả chư Phật.

Mặt khác Phật A Di Đà là Pháp giới tạng thân, nên niệm A Di Đà Phật là niệm tất cả chư Phật.

Do đó, nên chỉ chuyên niệm A Di Đà Phật nguyện sanh về Cực Lạc thì sự lợi ích vô cùng to lớn!

49- Hỏi: Phân chia Tịnh độ, Uế độ, bỏ uế lấy tịnh đều thuộc vọng tưởng, đâu đáng gọi là chân tu?

Đáp: Đó chẳng phải sự lấy bỏ trong vọng tưởng của phàm phu, mà chính là phương pháp chung của chư Phật trong mười phương để chuyển phàm thành Thánh.

Nếu chẳng nhàm chán rời bỏ, làm sao chuyển phàm? Nếu chẳng ưa thích chọn lấy, làm sao thành Thánh? Từ phàm **phu** trở lên, mỗi địa vị đều có sự lấy bỏ, mãi đến bậc Diệu giác mới hết lấy bỏ. Thế nên bậc cao đức thuở xưa nói: “Chỗ tốt cùng của lấy bỏ và không lấy bỏ chẳng khác nhau”. Như thế, sao có thể gọi là chẳng phải chân tu?

Vả lại, nên biết chân tục không hai, lặng lẽ, tác dụng vô ngại, thì trọn ngày lấy bỏ mà chẳng thấy có tướng lấy bỏ.

Ngài Tịnh Danh nói: “Tuy biết pháp của chư Phật cùng chúng sanh rộng không mà thường tu Tịnh độ giáo hóa chúng sanh”, đó là nói về ý này.

50- Hỏi: Tâm chính là Phật, thì quán xét ngay nơi tâm mình là được, cần gì niệm Phật nào khác?

Đáp: Tâm mình cùng với chư Phật đồng một thể, thì quán xét tâm mình hay quán xét đức Phật khác chỉ tùy theo tiện lợi ở căn cơ. Lẽ nào lại chấp tâm mình là Phật, bảo rằng đức Phật khác ở ngoài tâm hay sao? Vả lại, niệm đức Phật khác là một phương tiện thù thắng của chư Phật, khiến cho được vãng sanh cõi nước kia, nhờ tha lực mau đến Bồ đề.

Sự lợi ích ấy rất to lớn!

51- Hỏi: Tịnh độ ở nơi tâm, cần gì cầu sanh Cực Lạc?

Đáp: Ông nói Tịnh độ ở nơi tâm là đã chấp vào cái tâm nhỏ bé này làm Tịnh độ, mà Cực Lạc thì xa xôi ở ngoài mười muôn ức cõi Phật. Như thế, hoàn toàn không biết ý chỉ của duy tâm.

Bảo rằng, duy tâm nghĩa là tâm bao trùm hư không, lượng khắp pháp giới. Tùy tâm thanh tịnh thì biểu hiện cõi thanh tịnh, tâm uế trược thì biểu hiện uế trược. Thế nên biết, người vãng sanh Cực Lạc chính bởi tâm thanh tịnh nên biểu hiện thanh tịnh, lẽ nào ở ngoài tâm?

Nếu tâm hạn cuộc nơi nhỏ bé rồi cho đó là Tịnh độ, thì chẳng những Cực Lạc không ở trong tâm mà Ta bà cũng chẳng ở trong tâm, chẳng những Cực Lạc chẳng nên vãng sanh, mà Ta bà cũng chẳng nên sanh vào.

Nếu như nói rằng có sanh thì đem cái gì sanh, rồi sau đó mới thành duy tâm?

Nếu nói rằng không sanh, đã rơi vào kiến chấp đoạn diệt. Đó là cái thấy của ngoại đạo, lý luận của Ma Ba Tuần.

52- Hỏi: Có người bảo rằng: “Ta chỉ tự thanh tịnh tâm mình thì tự nhiên vãng sanh Tịnh độ, cần gì niệm Phật cầu vãng sanh?”

Đáp: Đã không niệm Phật, không có nhân duyên Tịnh độ. Chỉ muốn ở nơi uế trước này tự thanh tịnh tâm mình, đây là điều Bồ Tát Long Thọ gọi là “Khó hành đạo”. Bởi vì cõi này cảnh duyên uế trước tạp loạn, nhiều chướng ngại đối với sự tu hành, mười người tiến, mười một người lùi, xoay vần trong sáu nẻo, trải qua số kiếp nhiều như cát bụi vẫn còn vướng mắc trong sanh tử. Cần phải đoạn hết kiến hoặc, tư hoặc mới ra khỏi ba cõi. Chúng đắc Thất trụ (Bất thối trụ: đạo tâm tăng trưởng không còn lui sụt) mới gọi là bất thối, mà còn chưa có phần vãng sanh Tịnh độ, sao lại nói là “tâm tịnh thì cõi tịnh”. Như thế không phải là rất khó khăn hay sao?

53- Hỏi: Kẻ phàm phu chịu đủ mọi ràng buộc, tuy có niệm Phật, tham sân chưa dừng, tâm thật sự chẳng thanh tịnh thì làm sao vãng sanh?”

Đáp: Đó là nhờ vào lực của Phật A Di Đà tiếp dẫn. Kinh *Na Tiên* nói: “Ví như có người muốn chuyên chở cả ngàn khối đá lớn qua biển cả, đều nhờ sức mạnh của thuyền nên đến được bờ bên kia”.

Tội lỗi của chúng ta cũng như tảng đá to lớn, nguyện lực của Phật A Di Đà cũng giống như chiếc thuyền, nên có thể vượt qua được biên sanh tử. Tội vốn phải đọa nhưng nhờ nương Phật lực mà được vãng sanh.

Hơn nữa, người còn mang nghiệp được vãng sanh, lúc sắp mạng chung cần phải giữ chánh niệm vững chắc. Một niệm từ tâm thanh tịnh này còn nhanh chóng hiện ra cõi tịnh, huống gì có công phu niệm Phật nhiều ngày!

54- Hỏi: Những người tạo năm tội nghịch, mười nghiệp ác, chỉ niệm mười câu Phật hiệu được vãng sanh, điều này thật khó tin.

Đáp: Nói chung một niệm lúc lâm chung rất quan trọng. Kinh nói: “Có người đàn bà qua sông, lỡ tay làm rơi đứa con xuống nước, vì lo cứu vớt con nên nước cuốn chết đuối. Do có niệm lành thương con nên được sanh lên cõi Trời”.

Tỳ kheo Vô Văn lúc lâm chung, vì khởi một niệm ác hủy báng Phật, bèn bị đọa vào địa ngục.

Thiên đàng hay địa ngục chỉ ở trong một niệm, còn có thể chuyển đổi. Thế thì mười niệm được vãng sanh Tịnh độ còn nghi ngờ gì nữa? Huống chi trong những lời phát nguyện, đức Phật A Di Đà có nói: “Chúng sanh xưng danh hiệu tôi cho đến mười niệm, nếu không được vãng sanh về cõi nước tôi, tôi không thành Chánh giác”.

Nguyện lực kiên cố, tâm niệm đồng mãnh. Bên này cảm, bên kia ứng, nhanh như hình với bóng, âm thanh với tiếng vang. Như thế nghi ngờ gì nữa!

55- Hỏi: “Kinh nói niệm một câu Phật hiệu trừ tội nặng của sự sanh tử trong tám mươi ức kiếp”. Điều này thật khó tin?

Đáp: Lời này phát xuất từ chương Hạ phẩm Hạ sanh nói về người thành tựu mười niệm lúc lâm chung. Ông nghi ngờ tội nặng của sanh tử trong tám mươi ức kiếp là quan trọng, lại xem thường một niệm lúc lâm chung.

Nay y vào ba pháp của tông Thiên Thai mà suy xét thì chưa có thể lấy xa gần, nhiều ít để bàn luận khinh và trọng.

-Một là ở nơi tâm: nghĩa là tâm tạo tội từ hư vọng điên đảo mà sinh khởi, tâm niệm Phật từ việc được nghe bậc thiện trí thức nói về danh hiệu và công đức chân thật của Phật A Di Đà mà phát sinh.

Một bên giả dối, một bên chân thật, đâu thể so sánh với nhau được. Ví như căn nhà tối muôn năm, ánh sáng mặt trời vừa soi đến, tối tắt nhanh chóng tiêu tan. Lẽ nào do tối đã lâu ngày nên không thể tan biến ngay được?

-Hai là nơi duyên: nghĩa là tâm si mê hư vọng tạo tội, do duyên theo cảnh giả dối điên đảo mà phát sinh, tâm niệm Phật là do nghe danh hiệu và công đức chân thật thanh tịnh của Phật, duyên nơi tâm giác ngộ vô thượng mà phát sinh.

Một bên thật một bên giả, đâu có thể so sánh với nhau được. Ví như có người bị trúng tên độc, mũi tên cắm sâu, chất độc ngấm vào tổn hại da thịt, nhưng một khi

nghe âm thanh của tiếng trống được thoa thuốc giải độc thì mũi tên bị đẩy ra, chất độc được giải trừ.

-Ba là ở nơi sự quyết định: nghĩa là lúc tạo tội do có tâm gián đoạn và tâm hồi hận về sau, còn khi niệm Phật không có hai tâm đó, nên lúc xả bỏ sinh mạng do tâm lành mạnh mẽ liền được vãng sanh. Ví như sợi dây rất to, cả ngàn người bứt không đứt, nhưng đứa bé chỉ cần vung gươm bén mà chém, thì trong khoảnh khắc liền đứt thành hai đoạn.

Ba sự lượng xét trên, hoàn toàn nhìn từ khía cạnh tâm hay niệm mà bàn luận. Có thể thấy rõ ràng tự tâm vốn đã có đầy đủ sức mạnh diệt trừ tội lỗi, chẳng thể nghĩ bàn.

Huống chi danh hiệu được niệm chính là Phật A Di Đà, bậc thành tựu muôn vàn đức hạnh. Do đại nguyện nhiếp trì, công năng ấy đâu thể nghĩ bàn cho được. Ví như có người lấy gân sư tử để làm dây đàn, một khi khảy đàn thì tất cả dây đàn khác đồng thời đứt đoạn. Lại như có người lấy các loại sữa trâu, dê, lừa, ngựa để vào thùng rồi cho vào một giọt sữa sư tử, tất cả loại sữa khác đều trở thành nước.

Nay xưng danh hiệu Phật, lẽ nào tội nặng của sự sanh tử trong tám mươi ức kiếp lại không tiêu diệt?

56- Hỏi: còn mang nghiệp được vãng sanh, điều đó tôi có thể tin. Nhưng vì sao được không thối chuyển?

Đáp: Điều này có năm nhân duyên khiến người vãng sanh được không thối chuyển:

1. Do nguyên lực của Phật A Di Đà thường thu nhiếp giữ gìn.

2. Do quang minh của Phật luôn soi chiếu, tâm Bồ đề thường tăng trưởng.

3. Nước, chim, cây, gió reo, nhạc tấu đều thuyết giáo nghĩa khổ, không. Người nghe những pháp ấy thường khởi lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

4. Cõi nước Cực Lạc toàn là Bồ Tát làm bạn lành, không có cảnh duyên xấu ác, không có quỷ thần, tà ma, các thứ phiền não tam độc... hoàn toàn không sinh khởi.

5. Do sống lâu mãi mãi đồng với chư Phật, Bồ Tát.

57- Hỏi: *Người đời đều nghi ngờ cõi Cực Lạc ở xa ngoài mười muôn ức cõi nước, lúc lâm chung chỉ trong khoảnh khắc e khó đến được. Làm sao hiểu được điều này?*

Đáp: Tâm bao thái hư, lượng trùm khắp pháp giới thì mười muôn ức cõi nước chỉ ở trong tâm ta, nào có xa xôi gì? Khoảnh khắc mạng chung sinh trong tâm ta, nào có khó khăn gì?

Và lại, gọi mười muôn cõi nước là đối với cái nhìn của phàm phu, tâm lượng trong sanh tử mà nói. Nếu chúng sanh thành tựu tịnh nghiệp, lúc lâm chung tâm an định tức là tâm thọ sanh Tịnh độ, vừa khởi niệm liền được vãng sanh. Thế nên Tự Tín Lực nói: “Mười muôn ức cõi nước chỉ trong khoảnh khắc liền đến, vì tự tâm vốn diệu huyền vậy”!

58- Hỏi: *Lúc lâm chung mười câu Phật hiệu đã có thể vãng sanh, thế thì chúng tôi cứ lo việc khác, chờ lúc lâm chung niệm mười câu. Điều đó thế nào?*

Đáp: Lúc lâm chung niệm mười câu Phật hiệu không phải là dễ (xin hãy đọc Phần III: lý do không vãng sanh).

Vậy muốn lúc lâm chung niệm đủ mười câu Phật hiệu để được vãng sanh, ngay hiện đời phải tập niệm Phật cho thành thói quen. Giờ phút lâm chung bệnh khổ bức bách, tình cảm rối ren, không thành thói quen khó mà niệm Phật được, gọi là gieo hạt giống niệm Phật cho lớn mạnh, chín mùi (thâm nhập nhất môn, trường kỳ huân tu), giờ phút ấy chúng mới khởi hiện hành (niệm Phật).

Mặt khác điều tối quan trọng là người tu Tịnh nghiệp phải có đủ ba món tư lương là Tín, Nguyện và Hạnh mới được vãng sanh (hãy đọc Phần II - Tư Lương Tịnh độ).

59- Hỏi: *Niệm Phật được vãng sanh Cực Lạc là việc đời sau. Không biết hiện đời có lợi ích gì không?*

Đáp: Danh hiệu A Di Đà Phật là vạn đức hồng danh, nên xưng Thánh hiệu này có vô lượng công đức cho đời quá khứ, hiện tại và vị lai (kính xin hãy đọc lại Phần IV, lợi ích của sự niệm Phật). Niệm một câu A Di Đà Phật sẽ diệt được tám mươi ức kiếp trọng tội sanh tử (quá khứ), hưởng được tám mươi ức kiếp công đức vi diệu (hiện tại và vị lai), hiện đời được trường thọ.

60- Hỏi: Kinh nói: “Người sanh về Trời Đâu Suất, theo Bồ tát Di Lạc sanh xuống ba hội, tự nhiên được đạo quả”. Vậy cần gì phải bỏ Đâu Suất gần mà cầu Cực Lạc nơi xa xôi?

Đáp: Ông cho rằng Đâu Suất gần, Cực Lạc xa. Đó chỉ là dùng nhục nhãn và tâm lượng phàm phu mà nói thôi.

Cả ba cõi Ta Bà, Đâu Suất, Cực Lạc đều ở trong một tâm. Tâm không có phân biệt kia đây, sao bảo rằng Đâu Suất gần còn Cực Lạc xa? Và lại, nếu so sánh giữa Đâu Suất và Cực Lạc thì có mười sự hơn kém khác nhau:

1. Cực Lạc mười niệm được vãng sanh, Đâu Suất cần phải đắc các Tam muội, vào sâu chánh định, nên người khó được sanh (điển hình Bồ Tát Sư Tử Giác chỉ được sanh ngoại viện không được gặp Bồ Tát Di Lạc để nhận sự giáo hóa).

2. Cực Lạc do nguyện lực đại bi của Phật A Di Đà tiếp dẫn, Đâu Suất Bồ Tát Di Lạc không có thế nguyện tiếp dẫn.

3. Cực Lạc do sức mạnh quang minh rộng lớn của Phật A Di Đà chiếu đến người tu hành trong mười phương thì thân tâm từ hoà, được đến sanh cõi ấy, ở Đâu Suất không có điều đó.

4. Phật A Di Đà thuyết pháp nhiều gấp mười lần các đức Phật khác, chúng sanh tùy theo chí nguyện đều vui thích, những pháp muốn nghe tự nhiên được nghe, ở Đâu Suất không có điều đó.

5. Cõi cực Lạc không có người nữ quấy rối chúng sinh, ở Đâu Suất Thiên nữ vi diệu, chư Thiên đam mê không thể tự cố gắng tu hành (Gương Bồ Tát Sư Tử Giác).

6. Người sanh về Cực Lạc đều được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, đầy đủ thần thông, ở Đâu Suất không có điều đó.

7. Người sanh về Cực Lạc tự nhiên hàng phục, diệt tiêu phiền não, liền lên bậc bất thối chuyển, ở Đâu Suất, Bồ Tát Di Lạc tuy hằng ngày thuyết pháp bất thối, giáo hóa chúng sanh, nhưng chưa hẳn được lên ngay bậc bất thối chuyển.

8. Người cầu sanh về Cực Lạc chỉ ngay trong đời này tiến thẳng đến đạo tràng, thành tựu đạo giác ngộ vô thượng, ở Đâu Suất theo Bồ Tát hạ sanh chưa hẳn đều chứng quả Thánh, huống gì đạo giác ngộ vô thượng.

9. Người sanh về Cực Lạc được tuổi thọ vô lượng ngang bằng với Phật, ở Đâu Suất không có điều đó.

10. Người sanh về Cực Lạc nếu muốn cúng dường chư Phật trong mười phương, thì các vật cúng dường tùy ý tự nhiên hiện ra trước mặt, trong khoảng khắc đến mười phương cúng dường chư Phật trong khoảng thời gian một bữa ăn liền trở về cõi nước của mình, ở Đâu Suất không có điều đó.

61- Hỏi: Người niệm Phật mới “nhập tâm”, để nuôi lớn mức nhập tâm nên quyết đóng cửa tịnh tu, cắt đứt mọi quan hệ bên ngoài như: không tiếp xúc bạn

đồng tu, không làm những Phật sự lật vật hằng ngày... Như vậy có lỗi là chấp pháp, ích kỷ, thiếu trí huệ không?

Đáp: Hành giả niệm Phật mới nhập tâm cần được tích cực huân trưởng mức nhập tâm để tiến lên Bất niệm tự niệm hầu bảo đảm vãng sanh. Có tự độ được mình mới mong độ được người khác chứ (tự độ để độ tha). Ví như không biết lội mà nhảy xuống sông vớt người chết đuối thì cả hai đều bị chết chìm là việc dĩ nhiên.

Đành rằng mình có chấp pháp mà không vị kỷ, và không phải thiếu trí huệ (mà là người đại trí).

Người xưa nói: “Trạch thiện cố chấp” nghĩa là chọn việc thiện rồi giữ vững việc thiện ấy. Mình còn non kém phải chấp pháp để tiến tu hầu độ đời.

62- Hỏi: Hành giả tịnh nghiệp tinh tấn niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc, mà hằng ngày bị người bạn đời ngăn cản, cản trở, gây khó khăn mọi điều, lại đốt phá kinh sách, hình tượng Phật. Vậy phải làm sao đây?

Đáp: Oan gia trái chủ đấy! Nghiệp chướng, nghiệp báo đấy! Ngoại khảo đấy!

Hiểu vậy hãy an nhiên tự tại, **mặc kệ họ**, không hờn trách oán hận ai hết (có chăng tự trách tiền kiếp mình quá dở), nhẫn nại chịu đựng, hoan hỷ trả nợ cho nhẹ gánh để công phu đắc lực hơn, cuối cùng vãng sanh.

Nên nhớ:

- **Tùy duyên nhưng bất biến**, Tùy duyên nghĩa là linh động, uyển chuyển hành trì sao cho thích ứng với hoàn cảnh. Bất biến nghĩa là không dễ bị chao đảo, tiến chứ không thoái (trọng thực chất hơn hình thức).

- Chư Tổ dạy: “Lấy chướng ngại làm duyên tiến đạo” biến nghịch cảnh làm động cơ thúc đẩy ta nguyện thiết, hành chuyên hơn.

- Kiên trì, dũng mãnh hành trì, chí thành hồi hướng công đức cho đời nọ.

- Chư Phật, chư Bồ Tát, Thiện Thần Hộ Pháp luôn hộ niệm ta, đây là sự thử thách, là cây thước đo đức tin, đạo lực của ta. Công phu càng khó khăn, thành tựu càng nhanh và càng vẻ vang ngoài mức tưởng tượng của mình.

Nói dễ làm khó, đây không phải là lý thuyết suông, đã có hai vị **thành công rồi**, còn hai vị đang thực hiện, chúng tôi vững tin rằng nếu làm đúng chỉ dẫn trên, **chắc chắn sẽ thành công**.

Kính chúc thành tựu như ý.

63- Hỏi: Nói rằng Tịnh độ môn là pháp môn cực viên đốn, thù thắng vi diệu vô thượng là thế nào?

Đáp: Là so với Tông môn, mà nói. Chúng ta hãy phân tách kỹ như sau:

1) Cực viên đốn:

a- Thiền tông phải tu đến nghiệp sạch tình không, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, mới liễu sanh thoát tử, rồi tiến tu để thành Phật.

Thời mạt pháp này, thử hỏi có mấy ai được đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh?

Trong quyển “Niệm Phật luận” của Đàm Hu đại sư, Ngài nói cả **đời** Ngài gặp được hoặc nghe đến những người tham thiền đến mức **đắc thiền định** đã là **rất ít**, còn người tham thiền đến **khai ngộ** thì **không** những một đời **chưa gặp**, mà cũng **không nghe** đến.

Nếu tham thiền mà không thể đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh thì không kể là thành công. Công phu đắc thiền định có sâu có cạn, công phu cạn thì sanh lên cõi Trời Sơ thiên, Nhị thiên. Công phu sâu thì sanh lên cõi Trời Tam thiên, Tứ thiên. Cõi Trời Tứ thiên và Tứ Không (Bát định) vẫn chưa thoát khỏi Thiên đạo (**còn sinh tử luân hồi**).

b- Tịnh độ tông

Người niệm Phật đời nghiệp (mang nghiệp) vãng sanh. Vãng sanh đạt vô lượng thọ, được bất thối chuyển, **một đời thành Phật**. Pháp môn **dễ tu**: Bất luận tăng tục, ngu trí, vua quan, dân, nam nữ, già trẻ, giàu nghèo, sang hèn, sĩ, nông, công, thương, binh, đau ốm bệnh tật... đều tu thành công dễ dàng (**dễ chứng**) (xin hãy đọc Phần I, dễ tu, dễ chứng).

Tăng tục Việt Nam nhờ niệm Phật dễ thành tựu nên đã vãng sanh về cõi Tây Phương Cực Lạc nhiều vô số.

Điện hình, riêng tu học tại chùa Tịnh Luật thôi, trong hai năm qua đã có trên bảy chục (70) vị Tăng, Tục niệm Phật “nhập tâm” và đạt “Bất Niệm Tự Niệm”, bảo đảm sẽ vãng sanh về Cực Lạc bất luận tình huống nào.

Có những vị Tăng, Ni, Cư sĩ nhập Phật thất ở Chùa Tịnh luật niệm Phật hai (2) ngày được “nhập tâm” và bảy (7) ngày đạt “Bất Niệm Tự Niệm”.

Cư sĩ Châu Quảng Đại ở Hoa Thịnh Đôn chỉ biết niệm Phật mới ba (3) ngày mà được vãng sanh Cực Lạc (Phật thuyết Thanh Tịnh Tâm giảng ký do Pháp sư Tịnh Không giảng, trang 26, www.thuvienhoasen.org).

2- Thù thắng, thâm diệu vô thượng.

Kinh *Đại Tập* nói: “Pháp môn Niệm Phật cầu vãng sanh là pháp môn Vô thượng thâm diệu thiên”.

64- Hỏi: *Con trường chay, Niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc trên mười năm rồi, tháng rồi đủ phước duyên con được đọc quyển sách “Niệm Phật Đạt Bất Niệm Tự Niệm Bảo Đảm Vãng Sanh” của Thầy, con vui mừng vô hạn không khác kẻ bần cùng được gặp của báu, con cố gắng hành trì đúng như thầy chỉ dạy, ngặt vì con quá bận rộn sinh kế, gia duyên ràng buộc. Sáng trưa chiều tối, cả ngày phải đối diện với việc làm ăn, với vợ con, quyền thuộc, mắt thấy tai nghe đều là là việc chướng đạo. Do đó con niệm Phật không nhập tâm được. Con nhất quyết đời này phải vãng sanh Cực Lạc, liễu sanh thoát tử, nên con định xuất gia, thoát tục để được rảnh rang công phu đắc lực hơn hầu đạt Bất Niệm Tự niệm như thầy chỉ dạy nhưng “bà xã” con không đồng ý vậy con phải làm sao hả thầy, xin thầy từ bi chỉ dạy con.*

Đáp: Liên hữu quyết chí hiện đời phải đạt Bất Niệm Tự Niệm để bảo đảm được vãng sanh Cực Lạc là điều rất

tốt. Mỗi người có biệt nghiệp riêng, phải biết **tùy duyên**. Đừng nghĩ người xuất gia rảnh rang, thoát tục và công phu đắc lực hơn người tại gia.

a- Về rảnh rang

Người xưa nói: “Vị trước cà sa hiềm đa sự. Trước vị cà sa sự hựu **đa**”. Nghĩa là chưa đắp cà sa than nhiều việc. Đắp cà sa rồi việc lại nhiều hơn. Bận rộn hay thanh thoi ở nơi tâm mình, không ở thân nơi tại gia hay xuất gia.

Liên Tông Thập Tam Tổ Ấn Quang đại sư dạy: “Một lòng không **trụ** muôn cảnh đều nhàn”, nghĩa là làm tất cả mọi việc mà lòng không chấp trước, dính mắc thì luôn luôn an nhàn (tâm thanh thoi).

b- Về xuất gia thoát tục

Xuất gia có ba nghĩa: xuất thế tục gia, xuất phiền não gia và xuất tam giới gia. Chủ yếu là hai nghĩa sau, là xuất phiền não gia và xuất tam giới gia. Nếu chỉ xuất thế tục gia thôi thì còn sinh tử luân hồi (trôi lăn trong sáu nẻo).

Người xuất gia có ba hạng:

- Thân xuất gia mà tâm không xuất gia.
- Thân không xuất gia mà tâm xuất gia.
- Thân, tâm đều xuất gia (dĩ nhiên hạng người này tốt nhất).

Vì hoàn cảnh, vì chưa đủ **phước duyên** liên hữu làm hạng người thứ hai. **Thân không xuất gia mà tâm xuất gia** cũng là tốt hơn hạng người thứ nhất rồi.

Người tu Tịnh nghiệp phải lấy sự nghiệp Niệm Phật làm chánh yếu, nên Tô sư Pháp Nhiên dạy: “Đã tu Tịnh độ thì mọi chuyện trong đời đều y theo Niệm Phật mà

quyết định. Ở nhà niệm Phật được thì cứ ở nhà mà niệm Phật” (có nghĩa là không bắt buộc phải vào chùa, vào chùa mà không niệm Phật được thì ở nhà niệm Phật vẫn tốt hơn). (Niệm Phật Tông Yếu câu 71 trang 194, Pháp Nhiên Thượng nhân).

Xưa nay, mắt thấy tai nghe những người tại gia **thành tựu tịnh** nghiệp, vãng sanh Cực Lạc nhiều vô số kể, đâu bắt buộc phải xuất gia đâu?

Điều quan trọng là:

Tại gia hay xuất gia mỗi mỗi đều có cái tốt của riêng nó. Tùy phước duyên của mỗi người không nên thiên chấp. Kinh *Hoa nghiêm* dạy: “Tùy duyên nhưng bất biến, Bất biến nhưng **phải** tùy duyên”.

- Nhìn thấu: Thấy rõ: Vạn pháp giai không, nghĩa là Tất cả các pháp bản chất nó là **không**, gia đình cũng vốn là rỗng rang, nên chỉ làm hết bổn phận, trách nhiệm không đả luyến trước giờ phúc lâm chung.

- Buông xuống, xả. Xả không phải vứt bỏ mà là không dính mắc, không chấp trước. Người xưa nói: “Quạ lướt mặt hồ không để bóng. Gió lùa khóm trúc chẳng lưu vang” là ý này.

Xả một được một, xả mười được mười, xả tất cả được tất cả (xả đắc).

Tin sâu, nguyện thiết, hành chuyên (đúng theo sự chỉ dẫn trong sách “Niệm Phật Đạt Bất Niệm Tự Niệm Bảo Đàm Vãng Sanh”).

Phải có quyết tâm cao, bền lòng vững chí sẵn sàng sang bằng mọi trở ngại, chường duyên để đạt được mục

tiêu cuối cùng là vãng sanh Cực Lạc. Thành kính chúc liên hữu thành tựu viên mãn chí nguyện tự độ độ tha.

65- Hỏi: Từ ý trì ở sách này và tâm niệm ở sách khác có khác nhau không? Nếu không, tại sao phải dùng hai từ khác nhau vậy?

Đáp: Từ ý trì ở đây và tâm niệm ở các sách không khác nhau mà là **một**. Lý do chúng tôi không dùng từ tâm niệm mà dùng ý trì như sau:

1- Tâm niệm dễ lẫn lộn, làm hiểu là quan niệm.

2- Chữ tâm quá trừu tượng, nghĩa quá rộng lớn. Theo Duy thức học, có tám tâm vương năm mươi một tâm sở, không biết phải dùng tâm nào?

3- Trong sách” Tuyết Hư Lão nhân Tịnh Độ Tuyển Tập” Ngài Lý bình Nam nói: “Ý trì vẫn có tiếng”, Ngài minh xác hai điều:

- Ý trì là một pháp trong những pháp trì danh.

- Niệm bằng ý vẫn **có tiếng** (đập tan mọi hiểu lầm của nhiều người cho rằng không có tiếng).

4- Để phân biệt tiến trình hành trì qua hai giai đoạn:

a. Ban đầu dùng ý (ý thức là tâm vương thứ sáu) để niệm, huân tập thuần thực sẽ được “Nhập tâm”.

b. Huân trưởng mức nhập tâm sâu, đạt “Bất Niệm Tự Niệm” lúc bảy giờ A Lai Da thức (Tâm vương thứ 8) tự động nó niệm (cũng gọi là Tự Tánh niệm, Tâm niệm). Như vậy thì tâm niệm là giai đoạn sau cùng.

Chú ý: Từ Tâm niệm có hai cách hiểu khác nhau:

1- Tâm niệm là dùng Tâm để niệm Phật (xưng danh hiệu Phật) đây là cách tối nghi, cùng ý trì là một.

2- Tâm niệm là dùng Tâm để nhớ (quán) sắc thân Phật hay trí thân Phật (pháp quán tưởng) vậy thì khác với ý trì.

66- Hỏi: Cổ đức dạy: “Muốn được vãng sanh, niệm Phật phải chuyển được chỗ chín thành chỗ sống, chỗ sống thành chỗ chín” là như thế nào?

Đáp: Muốn được vãng sanh, hành giả Tịnh độ phải hành theo lời dạy của Nhị Tổ Thiện Đạo đại sư và Tổ sư Pháp Nhiên là bỏ tạp hạnh, **kiên trì chuyên tu chánh hạnh** (thâm nhập nhất môn, trường kỳ huân tu) nghĩa là **Toàn thời gian lâu dài Niệm Phật không xen tạp không gián đoạn** (không tụng kinh, bái sám... gì khác cả, chỉ độc nhất niệm Phật) mới có thể chuyển được chỗ chín (Ái nhiễm tham đắm ngũ dục lục trần) thành chỗ sống (Bồ đề chánh niệm, chân thành niệm Phật cầu vãng sanh), chỗ sống (Bồ đề chánh niệm) thành chỗ chín rục (Bồ đề chánh niệm thuần thực).

Vì sao phải chuyển như vậy? Vì: Ngoài những vị có cực trọng nghiệp, còn lại chúng ta tái sanh đều do **cận tử nghiệp** quyết định.

Ngay giờ phút lâm chung nếu:

-Khởi niệm ái nhiễm ngũ dục lục trần thì sẽ sa vào ba đường ác (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh).

-Khởi chánh niệm niệm Phật thì sẽ được Đức Phật Di Đà tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc.

67- Hỏi: Người được vãng sanh Cực lạc được Bất thoái là sao?

Đáp: Người được vãng sanh Cực Lạc dù Hạ phẩm Hạ sanh vẫn đạt Tam bất thoái, đó là Vị bất thoái, Hành bất thoái và Niệm Bất thoái.

1-Vị Bất thoái: Vị thứ đã tu được không bị thoái thất (tuột xuống) được quả vị nào thì trụ chắc quả vị đó để rồi tinh tấn tiến tu.

2- Hành Bất thoái: Chẳng bị thoái thất đối với các pháp đã tu hành, tức hạnh tu càng ngày càng tăng trưởng.

3- Niệm Bất thoái: Chẳng bị thoái chuyển về chánh niệm.

Ba Bất thoái này đem sánh với hạnh vị của Bồ Tát thì tùy theo các Tông có khác nhau.

Quán kinh Diệu Tông Sao, quyển hạ viết:

- “Nếu phá kiến tư hoặc được gọi là Vị Bất thoái, vĩnh viễn chẳng mất địa vị siêu phàm giả.

- Lại đoạn được trần sa hoặc được gọi là Hành Bất thoái vĩnh viễn chẳng mất hạnh Bồ Tát.

- Nếu đã phá vô minh được gọi là Niệm Bất thoái chẳng mất chánh niệm Trung Đạo”.

Nhị Tổ Thiện Đạo đại sư giải thích rộng hơn: Nếu được nghe danh hiệu, chỉ cần Tín, Nguyện, Trì danh thì ắt có thể ngay trong **hiện đời** chứng được Bất thoái.

68- Hỏi: Người vãng sanh Cực Lạc đắc Vô sanh pháp nhãn là gì?

Đáp:

1- Kinh *Quán Vô Lượng Thọ*, Phép quán thứ mười bốn (Thượng Phẩm Thượng Sanh Quán) nói: Khi sanh về Thượng Phẩm Thượng sanh **liền ngộ** vô sanh pháp nhẫn. (Thượng Phẩm Trung Sanh chưa ngộ).

2- Kinh *Vô Lượng Thọ*, Phẩm mười lăm, Bồ Đề Đạo Tràng nói:

Người vãng sanh Cực Lạc thấy cây Bồ đề đạo tràng sẽ đổ ba thứ nhẫn: một là Âm Hưởng Nhẫn, hai là Nhu Thuận Nhẫn, ba là Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Tịnh Ảnh Sớ giảng như sau:

- Âm Hưởng Nhẫn là do nghe pháp ngộ đạo, biết hết thấy pháp giống như tiếng vọng, như mộng, huyền, bọt nước, hình bóng. Bạc Bồ Tát Biệt Giáo từ Tam địa trở xuống đổ nhẫn này.

- Nhu Thuận Nhẫn là không dùng ngôn ngữ văn tự để diễn đạt nghĩa lý, mà hướng đến Thật Tướng. Bồ Tát từ tứ, ngũ, lục địa đổ nhẫn này.

- Vô Sanh Pháp Nhẫn là chứng nhập Thật Tướng, lia hết thấy tướng. Bồ Tát từ thất địa trở lên đổ nhẫn này.

Nói cách khác giản dị, an trụ trong lý Chơn Như Thật Tướng bất sanh bất diệt thì gọi là Vô Sanh Pháp Nhẫn.

69- Hỏi: Người vãng sanh Cực Lạc đều trụ trong Chánh định tụ là sao?

Đáp: Chánh định tụ là một trong ba tụ. Cả Đại thừa và Tiểu thừa đều nói đến ba tụ, nhưng có nhiều thuyết như sau:

- a. Thuyết thứ nhất, ba tụ là:
- Chánh định tụ: những người nhất định chứng ngộ.
 - Tà định tụ: hoàn toàn chẳng chứng ngộ.
 - Bất định tụ: Ở giữa hai hạng trên, hữu duyên thì chứng ngộ, vô duyên ắt chẳng chứng ngộ.
- b. Thuyết thứ hai là của Khởi Tín Luận:
- Từ phạm phu đến hạng chưa đạt bậc Thập Tín, chẳng tin nhân quả là Tà định.
 - Hạng Thập Tín là Bất định tánh.
 - Từ Thập Trụ trở lên là Chánh định.

Thuyết này là thuyết của Đại thừa Thật giáo.

c- Thuyết thứ ba như sách Hội sơ nói: “Định tụ nói đầy đủ là Chánh định tụ, cũng gọi là Bất thoái chuyển, tức là Bồ Tát A Bệ Bạt Trí.. Vì sao gọi là Chánh định? Phạm hết thấy chúng sanh tuy căn tánh muôn phần sai khác nhưng nếu phân loại thì chẳng ngoài ba thứ:

- Ất đọa trong sáu đường là Tà định.
- Nếu thăng trầm tùy duyên thì là Bất định.
- Quyết định đạt đến Bồ đề thì gọi là Chánh định.

Mặt khác hiển thị sâu sắc sự sâu rộng của Di Đà đại nguyện thì chẳng những người đã vãng sanh Cực Lạc trụ trong chánh định, quyết chứng Vô Thượng Đạo mà hết thấy những người cầu sanh Cực Lạc trong hiện tại hoặc tương lai chỉ cần phát Bồ Đề tâm nhất hướng chuyên niệm thì sẽ tương ứng với bốn nguyện của Phật A Di Đà, dầu trong uế độ vẫn còn là phạm phu đầy dẫy, nhưng hề vãng sanh thì ắt trụ trong Chánh định, quyết chứng Bồ đề. Đây thật là điều siêu tình ly kiến chẳng thể nghĩ bàn, dứt bật đối đãi một cách viên dung, phương tiện rốt ráo.

Sách Bình giải đã cực lực tán dương thuyết của Thiện Đạo đại sư: Người sẽ được vãng sanh tuy thân còn đang ở Ta Bà đã được hưởng lợi ích bí mật là nhập vào Chánh định tự.

70- Hỏi: Liên Tông thập tam Tổ Ấn Quang đại sư dạy:

“Hành giả tu Tịnh nghiệp luôn luôn phải giữ câu Phật hiệu hiện tiền. Nên dù ở đâu, bất cứ lúc nào cũng phải niệm Phật, nhưng nơi phòng vệ sinh, nhà tắm, nơi này bất tịnh niệm ra tiếng sẽ mang lỗi bất kính, phải niệm thầm”, “Sân phụ, đang lúc thập tử nhất sanh này, phải niệm Phật lớn tiếng để dễ được Chư Phật gia bị”. Phòng sanh để cũng bất tịnh vậy, sao lại không sợ mang lỗi bất kính như trên. Vậy hai lời dạy này có mâu thuẫn, trái chổng nhau không?

Đáp: Cả hai đều đúng, không mâu thuẫn, trái chổng gì cả.

Lời Chư Tổ dạy không bao giờ sai. Tại sao? Vì: Câu đầu đứng trên sự tướng mà nói thì có tịnh, bất tịnh. Câu sau đứng trên lý tánh mà nói thì “Vạn pháp nhất như, bất cấu bất tịnh”. Chúng ta phải y giáo phụng hành, để thật sự có nhiều lợi ích.

71- Hỏi: “Chư tổ dạy: ‘Pháp môn tịnh độ là pháp môn tha lực’. Vậy việc Vãng sanh hoàn toàn do Đức Phật quyết định phải không thầy?

Đáp: Đúng pháp môn Tịnh độ là pháp môn tha lực có nghĩa là nhờ (dựa vào) sự tiếp dẫn của Phật. Nói việc vãng sanh hoàn toàn do đức Phật quyết định là **không đúng**. Có cảm (tự lực) mới có ứng (tha lực) chứ? Đúng nghĩa hữu cầu tất ứng, có cầu (tự lực) mới có ứng (tha lực) chứ? Vậy thì có tự lực mới có tha lực phải không?

Đành rằng Pháp Nhiên Thượng nhân dạy: “vãng sanh là việc của Phật làm (tha lực)”. Vì đây là bốn nguyện của Phật, nhưng Ngài cũng dạy tiếp “Niệm Phật là chuyện của mình phải làm (tự lực)”. Mình có niệm Phật (tự lực), Phật mới tiếp dẫn (tha lực) chứ! Trong ba kinh Tịnh độ (Kinh *A Di Đà*, kinh *Vô Lượng Thọ*, kinh *Quán Vô Lượng Thọ*) đã nói rõ đức Phật tiếp dẫn vãng sanh (tha lực) có điều kiện là phải niệm Phật (tự lực). (Xin hãy đọc kỹ Phần III, điều kiện vãng sanh và lý do không vãng sanh).

Đành rằng tự lực không chưa đủ phải nhờ thêm tha lực, nhưng không có tự lực thì làm gì có tha lực!

Niệm Phật là nhân, vãng sanh thành Phật là quả, không có nhân làm sao có được quả?

Để tránh hiểu lầm (thiên kiến) chư Tổ cũng dạy: “Pháp Môn Tịnh độ là Pháp môn Nhị lực (Tự lực + tha lực)”.

72- Hỏi: Niệm Phật lai rai Như Lai cũng độ, niệm Phật tà tà Di Đà cũng rước, đúng không thầy?

Đáp: Quan niệm này hết sức tiêu cực. Nên nhớ nhân nào quả nấy, nhân chắc quả mới thật, hình thẳng bóng mới ngay. Hình cong vạy mà muốn bóng ngay thẳng, thật vô lý, không bao giờ có.

Kiếp (đời) sau của con người, do một niệm sau cùng trước giờ lâm chung quyết định (cận tử nghiệp). Muốn được vãng sanh Cực Lạc, phải đạt một trong ba điều kiện theo thứ tự ưu tiên sau đây:

1- Niệm Phật đạt Nhất Tâm Bất Loạn (Kinh *A Di Đà*).

2- Niệm Phật đạt Bất Niệm Tự Niệm (*Kệ Niệm Phật*).

3- Niệm Phật thuần thực (hạt giống lớn mạnh đủ khả năng khởi hiện hành trong sát na cuối cùng cuộc đời) (Kinh *Vô Lượng Thọ*, Kinh *Quán Vô Lượng Thọ*).

Còn việc niệm Phật tà tà Di Đà cũng rước, không hẳn tuyệt đối là không, nếu nhân Tịnh nghiệp nhiều đời nhiều kiếp đến lúc chín mùi, hành giả phát khởi được câu Phật hiệu thì vẫn được vãng sanh, nhưng trường hợp này muôn ức ức người chưa có một, chớ có ảo tưởng phiêu lưu!

Bằng như không đạt được một trong bốn điều kiện trên, sát na cuối cùng chủng tử ác nghiệp phát khởi, liền theo nghiệp về cảnh giới tương ứng như sân (địa ngục), tham (ngạ quỷ), si (súc sanh). Hết sức hiểm nguy!!!

73- Hỏi: Người hấp hối vào nhà vãng sanh ở để được Ban hộ niệm, hộ niệm cho, như vậy có chắc chắn vãng sanh không?

Đáp:

- Nhà vãng sanh là nơi có đầy đủ phương tiện để giúp bệnh nhân đạt được điều kiện vãng sanh chứ không

phải vào đó ở rồi được vãng sanh, đây chỉ là phương tiện, không phải cứu cánh, chớ nên hiểu lầm.

- Ban hộ niệm, hộ niệm hay trợ niệm cũng chỉ tạo cơ hội, tạo duyên nhắc nhở giúp bệnh nhân niệm Phật để được vãng sanh. Đây chỉ là tạo duyên mà thôi.

- Bệnh nhân không chịu niệm Phật giả như Đức Phật có hiện ra cũng chịu thua (không vãng sanh) huống hồ gì phạm phu hộ niệm.

- Nên biết bệnh nhân chịu niệm Phật theo Ban hộ niệm phải là người đã trải qua quá trình công phu dù chưa nhập tâm nhưng cũng khá lắm rồi.

Niệm Phật là nhân, vãng sanh là quả. Nhà vãng sanh, Ban hộ niệm chỉ là phương tiện, là duyên không phải là nhân nên không thể nào thành quả được.

Nhiều người vì quá nhiệt thành trong việc muốn giúp người được vãng sanh mà làm hiểu, lại khiến nhiều người khác mê lầm theo, nhận phương tiện làm cứu cánh, bỏ qua cơ hội vãng sanh, thật đáng tiếc, tội này không phải là nhỏ, nên thận trọng!

Trong hai mươi điều khó làm, đức Thế Tôn dạy người tu phải vượt qua, điều thứ hai mươi là “Khéo biết phương tiện”. Vậy hành giả phải sáng suốt, không chấp thủ, nhận rõ gì là phương tiện để vượt qua hầu đạt tới cứu cánh.

Đức Thế Tôn dạy: “Kia đó tượng phu, ta đây cũng vậy”, không tự ty, mặc cảm. Hành giả Tịnh nghiệp chuyên tu phải đồng mãnh tinh tấn niệm Phật theo đúng lời chỉ dạy của chư Tổ để đạt Nhất Tâm Bất Loạn hay ít nhất Niệm lực được tương tục (Bất niệm tự niệm) hầu tự

bảo đảm vãng sanh, là chánh, là tốt nhất. Còn việc vào ở nhà vãng sanh, để được trợ niệm là phụ, là thứ yếu, vạn bất đắc dĩ, vót vát mà thôi.

74- Hỏi: Xin thầy nói rõ hơn sự phân biệt giữa ba cách trì danh: kim cang trì, mặc trì và ý trì, và sự lợi ích của ý trì.

Đáp:

- Kim cang trì và mặc trì đều là niệm thầm (không ra tiếng), niệm bằng miệng (gọi là khẩu trì), nhưng kim cang trì còn nhép môi, còn mặc trì thì không nhép môi.

- Ý trì cũng niệm thầm (không ra tiếng), nhưng niệm bằng ý (không phải niệm bằng miệng như kim cang trì hay mặc trì). Ý trì ban đầu còn yếu không nghe tiếng, sau lớn mạnh thì có tiếng, lúc bấy giờ nghe tiếng không phải nghe bằng lỗ tai, nhĩ căn, nhĩ thức mà nghe bằng tánh nghe (thường gọi là tánh trong căn).

Trong *Tuyết Hư Lão Nhân Tịnh Độ Tuyền Tập* Ngài Lý Bình Nam nói: “Ý trì vẫn có tiếng”. (Hãy đọc kỹ Phần IV, Cách trì danh).

- Lợi ích của ý trì:

a. Trong suốt thời gian ý trì nhất định không có vọng niệm. Vì ý bận niệm Phật làm sao có niệm gì khác được (Tâm vô nhị dụng nghĩa là tâm một lúc không thể làm hai việc), như vậy là tu chỉ của Thiền. Lắng lòng nghe rành rẽ rõ ràng danh hiệu Phật là tu quán rồi. Ý trì là chỉ quán song tu của Thiền. Do vậy Kinh *Đại Tập* dạy: “Pháp môn Tịnh độ (niệm Phật) là Vô thượng thâm diệu Thiền” (là Thiền thâm sâu, vi diệu, cao nhất).

b. Ý căn và nhĩ căn xoay vào trong (hướng nội) để niệm Phật và nghe danh hiệu Phật không để chúng rong ruổi (hướng ngoại) theo ngũ dục lục trần, là nhiếp được hai căn chủ tể nhạy bén nhất của sáu căn. Sáu căn dung thông nhau, viên thông được một là viên thông cả sáu (nhất tu nhất thiết tu, thành tựu một là thành tựu tất cả). Quán Thế Âm Bồ Tát chỉ tu nhĩ căn được viên thông mà thành tựu quả vị Đẳng Giác Bồ Tát. Hành giả ý trì (niệm Phật bằng Ý) là hành đúng phương cách Kinh *Lãng Nghiệm* dạy: “Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm nối tiếp đặc Tam Ma Địa (đặc định, Nhất Tâm Bất Loạn) bậc nhất, chẳng cần phương tiện gì khác tự được khai tâm (khai mở trí tuệ).

75- Hỏi: *Ý trì có phải trụ tâm ở đâu không? Có nhiều Thầy dạy trụ ở nhiều nơi khác nhau trên thân, hoặc trên hình tượng Phật. Kính xin Thầy minh xác việc này.*

Đáp:

1- Không trụ mà trụ, trụ mà không trụ, như sau:

a. Kinh *Kim Cang* dạy: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” nghĩa là không trụ vào đâu cả mà sanh tâm (làm các việc). Kinh *Bát Nhã* dạy: “Chiếu kiến ngũ uẩn giai không...”. Nghĩa là thấy năm uẩn đều không, đã là không thì lấy gì, lấy chỗ nào để mà trụ (không trụ). Hành giả dùng ý niệm Phật một cách nghiêm túc (không đùa giỡn), bình thường (không vội vã, hấp tấp), thanh thản (không mong cầu), nhàn nhã (buông xả vạn duyên, không bận rộn dính mắc gì cả, tâm không, tâm vô sự). Đó là không trụ

(vô trụ). Mà “trụ” là sao? Dùng ý niệm Phật nghĩa là cột ý vào danh hiệu Phật, có nghĩa là trụ trên danh hiệu Phật.

Hai ý trên là nghĩa câu thứ nhất “Không trụ mà trụ”.

b. Trụ mà không chấp tướng, không trở ngại đường tu, trái lại đem lại nhiều lợi ích, là hoà nhập ý (tâm) với danh hiệu Phật (theo Kinh *Niệm Phật Ba La Mật* danh hiệu Phật là biểu tượng Pháp thân Phật) làm một, đúng nghĩa kinh *Quán Vô Lượng* dạy: “Tâm làm Phật, Tâm là Phật”. Tông Cảnh Lục cũng nói: “Nhất niệm tương ưng, nhất niệm Phật”. Trong kinh *A Di Đà Yếu giải* Liên Tông cửu Tổ Ngẫu Ích đại sư cũng nói: “Ngay khi niệm Phật mình đã là Phật rồi”.

Đây là nghĩa câu thứ hai “Trụ mà không trụ”.

2- Trụ nhiều nơi khác nhau trên thân.

a. Theo cơ thể học, tập trung ý nghĩ (trụ) ở đâu máu sẽ tụ hội về nơi đó. Nếu trụ ở đầu thì dễ bị nhức đầu, (lên máu).

b. Ý đang niệm Phật lại phải nghĩ trụ ở nhiều nơi nhất định nào đó, là bị phân tâm làm sao tiến tới Nhất Tâm được. Bởi vậy chư Tổ dạy niệm Phật phải chuyên tâm nhất ý là vậy.

c. Minh Tuệ tôi chưa thấy Kinh Phật hay chư Tổ nào dạy như vậy. Thành thật mà nói là tôi không rõ việc này.

3- Nếu đặt danh hiệu Phật ở nhiều nơi trên hình tượng Phật, rồi tưởng tượng danh hiệu ấy nổi lên mà niệm, thiết nghĩ đây là pháp quán tưởng trì danh, Minh Tuệ hành trì pháp nhiếp tâm trì danh, không có kinh

nghiệm về pháp quán tưởng, nên xin phép không có ý kiến.

76- Hỏi: Phật tử có bị bắt buộc phải tham dự tất cả các buổi giảng pháp của pháp sư không?

Đáp: Không bắt buộc. Trước tiên hành giả phải biết Pháp sư giảng đề tài gì, thuộc tông phái nào: Thiên, Tịnh, Mật...!

1- Nếu đề tài Tịnh độ thì hành giả Tịnh độ nên cố gắng tối đa đến tham dự để học hỏi thêm kiến thức và kinh nghiệm hành trì.

2- Nếu đề tài không phải Tịnh độ mà Thiên, Mật thì:

a. Nếu hành giả đã công phu đắc lực, có định lực, vững đủ niềm tin Tịnh độ (tối thiểu cũng đã đạt Bất Niệm Tự Niệm sâu nghĩa là không gì lay chuyển nổi) thì nên tham dự để trang nghiêm đạo tràng (giúp đạo tràng càng đông người, tạo thêm niềm tin cho thính giả). Bồ Tát hạnh đấy.

b. Nếu là hành giả sơ cơ, chưa đạt được trình độ trên (Bất Niệm Tự Niệm sâu) thì không được tham dự. Tại sao?

Chư Tổ Tịnh độ dạy: “Người tu Tịnh độ không nên nghe lời khai thị của các thiền sư”. Vì sao? Vì tuy rằng mục đích chung cuộc là một: Giác ngộ, giải thoát, nhưng lý luận, phương cách hành trì ban đầu trái khác nhau. Thiền Tông là Pháp Tánh Tông (lý), còn Tịnh độ Tông là Pháp Tướng Tông (sự). Thiền Tông từ cửa KHÔNG (vô môn) mà vào. Tịnh độ Tông từ cửa CÓ (hữu môn) mà vào đạo. Vì trái ngược nhau như vậy, tham dự vô ích, lại mất

đi thời khóa công phu của mình, không khéo sẽ bị lung lạc, nghi ngờ, thối thất Bồ đề tâm, mất đi cơ hội Vãng sanh Cực Lạc thành Phật độ chúng sanh. Nên hết sức thận trọng!!!

Như vậy ngôi nhà niệm Phật hữu ích hơn.

77- Hỏi: Thầy nói vậy thì hạnh “Hằng thuận chúng sanh” thì sao?

Đáp: “Hằng thuận chúng sanh” là hạnh thứ chín trong Mười Nguyên Phổ Hiền, đây là cách nói với Pháp thân đại sĩ. Phạm phu chúng ta cũng nên học theo. Buông bỏ vọng tưởng phân biệt và chấp trước, tất cả đều tùy thuận người khác. Trước khi tùy thuận, nhất định phải quan sát kỹ lưỡng, nếu là thiện pháp, như lý, như pháp thì mình tùy thuận, nếu là ác pháp, không như lý, không như pháp thì tuyệt đối không tùy thuận. Tùy thuận phải dùng lý trí xét đoán, không thể riêng dùng tình cảm.

Đáp án ghi trên là tùy thuận rồi đó.

78- Hỏi: Ba má con nay trên bảy mươi tuổi rồi, không tin Phật, con khuyên niệm Phật chẳng những không làm mà còn bị mắng. Vậy con phải làm sao?

Đáp: Đức Phật dạy: “Tùy duyên chứ đừng phan duyên”. Tùy duyên mới được tự tại. Bậc cha mẹ thường nghĩ là mình bao giờ cũng giỏi hơn con cháu, nên ít khi chịu nghe lời khuyên (khẩu giáo) của con cháu. Việc này không dễ, phải nhẫn nhục, kiên trì nỗ lực không ngừng. Bạn nên cố gắng miên mật (không gián đoạn) hành trì

đúng lời chỉ dẫn trong sách này, công phu đắc lực đạt Bát Niệm Tự Niệm từ đó có những điểm lợi sau đây:

a. Tự tạo được từ trường tốt chuyển hóa dần dần tâm của song thân.

b. Nhờ công đức danh hiệu Phật thân tâm bạn chuyển đổi tốt, có thể làm gương mẫu cho mọi người (thân giáo), nhờ đây song thân bạn sẽ nhận ra lợi ích của sự niệm Phật, tự động nghe lời khuyên của bạn.

c. Bạn đã có công đức, hồi hướng công đức tu hành cho song thân.

d. Nếu đủ phước và ý chí bạn tiến tu đạt Niệm Phật Thành một khối (một phiền, một mãng). Pháp sư Tịnh Không nói: “Đây là tiểu chúng, dùng công đức tu hành này hồi hướng cho cửu huyền thất tổ mình đều được siêu thăng”. Vậy là độ cha mẹ là quá dễ.

e. Bằng không, thì vãng sanh Cực Lạc rồi trở về Ta Bà báo hiếu, cứu độ song thân sau.

79- Hỏi: Hai vợ chồng con và mấy đứa con của con đều niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc, duy có một đứa làm ăn khá giả, nó không chịu niệm Phật cầu vãng sanh. Con khuyên không được vậy phải làm sao thầy?

Đáp: Đức Phật dạy: “Người tu phải vượt qua hai mươi điều khó”. Điều khó thứ nhì:

Giàu sang học đạo là khó. Vì họ cảm thấy họ đang ăn ngon, mặc đẹp, ở sang muốn gì được nấy họ cảm thấy thỏa mãn, hạnh phúc quá rồi đâu cần gì nữa. Họ nào có biết đâu ngày nay giàu sang, học giỏi là nhờ kiếp trước khéo tu bố thí tài và bố thí pháp. Người có phước hưởng

hết phước liền bị đọa. Phước cõi người đâu bằng phước cõi Trời, Tiên hưởng hết phước vẫn bị đọa.

Họ lại lầm nghĩ rằng, kiếp này họ chẳng làm ác, kiếp sau sẽ sanh trở lại làm người. Họ đâu biết rằng trong lúc làm giàu không cố ý thì là vô tình họ đã tạo nhiều ác nghiệp. Mặc khác, kiếp này được làm người là nhờ giờ phút cuối cùng của kiếp trước nhân thiện đến lúc chín mùi. Trong lúc đó còn có rất nhiều ác nghiệp còn tiềm phục trong tạng thức. Biết đâu những hạt giống ác nghiệp kiếp trước và kiếp này chín mùi ngay trước giờ phút lâm chung thì tức khắc bị đọa vào ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

Bởi vậy Đức Phật dạy: “Thân người khó được, Phật pháp khó nghe”. Đức Phật đưa ra hai thí dụ:

1- Người chết được lại thân người như đất dính ở đầu ngón tay (quá ít), còn mất thân người (bị đọa ba đường ác, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh) như đất ngoài đại địa (thật quá nhiều, không biết bao nhiêu lần mà kê).

2- Rùa mù chui vào bọng cây. Con rùa mù ở dưới đáy biển cứ một trăm năm trôi lên mặt biển một lần để chui vào bọng cây trên mặt biển. Bọng cây nổi lên trên mặt biển một trăm năm bị sóng gió thổi trôi giạt biết đến phương trời nào mà tìm. Dù cho có tìm được, đui mù thấy đường đâu mà chui vào, trăm ngàn vạn lần khó khăn như thế mà Đức Phật bảo rằng còn dễ hơn được lại thân người.

Mỗi người có phước phần riêng. Hãy tùy duyên để được tự tại, phan duyên làm chi cho thêm phiền não.

Hai đạo hữu hãy tinh tấn hành trì, công phu đắc lực đạt Bất Niệm Tự Niệm sẽ được nhiều lợi ích như đã nêu ở câu đáp 78 ghi trên.

80- Hỏi: Thế nào là Lão Thật niệm Phật?

Đáp: Lão thật niệm Phật thường gọi là Thật thà niệm Phật. Thực hành bằng cách sau:

1- Chuyên tâm nhất ý niệm Phật, ngoài danh hiệu Phật, không còn sự, việc gì khác nữa.

2- Miệng niệm Phật, tâm cũng phải niệm Phật.

3- Miệng và Tâm niệm Phật không xen tạp không gián đoạn cho đến giờ phút cuối cùng cuộc đời, nghĩa là lấy danh hiệu Phật làm bản mạng của mình.

a. Tâm không hoài nghi, tuyệt đối tin tưởng vào lời giáo hóa của Phật Thích Ca và Đại nguyện của Phật A Di Đà.

b. Tâm không mong cầu bất cứ gì khác như, chứng đắc, vãng sanh, thành Phật...

c. Tâm buông xả vạn duyên, nghĩa là tâm không nhớ nghĩ gì khác, kể cả ăn, uống, mặc, ngủ nghỉ, ngủ dục lục trần, danh văn lợi dưỡng, thị phi, được mất, hơn thua, thành bại...

d. Tâm không còn chấp ngã.

4. Toàn thân tâm đều niệm Phật. Ban đầu dùng nhĩ căn niệm Phật nghĩa là nghe bất cứ tiếng gì cũng là tiếng niệm Phật, như tiếng chim kêu, gió thổi, nước chảy, xe chạy thậm chí tiếng mắng chửi mình cũng là tiếng niệm Phật. Sau đó các căn khác cũng đều như vậy.

5. Hòa nhập năng sở là một, nghĩa là ta người niệm Phật (năng) và danh hiệu Phật được niệm (sở) là một.

Tóm lại : Buông xả vạn duyên, không mong cầu, suốt đời chuyên tâm nhất ý toàn thân tâm Niệm Phật không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Cuối cùng không còn chấp ngã, hoà nhập năng sở làm một.

Thực hiện được những điều nói trên, tùy theo mức độ sâu cạn, sẽ lần lượt chúng nhập Bất niệm tự niệm, Thành một khối, Nhất tâm Bất loạn (Niệm Phật Tam Muội).

Hành giả nên cố gắng, kiên trì thực tập từng bước hầu sớm thành tựu Tịnh nghiệp, bảo đảm vãng sanh Cực Lạc, thành Phật độ chúng sanh.

81- Hỏi: Theo thông tin mới, Các quan chức Nasa (Mỹ), chính thức thông báo năm 2013 trái đất chúng ta sẽ bị chấn động bởi một vụ nổ Mặt Trời. Nhiệt độ của Mặt Trời sẽ vượt quá 5.500 độ.

Theo các nhà khoa học người Anh vụ nổ Mặt Trời gây hậu quả khủng khiếp với con người, nó có sức công phá tương đương với 100 quả bom hydrogen. Có nhiều quốc gia sẽ bị hủy diệt.

Theo sự tiên đoán của các khoa học gia và các nhà Tiên tri thì tại nhiều quốc gia sẽ bùng phát trận dịch cúm một cách kinh hồn, sống thần, động đất sẽ nhận chìm nhiều thành phố ven biển của thế giới.

Thiên tai, đại hồng thủy, động đất, binh đao, dịch cúm bùng nổ các nơi. Vậy thì đối trước thảm trạng này, chúng con phải làm gì đây?

Đáp: Kinh *Đại thừa* dạy: “Tất cả tai nạn đều do khí lượng phiền não, tham, sân, si, ngã mạn chiêu cảm, do những ác nghiệp sát, tà dâm, vọng tưởng rất mạnh tạo thành”, “Tâm tạo nghiệp, Tâm cũng chuyển được nghiệp”, “Tuy nghiệp lực mạnh nhưng Tâm lực càng mạnh hơn”. Vì tâm là chủ nhân ông. Kinh *Pháp Cú* dạy: “Tâm là chủ, tâm dẫn đầu, tâm tạo tác các pháp”. Kinh *Hoa Nghiêm* dạy: “Nhất thiết pháp duy tâm tạo”, nghĩa là tất cả pháp đều do tâm tạo thành.

Pháp sư Tịnh Không dạy: “Nếu bạn muốn mau chóng hóa giải những nguy cơ tai nạn, chỉ một điều duy nhất là triệt để buông bỏ cái tâm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cùng nhau chí thành sám trừ nghiệp chướng, đoạn ác tu thiện, nhất tâm niệm Phật, giải trừ thù hận”.

Nếu phần đông nhân loại tu hành được như vậy thì thảm trạng trên sẽ có thể không xảy ra.

Nếu những thông tin trên là chính xác, và vào thời điểm đó sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật không đủ để ngăn chặn được thảm họa này. Như trên đã nói thì con người lúc bấy giờ sống trong cảnh cơ hàn, lo sợ, kinh hoàng, chết chóc đây là cộng nghiệp đành phải chịu, nhưng trong cộng nghiệp còn có biệt nghiệp (ngoại lệ).

Biệt nghiệp là gì? Là nghiệp riêng của mỗi người. Vậy ta nên tự tạo biệt nghiệp cho riêng mình bằng cách: Phát Tâm Bồ Đề, Nhất Hướng Chuyên Niệm Phật A Di Đà theo lời dạy trong kinh *Đại Thừa Vô Lượng Thọ*.

Trong Kinh *A Di Đà Yếu Giải*, Ngẫu Ích đại sư dạy, hành giả niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh Độ thành Phật độ chúng sanh là đương nhiên phát tâm Bồ Đề rồi. Còn lại là

Nhất hướng chuyên niệm. Liên Tông nhị tổ Thiện Đạo đại sư dạy: Hành giả chuyên tu trăm người tu, trăm người vãng sanh, vạn người tu vạn người vãng sanh với điều kiện niệm Phật đạt được Niệm lực tương tục (Bất niệm tự niệm.). Cách chuyên tu này đã nói rành rẽ, rõ ràng đầy đủ chi tiết trong sách “Niệm Phật Đạt Bất Niệm Tự Niệm Bảo Đảm Vãng Sanh” của Thích Minh Tuệ. (Vị nào không có sách, email cho biết địa chỉ, chúng tôi sẽ gửi biểu sách).

Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Niệm Phật một câu diệt được tám mươi ức kiếp trọng tội sanh tử và được tám mươi ức kiếp công đức vi diệu” (hãy đọc Phần IV, Lợi ích và công đức niệm Phật). Người đạt Bất Niệm Tự niệm, mỗi ngày Tạng thức tự niệm từ sáu chục ngàn (60.000) đến một trăm hai chục ngàn (120.000) câu. Tính ra diệt tội sanh phước quá nhiều, nhờ đây hành giả có thể **thoát nạn**. Thực tế, trong những tai nạn, lật xe, tàu chìm, máy bay rớt, lũ lụt, động đất, sóng thần, dịch cúm, bom đạn,... rất nhiều người chết (cộng nghiệp), nhưng ngoại lệ có những người sống sót một cách bình an (biệt nghiệp do công đức tu hành tạo thành).

Thời gian cấp bách quá rồi, quá trễ rồi, không cho phép chúng ta chần chờ được nữa. chúng tôi thiết tha kêu gọi quý đạo hữu nên tức khắc quyết tâm hạ thủ công phu chuyên tu niệm Phật A Di Đà làm chánh. Tâm tâm niệm niệm đi đứng nằm ngồi, nói nín, động tịnh luôn giữ câu Phật hiệu hiện tiền để tiêu trừ nghiệp chướng (thoát nạn) và sớm đạt Bất Niệm Tự niệm, tự bảo đảm vãng

sanh. Nhờ công đức niệm Phật này của nhiều người sẽ cải chuyển phần nào đại nạn cho chúng sanh.

Người xưa nói : “Độc thụ khai hoa, vạn thụ hương”, nghĩa là một cây trổ bông, muôn cây thơm, hay “ Nhất nhân tác phước thiên nhân hưởng”, nghĩa là một người làm phước, ngàn người hưởng, là ý này.

Nếu mạng số hết, hành giả sẽ được vãng sanh Cực Lạc đấng Vô sanh Pháp nhãn liền trở về Ta Bà cứu độ chúng sanh, dĩ nhiên trong đó có nhiều thân nhân của mình.

Nên nhớ: Người công phu đắc lực có nội lực, định lực mạnh, tin sâu nhân quả, biết đường về, sẽ an nhiên tự tại trước nghịch cảnh, coi cái chết nhẹ như lông hồng, đây là dịp tốt như cởi bỏ chiếc áo cũ rách nhợt nhợt để mặc áo mới tốt đẹp hơn, đây là cơ hội **chuyển phàm thành Thánh**, đáng mừng không gì phải kinh hoàng lo sợ.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nam Mô A Di Đà Phật.

82- Hỏi: Nếu đại nạn Bảo Mặt Trời xảy ra khủng khiếp vào năm 2013, người niệm Phật đạt Bất niệm Tự Niệm có chắc chắn được vãng sanh không?

Đáp: Chắc chắn, bảo đảm được vãng sanh, y cứ vào những lý lẽ sau đây:

1- Kinh *Quán Vô Lượng Thọ* dạy: “Trước giờ phút lâm chung chỉ cần niệm một câu A Di Đà Phật là được Phật A Di Đà tiếp dẫn sanh về Tây Phương Cực Lạc”.

2- Thông thường chúng ta niệm Phật dưới sự chỉ đạo của ý thức (Thức thứ 6), nhưng vì lý do gì đó, ý thức

ngung hoạt động, hoặc còn hoạt động mà bận rộn chuyện khác, hoặc điên đảo không chỉ đạo niệm Phật nên mất phần vãng sanh (Xin xem Phần II -Điều kiện vãng sanh và lý do không vãng sanh).

3.Người đạt Bất Niệm Tự Niệm sâu, niệm Phật không do ý thức chỉ đạo, mà do Tạng thức (Thức thứ tám) Tự niệm 24/24 (cũng gọi là Tâm Tự niệm hay Tự Tánh Tự niệm) bất luận tình huống nào (Tạng Thức thường còn, hoạt động 24/24 chẳng những thế mà còn hiện hữu từ kiếp này qua kiếp khác cho đến khi chuyển thành Đại Viên Cảnh Trí, thành Phật).

Do vậy nên nói là bảo đảm vãng sanh trong mọi tình huống.

83- Hỏi: *Vậy con muốn vãng sanh trước khi đại nạn xảy ra được không?*

Đáp: Được, nhưng phải niệm Phật đạt Lý Nhất Tâm Bất loạn (Lý Niệm Phật tam Muội).

(Xin xem câu hỏi thứ 38).

84- Hỏi: *Luận vãng sanh nói “Người nữ, kẻ khuyết tật và hàng nhị thừa không được vãng sanh” là sao?*

Đáp:

1- Kinh A Di Đà dạy: “Niệm Phật nhất tâm bất loạn được vãng sanh” Kinh Vô Lượng Thọ, nguyện mười tám (18) nói: “Trước giờ phút lâm chung, niệm mười (10) niệm được vãng sanh” Kinh Quán Vô Lượng Thọ dạy: “Trước giờ phút lâm chung, niệm một niệm được vãng

sanh”. Kinh *Pháp Cổ* nói: “Trước giờ phút lâm chung, ý muốn vãng sanh là được vãng sanh”.

Tất cả bốn kinh trên đều không phân biệt người nữ, kẻ khuyết tật hay hàng nhị thừa là không được vãng sanh mà tất cả những ai đáp ứng điều kiện ấn định đều được vãng sanh. (Hãy đọc Phần III: Điều kiện vãng sanh).

2- Trong bốn mươi tám đại nguyện của Phật A Di Đà, nguyện thứ tư: “Chúng sanh trong mười phương thế giới sanh về cõi tôi (Cực Lạc) đều đầy đủ thân sắc vàng ròng, ba mươi hai tướng đại trượng phu đoạn chánh, tịnh khiết, giống hệt nhau...”. Nhờ oai thần của nguyện này nên người nữ khi vãng sanh đều biến thành nam tướng, kẻ khuyết tật đều đầy đủ sáu căn.

3- Nhị thừa nói trên là Nhị thừa ngu pháp không tin có chư Phật và Tịnh độ mười phương, nên không hồi hướng phát nguyện vãng sanh nên không được vãng sanh.

Ngược lại, Nhị thừa không ngu pháp tin có chư Phật và Tịnh độ mười phương, hồi hướng phát nguyện vãng sanh thì được vãng sanh.

4- Thực tế

a. Kinh *Quán vô Lượng Thọ* đức Thế Tôn đã thọ ký cho quốc mẫu Vi Đề Hy Hoàng Thái Hậu cùng năm trăm (500) thị nữ vãng sanh Cực Lạc. Sách *Tịnh độ Thánh Hiền Lục* ghi chép rất nhiều Tăng Ni, Ưu bà di (cư sĩ), đồng vãng sanh Cực Lạc.

b. Kinh *Đại Thừa Vô Lượng Thọ* nói: Cõi Cực Lạc có vô số Thanh Văn (Thanh Văn không ngu pháp). Dầu cho mười phương thế giới chúng sanh đều đắc thân thông như Ngài Mục Kiền Liên, dùng trọn cả cuộc đời mình,

độc cạn trí lực, hợp nhau tính toán số lượng thánh chúng trong cõi Cực Lạc thì những điều họ biết được chẳng bằng nổi một phần ngàn vạn số lượng thánh chúng trong cõi ấy (Cực Lạc).

85- Hỏi: Tội ngũ nghịch là gì, chịu hình phạt thế nào?

Đáp: Tội ngũ nghịch là năm tội cực ác trái với đạo lý:

-Theo kinh *Tăng Nhất A- Hàm*, đó là giết mẹ, giết cha, giết A La Hán, làm thân Phật ra máu, và phá hòa hợp Tăng.

-Theo Kim *Quang Minh Tối Thắng Vương Kinh Sớ* 5, đó là giết cha mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật ra máu, phá hoà hợp Tăng và phỉ báng Đại thừa.

Người phạm vào năm tội này sẽ bị đọa vào Địa ngục vô gián. Đây là địa ngục ở tầng thứ tám của địa ngục nóng. Vô gián có năm nghĩa:

1- Sau khi chết bị đọa ngay vào ngục đó không có gián cách (không qua giai đoạn trung âm).

2- Chịu khổ không gián đoạn.

3- Trong vòng một kiếp tương tục không gián đoạn (thời gian chịu khổ).

4- Trong vòng một kiếp thọ mạng không gián đoạn (chết đi sống lại liên tục).

5- Thân hình đầy khắp địa ngục không xen hở (đề thọ khổ).

Tội nhân bị gươm đao đâm chém., gây gộc đánh đập, cối xay nghiền giã,v...v... và v...v... Đau khổ vô cùng, mỗi ngày chết đi sống lại không biết bao lần mà kể.

Thông thường nói kiếp là đại kiếp, mà:

1 đại kiếp = 1 tỷ 344 triệu năm.

Nếu nói Tiểu kiếp thì:

1 tiểu kiếp = 16 triệu 378 ngàn năm.

1 ngày địa ngục = mấy ngàn năm nhân gian.

Mãn kiếp địa ngục sanh Ngạ quỷ. Mãn kiếp Ngạ quỷ sanh súc sanh, Mãn kiếp súc sanh sanh làm Người hạ liệt. Một khi mất thân người phải chịu khổ đau, trôi lăn trong ba đường ác thời gian dài ôi là dài, tính không nổi.

Ba tội giết cha mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật ra máu có thể chúng ta khó phạm. Hai tội Phá hòa hợp Tăng và phỉ báng Đại thừa (Chánh pháp) Phật tử chúng ta vì không hiểu, vô tình đã phạm quá nhiều, như chúng ta tu Tịnh độ chệch bại Thiền, người tu Thiền chệch bại Tịnh độ, cả hai đều phạm tội phỉ báng chánh pháp, sa Địa ngục vô gián.

Ngưỡng mong rằng hàng Phật tử chúng ta nghĩ đến sự khổ lâu dài, khủng khiếp của Địa ngục vô gián mà luôn gìn giữ tránh khẩu nghiệp.

Nam Mô A Di Đà Phật.

86- Hỏi: Trong những năm gần đây cư sĩ tu Tịnh nghiệp ở Việt Nam vãng sanh rất nhiều, là nhờ công lao của các Ban Hộ Niệm phải không thầy?

Đáp: Đúng, phải nhưng không hoàn toàn như vậy, nhận xét này chưa hoàn hảo, còn phiến diện.

Thành tựu một người vãng sanh là thành tựu một vị Phật tương lai công đức này rất vĩ đại, Minh Tuệ tôi cảm nhận, bái phục, chân thành tán thán công đức rất lớn lao của chư liên hữu trong các Ban Hộ Niệm.

Nói cho đúng Hộ có nghĩa trợ giúp, là duyên không phải là nhân, duyên không thể thành quả. Nhân nhờ thêm duyên nên thành quả. Không nhân không duyên không bao giờ có quả. Có duyên mà không nhân cũng không bao giờ thành quả.

Trước giờ phút lâm chung dù Phật có hiện ra mà đương nhân không niệm Phật (không chịu đi), Phật cũng không tiếp dẫn được, hướng hồ ố Ban hộ niệm. Hiểu vậy, mỗi mỗi hành giả Tịnh nghiệp chúng ta không được phép ỷ lại, nương tựa hoàn toàn ở Ban Hộ niệm. Hành giả phải tự lực tinh tấn hành trì Niệm Phật đạt Bất Niệm Tự Niệm để tự bảo đảm vãng sanh, hay ít nhất cũng tự tạo nhân Tịnh nghiệp (chủng tử Niệm Phật) khá lớn mạnh, đủ khả năng chín mùi khi được hộ niệm, liền khởi tâm xưng danh hiệu Phật để được Đức Phật tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc.

Tóm lại các liên hữu chúng ta được vãng sanh nhiều là nhờ **hai yếu tố** là đương nhân sẵn có hạt giống niệm Phật lớn mạnh và được trợ niệm, như sau:

1- Các chùa Tịnh độ (như Chùa Hoàng Pháp,...), các Niệm Phật đường đã dày công tôi luyện (huân trưởng) cho hành giả có hạt giống Niệm Phật khá lớn mạnh.

2- Ban Hộ Niệm trợ duyên giúp hạt giống chín mùi, hành giả phát tâm xưng danh hiệu Phật.

Tóm lại, trước tiên hành giả phải chí tử hạ thủ công phu niệm Phật để đạt Bất Niệm Tự Niệm, tự bảo đảm

vãng sanh, bằng như chưa tới trình độ này, chủ yếu chúng tử (hạt giống) niệm Phật cũng đã **lớn mạnh**. Sau cùng nhờ Ban Hộ niệm trợ giúp cho chúng tử khởi hiện hành (đương nhân niệm Phật) liền được Phật tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc.

87- Hỏi: Vậy sao có một Ban Hộ Niệm nói họ hộ niệm bảo đảm vãng sanh 100%.

Đáp: Tôi thiết nghĩ không hẳn như vậy. Đây có thể là lời ca tụng của người ngoài Ban Hộ Niệm. Vì các lý sau:

1- Hồi đức Thế Tôn còn tại thế, Ngài cũng chỉ độ được người hữu duyên với Ngài (nhân đã chín mùi). Ngài đâu có độ được hết thảy chúng sanh, thì Ban Hộ niệm làm sao thành công 100%.

2- Ban Hộ Niệm thừa biết:

- Mình chỉ là trợ duyên mà thôi, duyên không đủ điều kiện trở thành quả (mà phải là nhân).

- Tổ Thiện Đạo Đại sư dạy: “Người đã được nói là được để khoe khoang, khoác lác là nuôi lớn cái Ta, từ đó sanh ra công cao ngã mạn thì bao nhiêu công đức tu hành tự thiêu hủy hết”.

- Tổ Ấn Quang Đại sư dạy: “Chưa được mà nói được, hoặc được mười nói mười một là đại vọng ngữ, sẽ sa Địa ngục A Tỳ”.

Đã biết những điều nói trên chắc chắn Ban Hộ Niệm không tài nào dám nói là họ hộ niệm bảo đảm vãng sanh 100%.

Kính xin quý liên hữu hãy thận trọng giữ gìn **Tránh khẩu nghiệp!**

88- Hỏi: *Người niệm Phật đạt Bất Niệm Tự Niệm có được chứng đắc gì chưa? Lợi ích thế nào?*

Đáp:

1- Chưa chứng, chưa đắc gì cả, chỉ tạm gọi là nhập môn (vào cửa).

2- Lợi ích:

a. Liên Tông nhị Tổ Thiện Đạo đại sư, Bát Tổ Liên Trì đại sư và Hòa thượng Trí Tịnh đồng dạy: “Người niệm Phật phải đạt Niệm Lực Tương Tục (Bất Niệm Tự Niệm) mới đúng nghĩa chấp trì danh hiệu mà Đức Thế Tôn dạy trong Kinh *A Di Đà*, nếu giữ trọn đời thì **bảo đảm** vãng sanh (*Đường về Cực Lạc* và *Kệ Niệm Phật*).

b. Bước đầu này rất quan yếu. Có vào cửa mới vô được nhà, nếu không thì đời đời kiếp kiếp lang thang ngoài sân, chur Tổ thường quở là niệm Phật ngoài da (chưa vô thịt, xương, tủy) mãi mãi trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi. Phải qua cửa ải Bất Niệm Tự Niệm mới vào được thành “Niệm Phật Thành Một Khối, Nhất Tâm Bất Loạn”. Ví như ngoài đời phải trúng tuyển nhập học trường y khoa mới có ngày thành tài Bác sỹ .

89- Hỏi: *Người mới nhập tâm sao nghe tiếng của máy, hoặc tiếng của quý thầy chớ không phải tiếng của mình?*

Đáp: Nhân nào quả nấy, khi hành trì huân tập giọng nào nhiều, mạnh, giọng đó sẽ khởi lên trước. Hạt giống

của đời này lẫn những đời trước, hạt giống nào mạnh sẽ khởi hiện hành trước. Trong thời gian huân trưởng, huân tập bằng giọng của mình, thời gian ngắn sẽ ra tiếng của mình. Chớ đặt nặng là tiếng, giọng của ai vì nó sẽ thay đổi theo tiến trình công phu của hành giả.

90- Hỏi: *Bất Niệm Tự Niệm và Vô Niệm mà Niệm là một hay khác? Nếu khác thì khác chỗ nào?*

Đáp: Khác, khác xa lắm.

-Bất Niệm Tự Niệm là bước đầu (vào cửa) Tịnh nghiệp, chưa chứng đắc gì cả, còn nghe tiếng niệm Phật (hữu tướng).

-Vô Niệm Mà Niệm là thành tựu Tịnh nghiệp, đắc Lý Nhất Tâm Bất Loạn (Lý Niệm Phật Tam Muội), hoàn toàn không nghe tiếng niệm Phật, vẫn biết Tự Tánh đang niệm Phật mà không nghe tiếng (Vô tướng). Trình độ này ngang với Đại triệt đại ngộ, Minh tâm kiến tánh của Thiền Tông, là Đại Bồ Tát sanh tử tự tại, vãng sanh sớm hay muộn, thời gian nào tùy theo ý muốn.

2. Kết luận

Kinh *Hoa Nghiêm* dạy: “Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ, đức tướng Như Lai nhưng vì bị vọng tưởng, phân biệt, chấp trước che lấp nên Phật tánh không thể hiện bày”. Có nghĩa là nếu dẹp hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì thành Phật. Tuy nói là ba: vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nhưng kỳ thật chỉ cần trừ vọng tưởng. Vì có vọng tưởng (vô minh) mới phân biệt, phân biệt rồi mới chấp trước. Hết vọng tưởng lấy gì để phân biệt, chấp

trước. Niệm Phật là dùng danh hiệu Phật dẹp trừ vọng tưởng. Niệm Phật thuần thực, vọng tưởng tự dứt, **tâm tự không, Phật tánh** tự hiện bày, đơn giản thể thôi. Tóm lại, chỉ cần có niềm tin vững chắc, có niềm tin tuyệt đối rồi, quyết tâm hạ thủ công phu bằng mười sáu chữ sau đây:

**“BUÔNG XẢ VẠN DUYÊN,
NHẤT TÂM NIỆM PHẬT,
NIỆM NHIỀU, KHÔNG XEN TẠP,
KHÔNG GIÁN ĐOẠN”.**

Quyết định sẽ thành tựu chí nguyện vãng sanh Cực Lạc thành Phật độ chúng sanh.

Nam Mô A Di Đà Phật

-oOo-

Di Huấn Của Pháp Nhiên Thượng Nhân:

-Chúng sanh thời mạt pháp là đương cơ của Vãng sanh Cực Lạc.

-Hạnh tuy ít, chớ nghi một niệm mười niệm đã đủ.

-Tuy tội chướng chớ nghi, dù tội nặng cũng được cứu.

-Thời mạt pháp chớ nghi, chúng sanh sau thời mạt pháp còn được cứu.

-Thân tuy ác xin chớ nghi, Tổ Thiện Đạo nói “Bản thân tôi là phàm phu đây nghiệp chướng”.

Hai Mươi Điều Khó Làm

Đức Phật dạy người tu hành có hai mươi điều khó làm như sau:

1. Nghèo nàn bố thí là khó.
2. Giàu sang học Đạo là khó.
3. Bỏ thân mạng quyết chết là khó.
4. Thấy được kinh Phật là khó.
5. Sinh vào thời có Phật là khó.
6. Nhãn sắc là điều khó.
7. Thấy tốt không cầu là khó.
8. Bị nhục không tức là khó.
9. Có thể lực không dựa vào là khó.
10. Gặp việc vô tâm là khó.
11. Học rộng nghiên cứu sâu là khó.
12. Diệt trừ ngã mạn là khó.
13. Không khinh người chưa học là khó.
14. Tâm bình đẳng là khó.
15. Không nói chuyện phải trái là khó.
16. Gặp Thiện trí thức là khó.
17. Thấy tánh học Đạo là khó.
18. Tùy duyên hóa độ là khó.
19. Thấy cảnh tâm bất động là khó.
20. Khéo biết phương tiện là khó.

Người tu là đi ngược giòng thế tục, làm những việc mà người thế gian khó làm, khó làm mà làm được mới là quý (nhiều phước đức, nhiều công đức). Ai vượt qua được, làm trọn vẹn hai mươi điều khó làm này sẽ nhập giòng Thánh, vãng sanh Thượng Phẩm sớm thành Phật độ chúng sanh. Vậy ngưỡng mong chư hành giả phần đầu thực hành những điều khó làm này được càng nhiều càng tốt hầu hỗ trợ mạnh cho việc vãng sanh theo đúng chí nguyện.

CHÚ THÍCH

(1) Thập tín gọi đủ là Thập tín tâm, gọi tắt là thập tâm, chỉ cho 10 Tâm mà Bồ Tát của mười giai vị đầu tiên trong 52 giai vị tu hành. Mười tâm này thuộc tín vị, có khả năng giúp cho hành giả thành tựu hạnh tín.

(2) Ngũ căn là năm pháp làm gốc nảy ra tất cả thiện pháp khác. Gồm có: **Tín căn** là tin tưởng Tam Bảo, Tứ Đệ; **Tấn căn** (còn gọi là Cần căn) là dũng mãnh tu thiện pháp; **Niệm căn** là nhớ đến chính niệm pháp; **Định căn** là giúp cho tâm định ở một cảnh mà không mất; **Tuệ căn** là suy nghĩ chân lý.

(3) Tam Tạng là kinh, luật và luận.

(4) Tam Tự Tịnh Giới là Giới Bồ Tát Đại thừa dù xuất gia hay tại gia đều tu được cả. Gồm có:

- Nhiếp Luật Nghi giới là thọ trì hết thấy giới luật
- Nhiếp Thiện Pháp giới là lấy việc tu hành hết thấy thiện pháp làm giới.
- Nhiếp Chúng Sanh giới còn gọi là Nhiêu Ích Hữu Tình giới là lấy việc làm lợi ích cho hết thấy chúng sanh làm giới.

(5) Ưu đàm đại sư, người đời Nguyên, họ Trương, quê ở Đơn Dương, gia thế thường thờ Phật. Mười lăm tuổi Ngài xuất gia nơi chùa Đông Lâm ở Lô Sơn, tỉnh Giang Tây. Đời Nguyên lại có một hội tên Bạch Liên Hội làm tất cả các việc tà đạo gây rối loạn nước nhà. Đứng trước tình thế này, năm đầu tiên hiệu Đại Đức (1305) đời vua Nguyên Thành Tông, đại sư Ưu Đàm đem hết tâm tư soạn thuật mười quyển Liên Tông Bảo Giám, làm rõ giáo nghĩa chân thật của Liên Tông, do Ngài Từ Chiêu đề xướng, đồng thời phá dẹp tà thuyết, tà hạnh của Bạch Liên Hội đương thời. Năm đầu niên hiệu Chi Đại (1308), do Bạch Liên Đạo Nhân thuộc Bạch Liên Dương ở tỉnh Phước Kiến làm việc sai quấy, vua lại xuống chiếu bãi bỏ Liên Tông. Đại sư Ưu Đàm đích thân đến kinh đô dâng sách lên Hoàng

để Nhân Tôn, cầu xin phục hưng giáo pháp Tịnh Độ. Vua xem xong bèn chuẩn y và cho phép in ấn, lưu hành, dạy Ngài làm giáo chủ, ban cho hiệu Hồ Khê Tôn Giả. Năm đầu tiên niên hiệu Thuận Hóa (1330) Đại sư ấn tượng ngôi niệm Phật vãng sanh.

(6) Gia hựu: gia là tăng thêm, hựu là sự giúp đỡ đây ân phước của bậc thánh minh. Gia hựu nghĩa rộng hơn gia hộ, vì ngoài ý nghĩa gia hộ, Đức Phật A Di Đà còn vận lòng từ bi, dùng quả đức trang nghiêm, phước đức vô tận của mình để gìn giữ tâm chánh niệm cho hành giả, dẹp yên ma ngoại, phiền não, chướng duyên khởi lên lúc lâm chung.

(7) Phật Thuyết Thập Vãng Sanh A Di Đà Phật Quốc Kinh nói: “Nếu có chúng sanh tin tưởng sâu xa kinh này, niệm A Di Đà Phật, nguyện vãng sanh thì Đức Phật A Di Đà trong thế giới Cực Lạc kia bèn sai Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Pháp Tạng Bồ Tát, Bảo Tạng Bồ Tát, Kim Tạng Bồ Tát, Kim Cang Bồ Tát, Sơn Hải Huệ Bồ Tát, Quang Minh Vương Bồ Tát, Hoa Nghiêm Vương Bồ Tát, Chúng Bảo Vương Bồ Tát, Nguyệt Quang Vương Bồ Tát, Nhất Chiếu Vương Bồ Tát, Tam Muội Vương Bồ Tát, Tạng Vương Bồ Tát, Đại Tạng Vương Bồ Tát, Bạch Tạng Vương Bồ Tát, Đại Oai Đức Vương Bồ Tát, Vô Biên Thân Bồ Tát, hai mươi lăm Bồ Tát ấy ủng hộ hành giả, dù đi hay đứng, dù nằm hay ngồi, dù ngày hay đêm, trong hết thầy thời, hết thầy nơi, chẳng cho ác quỷ, ác thần được dịp làm hại.

(8) Mười hai loại bộ kinh cũng gọi là Thập Nhị Phần Giáo, chỉ cho mười hai loại kinh được phân biệt theo hình thức và nội dung giáo pháp của Phật:

- 1) Khế Kinh cũng gọi là Trường Hàng, tức thể văn xuôi, trực tiếp ghi chép giáo thuyết của Phật.
- 2) Ứng Dụng cũng gọi là Trùng Tụng, là phần kệ tụng giải thích lại cho rõ ràng những giáo thuyết mà *Khế Kinh* đã nói.

- 3) Ký Biệt cũng gọi là Thọ Ký, vốn là thể loại giải thích về giáo nghĩa. Đời sau đặc biệt chỉ cho những lời ẩn chứng trước của Phật về các việc làm trong vị lai của các đệ tử.
 - 4) Phúng Tụng cũng gọi là Cô Khởi, là thể loại kệ tụng độc lập, trực tiếp ghi chép giáo thuyết của Phật, không lặp lại ý nghĩa trong phần văn trường hàng đã nói trước đó như vai trò của Ứng Dụng.
 - 5) Tự Thuyết nghĩa là Đức Phật không đợi người khác thưa hỏi mà Ngài tự khai thị giáo pháp.
 - 6) Nhân Duyên là ghi chép nhân duyên giáo hóa thuyết pháp của Phật.
 - 7) Thí Dụ là dùng thí dụ để giảng nói pháp nghĩa.
 - 8) Bản Sự là thể loại ghi chép về hành trạng của Phật và các đệ tử ở đời quá khứ ngoài bốn sinh giám. Hoặc các kinh mở đầu bằng câu “Phật thuyết như thị” cũng thuộc thể loại này.
 - 9) Bản Sinh là thể loại ghi chép những hạnh đại bi mà Đức Phật tu hành trong các đời quá khứ.
 - 10) Phương Quảng là các kinh giảng nói giáo nghĩa sâu xa, rộng lớn.
 - 11) Hỷ Pháp cũng gọi là Vị Tăng Hữu pháp tức thể loại ghi chép những việc hiếm có của Phật và các đệ tử.
 - 12) Luận Nghị là thể loại kinh ghi chép việc Đức Phật nghị luận về thể tính các pháp, phân biệt rõ ràng ý nghĩa.
- (9) Chánh báo là quả báo chánh thức mà thân tâm thọ dụng. Hết thấy mọi sự vật thế gian mà thân tâm ta nương tựa gọi là y báo.
- (10) Tương ứng là khế hợp ví như thùng và nắp khớp với nhau vậy.
- (11) Hám Sơn đại sư tự là Đức Thanh, họ Thái, người đất Kim, Kim Lang. Xuất gia từ lúc 19 tuổi. Ngài chuyên tâm niệm Phật. Có một đêm, Đại sư nằm mơ thấy Đức A Di Đà hiện thân giữa hư

không. Từ đó về sau, Ngài thấy tướng Phật dường như phương phát trước mặt. Đại sư tham thiền gần mười năm, khi được tỏ ngộ liền vào ẩn trong núi Lô Sơn tu tịnh nghiệp. Rồi Ngài đến Tào Khê niệm Phật mà hóa vãng, thọ 78 tuổi. Nhục thân vẫn còn thờ ở chùa Nam Hoa, Tào Khê chung với nhục thân của Đức Lục Tổ Huệ Năng.

(12) Thiện Đạo đại sư là Tổ thứ hai của Tịnh Độ tông, là Phật A Di Đà hóa thân.

(13) Tám thức là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mạng na thức và tạng thức. Tứ trí là Diệu quan sát trí, Bình đẳng tánh trí, Thành sở tác trí và Đại viên cảnh trí.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Tịnh Độ Tam Kinh**, Hòa thượng Thích Trí Tịnh *dịch*.
2. **Kinh Niệm Phật Ba La Mật**, Cố Hòa thượng Thích Thiên Tâm *dịch*.
3. **Kinh Pháp Cú**.
4. **Kệ Niệm Phật**, Hòa thượng Thích Trí Tịnh *biên soạn*.
5. **Niệm Phật Thập Yếu**, Cố Hòa thượng Thích Thiên Tâm *biên soạn*.
6. **Niệm Phật Cảnh**, đại sư Thiện Đạo tập ký, Thích Minh Thành *dịch*.
7. **Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ**, đại sư Thiện Đạo tập ký, Thích Pháp Chánh *dịch*.
8. **Liên Trì Cảnh Sách**, Thích Quang Ánh *dịch*.
9. **Ngẫu Ích Đại Sư Pháp Ngữ**, Như Hòa *dịch*.
10. **Triệt Ngộ Đại Sư Thị Chúng**, Thích Nguyên Chơn *dịch*.
11. **Tuyển Trạch Bốn Nguyên Niệm Phật Tập, Niệm Phật Tông Yếu**, Pháp Nhiên Thượng Nhân *soạn*, Thích Tịnh Nghiêm và Nguyễn Văn Nhân *dịch*.
12. **Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao**, Như Hòa *dịch*.
13. **Tuyệt Hư Lão Nhân Tịnh Độ Tuyển Tập**, Như Hòa *dịch*.
14. **Pháp Sư Tịnh Không Pháp Ngữ**, Thích Nguyên Tạng *dịch*.

15. **Công Đức Niệm Phật**, Hoà thượng Tịnh Không tập ký, Thích Nguyên Tạng *dịch*.
16. **Từ điển Bách Khoa Phật Giáo Việt Nam**: Cố Hòa thượng Thích Trí Thủ chủ trương, Lê Mạnh Thát *chủ biên*.
17. **Pháp Môn Đễ Tu, Đễ Chứng, Hợp Thời Cơ**, Thích Thông Lạc *dịch*.
18. **Luận Tịnh Độ**, Nguyên tác Thích Ca Tài.
19. **Tịnh Độ Cảnh Ngữ**, Hành Sách Đại Sư tập ký.
20. **Niệm Phật Kính Luận**, Thiện Đạo Đại Sư tập ký, Thích Minh Thành *dịch*.
21. **Trùng Đỉnh Tây Phương Công Cứ**, Ấn Quang Đại Sư, Vật Nhân Pháp Sư tập ký.
22. **Liên Tông Bửu Giám**, Ưu Đàm Đại Sư, Thích Minh Thành *dịch*.
23. **Đường Về Cực Lạc**, Hòa Thượng Thích Trí Tịnh tập ký.
24. **Tịnh Độ Chỉ Quyết**, Đạo Bái Thiên Sư *soạn*, Thích Minh Thành *dịch*.
25. **Tịnh Độ Pháp Ngữ (Lá Thư Tịnh Độ, Hương Quê Cực Lạc, Tịnh Độ Thập Nghi Luận, Tịnh Độ Hoặc Vấn)**, Cố Hòa Thượng Thích Thiên Tâm *dịch*.
26. **Một Đời Vãng Sanh Chấm Dứt Luân Hồi Tuyển Tập 2010**.
27. **Liễu Sinh Thoát Tử** Thích Quang Phú *dịch*.

**PHƯƠNG DANH PHẬT TỬ ẮN TỔNG.
NIỆM PHẬT ĐẠT BẤT NIỆM TỰ NIỆM
BẢO ĐÁM VẮNG SANH.**

Thầy Pháp Quang	\$200.00	Thầy Minh Tuệ	\$200.00
Sư cô Thanh Định	\$100.00	Thầy Chân Văn (Fl)	\$100.00
Hồng Việt	\$500. 00	Ni Sư Như Như	\$200.00
Hồng Oanh (Pháp)	\$500. 00	(Florida)	
Huệ Đức (VN)	\$500.00	Diệu Hải, Minh An	\$500.00
		(Austin)	
Minh Quang (VN)	\$500.00	Ăn danh (Austin)	\$500.00
Huệ Tài (VN)	\$100.00	Minh Hiền, Diệu	\$200.00
		Hương (Austin)	
Huệ Ngọc (Pháp)	\$100.00	Diệu Quý, Chánh	\$50.00
		Thường Hoàng	
		(Austin)	
Huệ Tâm	\$100.00	Từ Tâm Hiền (Fort	\$100.00
		Worth)	
Huệ Quang (VN)	\$100.00	Diệu Nhân (Austin)	\$150.00
Thùy Trang (VN)	\$100.00	Diệu Viên (Austin)	\$50.00
Ăn danh (Houston)	\$10.00	Hoảng Viên (Austin)	\$50.00
Văn công Hiền (Fl)	\$100.00	Diệu Thiện (Austin)	\$20.00
Phật tử ăn danh	\$100.00	Nguyễn Hỷ (Austin)	\$20.00
(Michigan)			
Không Trì và Diệu Pháp	120 quyển	Linh	\$100.00
(Arizona)			
KT Printing	1,000 quyển	Lê thị Thâm (Fl)	\$50.00
Quang Linh	\$100.00	Thiện Thủy (Austin)	\$20.00
Tâm Hòa	\$500.00	Bạch Liên (Kansas)	\$100.00
Hai Phật tử ăn danh	\$200.00	Minh Pháp, Liễu Châu	\$20.00
(Pennsylvania)			
Hai Phật tử ăn danh	\$700.00	Diệu Thuận	\$50.00
(Houston)			
Diệu Lan (Hương)	\$50.00	Diệu Bửu	\$20.00
Ăn danh (Houston)	\$50.00	Từ Thiện	\$100.00
Ăn danh (Houston)	\$100.00	Trần Thị Thu Thủy	\$50.00
		(Diệu Ngọc)	
Ăn danh (Houston)	\$50.00	Nguyễn Tuyết	\$50.00
Tâm Giác	\$50.00	Tịnh Ngọc	\$100.00

Diệu Hương	\$10.00	Viên Thu	\$20.00
Diệu Lan	\$50.00	Hoàng Khánh	\$50.00
Nhuận Mỹ	\$100.00	Diệu Minh	\$20.00
Nhuận Ngân	\$100.00	Hạnh Mẫn	\$20.00
Diệu Trang	\$20.00	Hạnh Thảo	\$50.00
Ăn danh (Houston)	\$40.00	Chơn Chánh Trung	\$50.00
Ăn danh (Houston)	\$20.00	Hoàng Ngọc	\$50.00
Thiện Bảo (Florida)	\$100.00	Diệu Đáp	\$10.00
Diệu Thủy	\$50.00	Từ Thiện	\$60.00
Hoa Thiện	\$20.00	Hoàng Truyền	\$50.00
Đồng Chánh & Viên Thu	\$20.00	Ly Ly Phạm	\$50.00
Ăn danh (Houston)	\$50.00	Diệu Quả	\$100.00
Diệu Ngọc	\$10.00	Nhuận Thức	\$20.00
Diệu Hội	\$10.00	Diệu Thiện	\$100.00
Diệu Quế	\$15.00	Diệu Thanh (CA)	\$100.00
Hoàng Quang	\$50.00	Ăn danh (CA)	10,000 quyển
Diệp Khang Phụng	\$20.00	Diệu Minh	\$50.00
Thái Hóa Sơn	\$20.00	Diệu Lý (CA)	\$200.00
Giác Minh (Kansas)	\$200.00	Khánh Vân (CA)	\$100.00
Nhuận Đào	\$20.00	Diệu Chánh (VA)	\$200.00
Minh Hòa	\$20.00	Minh Phước	\$100.00
Nhuận Giải	\$200.00	Thiện Tâm & Ngọc Dung	\$40.00
Nguyễn Thảo	\$10.00	Khương Văn Huân (Minh Từ)	\$50.00
Diệu Âm Diệu Lạc	\$100.00	Nguyễn Thị Tố Nga	\$20.00
Diệu Thu (Austin)	\$40.00	Đức Nhã (CA)	\$300.00
Phước Ngọc	\$100.00	Diệu Thanh (Houston)	\$250.00
Ăn danh (MI)	\$1000.00	Ăn danh (Austin)	\$1,000.00
Ăn danh(MI)	\$40.00	Minh Trung (CA)	\$300.00
Ăn danh(MI)	\$100.00	Minh Tu, Diệu Hoa	\$100.00
Ăn danh (Austin)	\$100.00	Diệu Hương (VA)	\$100.00
Diệu Huệ (Austin)	\$20.00	Thanh Lương (VA)	\$100.00
Ăn danh (CA)	\$10.00	Anh Vũ (VA)	\$100.00
Lý Kiều	\$50.00	Diệu Tâm (VA)	\$50.00
Lý Số Ngọc	\$50.00	Diệu Tâm (VA)	\$20.00
Bùi Thị Lương	\$50.00	Diệu Châu (VA)	\$20.00

Niệm Phật Đạt Bất Niệm Tự Niệm Bảo Đâm Vãng Sanh

Từ Kim Thành	\$50.00	Tâm Ngọc (VA)	\$20.00
Nguyễn T. Tuyết Nhung (Hoảng Nga)	\$100.00	Quang Diệu Thảo (VA)	\$20.00
North Miami Nails Salon Corp (FL)	\$750.00	Đặng Ngọc Thoa (VA)	\$20.00
Lý Thu Cúc	\$50.00	Nguyễn Nhi (VA)	\$20.00
Nhật Tâm (CA)	\$500.00	Đặng Ngọc Trai (VA)	\$20.00
Từ Kim Anh	\$50.00	Diệu Hòa (VA)	\$10.00
Từ Liên & Ngọc	\$50.00	Phú Bình (VA)	\$10.00
Huỳnh Ngọc Vân	\$50.00	Phú Định (VA)	\$10.00
Thái Kim Oanh	\$100.00	Kim Dung (VA)	\$5.00
Diệu Anh (CA)	\$200.00	Diệu Ngọc (VA)	\$5.00
Ăn danh (CA)	\$4,300.00	Nguyễn Định (VA)	\$5.00
Ăn danh (MI)	\$200.00	Diệu Thông (VA)	\$5.00
Trí Ngọc (Canada)	\$500.00	Ngọc Tường (VA)	\$5.00
Tâm Phương (FL)	\$100.00	Diệu Thanh (VA)	\$5.00
Tâm Lưu (FL)	\$100.00	Xuân Trang (FL)	\$50.00
Minh Thái Hải An (Florida)	\$100.00	An danh (FL)	\$60.00
Định Nguyễn Minh Hồi	\$50.00	Cynthia Hoa Nghiêm Diệu Tâm	\$100.00
Danh S Huynh (CO)	\$150.00	Trần trường Chinh	\$150.00
Nguyễn thụy Phượng	\$50.00	Nguyễn thị thu Cúc	\$50.00
Võ phương Chi	\$20.00	Phương Đoan (VA)	\$1000.00
Diệu Âm (Diệu Lạc) (OR)	\$200.00	Tu Đường Thiên Lâm	\$300.00
Thái kim Mai Từ Mẫn	\$50.00	Kevin Minh Đạt Đố James Thi Thái Đố	\$50.00
Linda Diễm Trương	\$100.00	Diệu Ngọc (VA)	\$120.00
Thiện Châu, Thiện Tâm, Thiện Duyên (MD)	\$300.00	Du Phạm Diệu Thanh	\$100.00 \$20.00
Diệu Lan (Thu Cúc)	\$50.00	Quảng Hoàng	\$100.00
Chúc Tuyên (CA)	\$200.00	Tuệ Kiên	\$100.00
Ăn danh	\$20.00	Diệu Thanh (Houston)	\$100.00

Quảng Vân	\$100.00	Diệu Phẩm	\$100.00
Đồng Huệ	\$50.00	Diệu Hoa	\$20.00
Diệu Phước	\$20.00	Hồng Gấm	\$20.00
Hải Nhiệm	\$40.00	Diệu Âm Như Khai	\$50.00
Ông Bà Phạm văn Dự	\$100.00	Tăng thị Khoan	\$100.00
Diệu Thuận			
Nhuộm Hương	\$50.00		
Ngọc Minh	\$40.00	Nguyễn văn Thân	\$100.00
Trần thị Phượng	\$40.00	Nguyễn thị Hiền	\$50.00
		My Dung	
Nguyễn Thị Hai	\$50.00	Diệu Hải	\$50.00
Lê ngọc như Ý	\$40.00	Diệu Quý Chánh	\$50.00
Nguyễn Tâm		Thường Hoàng	
Trịnh phước Trường	\$60.00	Tâm Nguyên	\$20.00
Trịnh ngô Hương Huyền			
Không Tâm	\$40.00	Lynch Tran (CA)	\$50.00
Không Hương			
Gia đình Quảng Diên	\$300.00	Ăn danh	\$20.00
Hồng Huỳnh (IL)	\$100.00	Thiện Kiến	\$50.00
Diệu Viên (LA)	\$100.00	Nguyễn thị Hằng (FL)	\$100.00
Ăn danh (AR)	\$1500.00	Tâm Thông Giác	\$200.00
		Tâm Thiện Niệm	
Tịnh Lạc (PA)	\$500.00	Diệu Hạnh (CT)	\$100.00
Steven L Do	\$100.00	Ăn danh (CA)	\$115.00
Yến t Lê (GA)	\$50.00	Ăn danh (MI)	\$200.00
Tôn Nữ Như Huệ	\$100.00	Tịnh Duyên	\$50.00
(Canada)		Oanh t Đố	
Tu đường Thiên Lâm	\$300.00	Diệu Tịnh (CO)	\$100.00
(CO)			
Quảng Hoàng	\$100.00	Hiếu Trần	\$20.00
Ngọc Nữ	\$30.00	Giàu v Lê	\$20.00
Tâm Từ	\$50.00	Diệu Xuân, Tuyết Mai	\$200.00
		Nguyễn Lâm (CO)	

Dương kim Lang	\$100.00	Ấn danh	\$100.00
Viên Tịnh (NC)	\$50.00	Hạnh Mai Chadwick (UT)	\$200.00
Diệu Xuân (C0)	\$200.00	Hồ Thị Hồng (Canada)	100 CAD
Đào Thị Huệ PD Chon Bửu (Canada)	20 CAD	Lam Dung PD Minh Huy (Canada)	200 CAD
Nguyễn Ngọc PD Giác Từ (Canada)	20 CAD	Phạm Thi Yen PD Nguyen Anh (Canada)	50 CAD
Thiên Tường & Thanh Ngọc (Canada)	200 CAD	Trần Thị Num PD Bửu Ngọc (Canada)	20 CAD
Trần Cẩm Huệ (Canada)	50 CAD	Nguyễn Diệp (Canada)	500 CAD
Minh Giác & Diệu Ngộ, Nguyễn Thanh Trúc Alice, Nguyễn Tiến Preston, Nguyễn Lập (Canada)	150 CAD	Diệu Hồng (Canada)	20 CAD
Mai Lý (MI)	\$100.00	Anh Từ & gia đình (Canada)	100 CAD
Lưu Kim Nga (Canada)	122 CAD		

Quý vị Phật tử trên đây đã cùng với gia đình quyến thuộc cùng chung đóng góp tịnh tài để ấn tống sách giảng Phật Pháp. Kính xin hồi hướng cầu nguyện Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển, mưa thuận gió hòa, quốc gia hưng thịnh, thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc.

Nguyện đem công đức này,

Hướng bốn ân ba cõi,

Khắp pháp giới chúng sanh,

Đồng vãng sanh Cực Lạc,

Thành Phật độ chúng sanh.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Chi phiếu (check) cúng dường ấn tống sách xin đề:

YEN TRAN

Và gửi về:

Thích Minh Tuệ

31155 Bunting Road

Waller, TX 77484 USA



ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC ĐỂ THỈNH SÁCH

Website: www.Tinhluatemple.org

MỸ (USA)

Tịnh Luật Temple

8703 Fairbank N Houston Rd
Houston, TX 77064
(713) 856-7802

Tịnh Luật Monastery

Thích Minh Tuệ
31155 Bunting Rd
Waller, TX 77484
713-499-9379

Tịnh Luật Book & Gift Store

10515 Bellaire Blvd, Suite E
Houston, TX 77072
(281) 564-1881

Đạo hữu Diệu Âm (Austin)

609 Russet Valley Drive
Cedar Park, TX 78613
(512) 694-4314
Xin để lại lời nhắn tin
minhnguyen62@msn.com

Đạo hữu Minh Chí

25714 Pennie St..
Dearborn HTS, MI 48125
(940) 230-5312

Đạo hữu Diệu Trí

8135 E. Smooth Sumac Lane
Tucson, AZ 85710
(520) 331-8495

Đạo hữu Phương Đoàn

7602 Southern Oak Drive
Springfield, VA 22153
(703) 489-9739

Đạo hữu Nguyễn Bá

622 Laurel Way, N.
Landerdale, FL 33068
(954) 598-2032

Thầy Thích Túc Quang

PO Box 4023941
Bedford, KY 40006
(513) 375-6767

Đạo hữu Minh Dũng

2801 Amberwood St
Springdale, AR 72762
(479) 756-1844

Đạo hữu Ngọc Mỹ

1925 S 174 Ave
Goodyear, AZ 85338
(623) 399-2421

Đạo hữu Hương Hoa

685 Yorkhaven Rd
Cincinnati, OH 45246
(513) 825-4649

**Trung tâm văn hóa Phật Giáo
Pháp Quang**
9191 Bolsa Ave # 115
Westminster, CA 92683
(714) 891-1465

Đạo hữu Trúc Phổ
7313 Humingbird Circle
Oakhlahoma City, OK 73162
(405) 213-5183

Đạo hữu Diệu Chánh
5909 Erving St
Springfield, VA 22150
(703) 915-4368

Niệm Phật Đường A Di Đà
2578 Lititz Pike
Lancaster, PA 17601
(717) 475-9527

Đạo hữu Thiện Châu
2704 Waller Rd
Silverspring, MD 20906
(301) 919-7090

Đạo hữu Minh Trung
PO Box 3100 Tustin
CA 92781-3100
(714) 312-9113

Đạo hữu Diệu Âm Diệu Lạc
6280 Khilds Road
Lake Oswego, OR 97035
(503) 980-8863

Đạo hữu Diệu Thanh
7145 Geary Blvd, Apt # 2
San Francisco, CA 94121
(415) 283-8821

**Đạo hữu Đồng Huệ
Nguyễn Thị Lam**
11236 Madison Park Drive
Tampa, FL 33625-3959
(813) 507-6555

Đạo hữu Thịnh Nguyễn
3800 Windstream Way
Jamestown, NC 27282
(336) 549-9208

Đạo hữu Diệu Âm Lê Minh
3227 Irving St.
Fortsmith, AR 72904
(479) 522-4650
(479) 285-6576

**Đạo hữu Minh Trí
Nguyễn văn Thành (Kenny)**
750 Tabor St # 37
Golden, CO 80401
(303) 233-5034

Chánh Kiến Phạm Hồng Tâm

1806 Bradford Place
Harvey LA, 70058
(504) 362- 4248

Tường Ngọc Phala Khun

219 Sedgwick Street
Syracuse, NY 13203
(315) 423- 0626

Đạo hữu Tâm Thuần Phú Văn

4979 Thrush Dr
Pueblo, CO 81008
(719) 252-8262
Email:Phatphap02@yahoo.com

CANADA

Đạo Tràng Tịnh Quang

Sư cô T.N.D.A- Tịnh Quang
620 Nodales Drive
Campbell River, B.C.V9H OA5
(250) 923-8919

Phan Thi Yen

31 Niagara St
Hamilton Ont L8L-6A3
Canada (905)387-9772

Lương Thị Thanh Thảo

2672 Jarry East (E)
H1 Z2 C7 Montreal QC, Canada
(514) 279-7588

Le Anh

5095 Pindale Ave Unit #108
Burlington Ont L7L-5K3
Canada (905)634-2911

Đặng Thị Hạnh Diệu Hiền

216 Bridleweath St,
Kichener.ONT N2 E4 B5 Canada
(519) 745 5898

Minh Giac & Dieu Ngo

439 Grand Highland Way
Mississauga Ont L4Z-3W1
Canada (905)712-2097

River Hill Pharmacy

2086 Lawrence Ave - West Unit #
1&2
Toronto Ont M9n 3Z9

PHÁP

**Asso Sangha Khuong Viet
(Pagode Khuôn Việt)**
53 bis, rue Charles de Gaulle
91400 Orsay, France.
+331 60 92 53 76
+ 331 69 29 0852

Đạo hữu Kim Thoa Võ
79 Rue Albert Sarraut
78.000 Versailles, France
09.5170.57.02

Đạo Hữu Tuyết Mai
127 rue de Dublin
77550 Moissy Cramayel France
+331 64 88 96 21

ÚC

Đạo hữu Nguyễn Đăng Hồ
10 Farnell Road
Yagoona NSW 2199
Australia
612 9786 2886

VIỆT NAM

Đạo hữu Nguyễn Ngọc Tâm
138 Ngô Quyền, Phường 5
Quận 10, TP Hồ Chí Minh
957-2965
090-833-7153

**Đạo hữu Đặng Kim Anh
(Diệu Âm)**
001 Phan Chu Trinh, Phường 2
Khu Phố 2
Thị Xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh
(066) 812-531

MƯỜI CÔNG ĐỨC ÁN TỔNG KINH TƯỢNG PHẬT

- 1- Những tội lỗi đã tạo từ trước, nhẹ thì được tiêu trừ, nặng thì chuyển thành nhẹ.
- 2- Thường được các thiện thần ủng hộ, tránh được tất cả tai ương hoạn nạn, ôn dịch, nước, lửa, trộm, cướp, đao binh, ngục tù.
- 3- Vĩnh viễn tránh khỏi những quả báo phiền khổ, oán cừu oan trái của đời trước cũng như đời này.
- 4- Các vị hộ pháp thiện thần thường gia hộ nên những loài dạ xoa ác quỷ, rắn độc, hùm beo tránh xa không dám hãm hại.
- 5- Tâm được an vui, ngày không gặp việc khốn, đêm ngủ không thấy ác mộng. Diện mạo hiền sáng, mạnh khỏe, an lành, việc làm thuận lợi, được kết quả tốt.
- 6- Chí thành hộ pháp, tâm không cầu lợi, tự nhiên y phục đầy đủ, gia đình hòa thuận, phước lộc đời đời
- 7- Lời nói, việc làm trời người hoan hỷ, đến đâu cũng được mọi người kính mến, ngợi khen.
- 8- Ngu chuyển thành trí, bệnh lành mạnh khỏe, khốn nghèo chuyển thành thịnh đạt. Nhàm chán nữ thân, mệnh chung liền được nam thân.
- 9- Vĩnh viễn xa lìa đường ác, sanh vào cõi thiện tướng mạo đoan nghiêm, tâm trí siêu việt, phước lộc tròn đầy.
- 10- Hay là vì tất cả các chúng sanh trông các căn lành. Lấy tâm cầu của chúng sanh làm ruộng phước điền cho mình.

Nhờ công đức ấy đạt được vô lượng phước quả thù thắng. Sanh ra nơi nào cũng thường được thấy Phật, nghe Pháp, phước huệ rộng lớn, chứng đạt lục thông sớm thành Phật quả.

ÁN QUANG TỔ SƯ DẠY:

“Án tổng kinh, sách Phật được công đức thù thắng như vậy, nên khi gặp chúc thọ, thành hôn, cầu phước, thoát nạn, sám hối, cầu tiêu trừ bệnh tật, cầu siêu độ hương linh, hãy tinh tấn phát tâm Bồ Đề án tổng, để trồng cội phước đức cho chính mình và thân bằng quyến thuộc”.

Mười Bốn Điều Dạy Của Phật

1. Kẻ thù lớn nhất đời người là chính mình.
2. Ngu dốt lớn nhất của đời người là dối trá.
3. Thất bại lớn nhất của đời người là tự đại.
4. Bất hạnh lớn nhất của đời người là ghen tị.
5. Sai lầm lớn nhất của đời người là đánh mất mình.
6. Tội lỗi lớn nhất của đời người là bất hiếu.
7. Đáng thương lớn nhất của đời người là tự ti.
8. Đáng khâm phục lớn nhất của đời người là vươn lên sau khi ngã.
9. Phá sản lớn nhất của đời người là tuyệt vọng.
10. Tài sản lớn nhất của đời người là sức khỏe, trí tuệ.
11. Món nợ lớn nhất của đời người là tình cảm.
12. Lễ vật lớn nhất của đời người là khoan dung.
13. Khiếm khuyết lớn nhất của đời người là kém hiểu biết.
14. An ủi lớn nhất của đời người là bố thí.

NIỆM PHẬT ĐẠT BẤT NIỆM TỰ NIỆM BẢO ĐẢM VĨNG SANH

Tác giả không giữ bản quyền, rất hoan nghinh mọi việc phiên dịch và tái bản ấn tống. Nếu cần, xin thông báo tác giả, để được cung cấp bản văn đánh máy sẵn trên CD. Chân thành cảm ơn.

Tác phẩm này được đưa lên website:

www.tinhluatemple.org

www.bodetam.org

Hồi Hương

*Nguyện đem công đức này
Hương bốn ân ba cõi
Khấp Pháp giới chúng sanh
Đồng vãng sanh Cực Lạc
Thành Phật độ chúng sanh.*

CHÙA TỊNH LUẬT ẤN TỐNG

FREE DISTRIBUTION, NOT FOR SALE

2011

Nam Mô A Di Đà Phật

Mô Hình Chùa Tịnh Luật

